

THÍCH PHƯỚC THÁI

CHUYÊN THIỀN MÔN

Phật lịch 2558 - Dương lịch 2014

Published by:

Quang Minh Temple
18 Burke St, Braybrook, Victoria 3019
AUSTRALIA
Tel: 61 3 9312 5729
Fax: 61 3 9311 0278
Email: thichphuocthai@gmail.com
Website: <http://www.quangminh.org.au>

National Library of Australia
Cataloguing-in Publication entry:
ISBN 978-0-9803726-8-7

CHUYỆN THIỀN MÔN

Thích Phước Thái @2014
First edition 2014
1500 copies

Editor: Thích Phước Thái
Proof Reader: Phước Thanh, Phước An
Book Designer: Thích Phước Viên
Cover Designer : Thích Phước Quảng

LỜI ĐẦU SÁCH

Chuyện Thiền Môn là những câu chuyện do chúng tôi biên soạn. Những mẫu chuyện này đã đăng rải rác trong các Bản Tin Đại Tông Lâm Phật Giáo. Bắt đầu từ số 17 cho đến số 29. Mỗi Bản Tin được kèm theo trong tờ Đặc san Phước Huệ phát hành ấn tặng mỗi kỳ vào các dịp đại lễ như: Phật Đản, Vu Lan và Tết Nguyên Đán. Tuy là câu chuyện dài nhưng mỗi kỳ đều có mỗi chủ đề khác nhau. Những nhân vật trong câu chuyện không phải là những nhân vật có thật ở trong đạo, nếu có sự trùng hợp thì đó chẳng qua là một sự trùng hợp ngẫu nhiên, ngoài ý muốn của bút giả. Chúng tôi dựa vào một vài nét sinh hoạt thực tế cụ thể trong thiền môn mà viết thành qua mỗi chủ đề khác nhau. Mỗi chủ đề tuy có khác, nhưng những nhân vật trong cốt chuyện trước sau đều có sự hoạt động liên tục. Qua mỗi câu chuyện, chúng tôi cố gắng diễn tả theo từng tâm trạng và hoàn cảnh của mỗi nhân vật hay thường xảy ra trong chốn thiền môn.

Sau khi đọc qua mỗi câu chuyện của mỗi Bản Tin, xét thấy rất hữu ích cho việc tìm hiểu, nên có một vài Phật tử yêu cầu chúng tôi là nên tập hợp lại những câu chuyện để in thành một quyển sách. Mục đích là cốt để cho mọi người tiện bề tìm hiểu một cách có mạch lạc và liên tục. Xét thấy lời yêu

câu này rất hữu lý và bổ ích nên chúng tôi đã quyết định cho in thành sách.

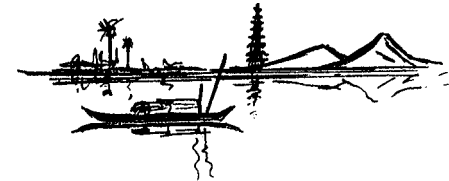
Nhân đây, chúng tôi cũng xin chân thành tri ân quý Đại Đức Thích Phước Viên, Thích Phước Quảng đã giúp cho phần in ấn và kỹ thuật trình bày. Quý Sư Cô Thích Phước Thanh, Thích Phước An đã giúp cho phần sửa lỗi bản in. Và chúng tôi cũng không quên thành tâm ghi nhận công đức của chư Tôn Đức Tăng, Ni, cùng quý liên hữu trong hai đạo tràng: Phước Huệ và Quang Minh cũng như quý Phật tử xa gần đã phát tâm ủng hộ tịnh tài ấn tống.

Xin tất cả nhận nơi đây lòng tri ân sâu xa chân thành của chúng tôi.

Nguyện đem công đức pháp thí này hồi hướng cho quý ân nhân cùng pháp giới chúng sinh đều trọn thành Phật đạo.

Trân kính.

Thích Phước Thái.



CÂY TÙNG

Chiều về, những tia nắng vàng nhạt yếu ớt le lói như còn vương vấn luyện lưu cùng cảnh vật. Hoàng hôn từ từ buông xuống bao phủ cả không gian tĩnh mịch. Ngôi chùa cũng đang chìm dần vào trong bóng tối. Tiếng đại hồng chung ngân vang như xé tan bầu không khí đang trầm lắng. Đó là báo hiệu cho mọi người chuẩn bị hành lễ của thời khóa Tịnh độ tối. Nhang đèn trên các bàn Phật đã được thắp sáng. Hai người đứng nghiêm trang trước bàn thờ Tổ. Ba tiếng chuông ngân lên, rồi tiếp theo là một hồi khánh dài. Tất cả đồng xá hòa chúng và rồi mỗi người lặng lẽ từ từ bước lên trên chánh điện.

Thời Tịnh độ tối bắt đầu. Nhà Sư rảo bước vòng quanh dưới mái hiên chùa. Thỉnh thoảng, người đưa mắt nhìn xuyên qua khung cửa sổ, như để theo dõi hai vị đệ tử của mình. Nhà Sư nổi tiếng là người rất nghiêm nghị. Đời sống của người rất đơn giản. Người hành trì giới luật rất tinh nghiêm. Dáng người trông có vẻ hơi gầy, nhưng vẫn còn tràn đầy sức sống. Người rất hiền hòa nói năng chậm rãi từ tốn. Vì thế, nên các đệ tử và bổn đạo trong làng rất yêu thương kính mến. Nhà Sư bước đi khoan thai chậm rãi đến gốc cây tùng và ngồi trên một băng đá. Màn đêm bao phủ càng lúc càng chìm sâu dần. Thỉnh thoảng một vài cơn gió mát nhẹ thoảng qua,

gây cho người một cảm giác thoải mái rất dễ chịu. Người ngồi yên ổn như để thiền quán sâu sắc vào một vấn đề gì đó...

Chung quanh chùa có nhiều tán cây cành lá sum suê mát mẻ. Phong cảnh rất nên thơ hữu tình ngoạn mục. Phía trước sân chùa là một vườn cây kiểng đủ loại. Những cây kiểng này phần lớn là do bôn đạo hiến tặng. Nhà Sư là người khéo tay và có đầu óc thẩm mỹ. Vì thế, nên người chăm sóc vườn kiểng trông rất là xinh lịch đẹp mắt. Phía sau chùa là một miếng rẫy rộng lớn. Nơi đó, trồng nhiều loại rau trái. Nhờ miếng rẫy này mà tăng chúng trong chùa đủ chi dụng quanh năm.

Từ ngoài lộ đá đi vào chùa, đường đi rất là ngoằn ngoèo quanh co. Một con đường lộ đất chỉ vừa đủ một chiếc xe nhỏ chạy vào. Hai bên đường vào chùa toàn là những cây cối mọc chằng chịt đan nhau um tùm.

Ngôi chùa nằm sâu trong rừng đồi, cách xa làng xóm. Do đó, nên ít có người lai vãng viếng thăm. Chỉ có vào những ngày lễ lớn thì mới có nhiều Phật tử đến chùa thắp hương lễ bái. Vì thế, mà ngôi chùa thật là yên tĩnh vắng vẻ. Trong chùa, ngoài một cụ bà chuyên lo quét dọn, nấu bếp và đóng đại hồng chung ra, còn có ba thầy trò, một Nhà Sư trụ trì và hai người đệ tử. Hai người đệ tử trong lứa tuổi

thanh xuân. Cả hai trông rất khỏe mạnh, vị lớn pháp danh là Huệ Văn, vị nhỏ pháp danh là Huệ Minh. Chú Huệ Minh chưa thọ cụ túc giới, tức giới Tỳ kheo. Huệ Văn lớn hơn Huệ Minh độ vài tuổi. Vì thầy Huệ Văn vào chùa xuất gia sớm hơn, nên Nhà Sư đã cho thầy thọ giới cụ túc vào lúc thầy được hai mươi bốn tuổi.

Huệ Văn sanh ra và lớn lên ở thành phố. Cha mẹ thầy rất khá giả. Thầy có bốn anh em mà thầy là người anh cả. Thầy đang học đại học năm thứ hai về ngành y khoa. Trong lúc đang học, bỗng xảy ra một biến cố rất đau thương là người mẹ sau một cơn bạo bệnh đã qua đời. Thầy rất đau buồn! Trong lúc đang buồn khổ, tình cờ thầy gặp Nhà Sư đang hóa duyên. Như đã có nhân duyên thầy trò trong nhiều đời, nên thầy đến bên Nhà Sư để bày tỏ nỗi lòng đau khổ mà thầy vừa mới mất mẹ!

Nhà Sư thấy thế rất cảm thương cho thân phận của người thanh niên xấu số bất hạnh này. Nhân đó, Nhà Sư giải bày an ủi và nói rõ về định luật vô thường Phật dạy, một định luật mà xưa nay không ai tránh khỏi. Sau khi nghe giải bày cặn kẽ, chàng thanh niên cảm thấy như có một tia sáng rọi vào tâm tư của chàng. Chàng cảm nhận được cuộc đời này, rồi ra ai cũng phải chết. Đời sống tranh đua hơn thua giành giật cầu xé với nhau, để rồi cuối cùng ai cũng phải từ giã mọi người thân thương của

mình mà ra đi. Một cuộc ra đi hành trình đơn độc. Như vậy, đời sống rốt lại cũng chỉ là “của thiên trả địa” thôi sao? Chẳng lẽ suốt cả cuộc đời chỉ biết loay hoay trong cái vòng lẩn quẩn đó? Thật là phi lý làm sao?! Phải có cái gì cao đẹp hơn nữa chứ. Chàng trầm ngâm suy tư cho kiếp sống. Nếu đời sống chỉ có giải quyết ngàn ấy việc, thì sống để làm gì? Thật là vô vị quá! Đó là những dòng suy tư và những câu hỏi luôn xoáy mạnh trong tâm tư của chàng.

Qua cái chết của người mẹ hiền, người mẹ mà chàng thương yêu nhất trên đời. Đó là một biến cố xảy ra rất lớn trong đời chàng. Hôm nay, có duyên lành lớn, được nghe những lời giải bày của Nhà Sư, nên chàng như vơi đi bao nỗi ưu phiền mà từ khi mẹ chàng mất đến giờ, chàng luôn ôm ấp mang nó nặng trĩu trong lòng. Nay chàng cảm thấy như trút đi gánh nặng ngàn cân và có phần hồi tâm tỉnh thức. Quả đó phải là người có nhân duyên gieo trồng hạt giống Phật pháp sâu dày trong nhiều đời mới có thể có được.

Trở về nhà, suốt đêm hôm đó chàng trầm trọc suy tư không chớp mắt. Đầu óc của chàng cứ mãi nghĩ đến lời giảng giải của Nhà Sư về lý vô thường Phật dạy. Vì là người có trình độ học vấn khá, nên sự nhận thức của chàng rất là sâu sắc. Sau vài ngày suy tư chín chắn, chàng quyết định tìm đến Nhà Sư mà chàng đã gặp hôm trước để cầu xin xuất gia.

Chàng xin phép người cha cho chàng đi tu. Lúc đầu, người cha tỏ ra giận dữ không đồng ý. Nhưng chàng cố quyết năn nỉ xin cho kỳ được. Chàng đưa ra nhiều lý lẽ để giải thích thuyết phục. Cuối cùng, người cha cũng đành phải chấp nhận. Thế là chàng khăn gói lên đường để tìm vị Sư mà chàng cảm thấy như có duyên sâu đậm trong nhiều đời.

Đến nơi, chàng trình bày mọi việc và xin được xuất gia. Lúc đầu, Nhà Sư không chấp nhận, vì cho rằng sự quyết định đó của chàng có hơi vội vã. Có thể đó là do một tâm tư bông bột thiếu suy nghĩ kỹ càng. Nhà Sư nói với chàng:

- Nguyện vọng xuất gia của con thì thầy không có ý ngăn cản. Nhưng thầy chỉ muốn con nên suy xét kỹ lại. Hiện giờ con là một sinh viên đang theo học ngành y khoa. Thầy muốn con nên trở về nhà cố gắng theo học cho đến khi tốt nghiệp. Chừng đó con có thể ra hành nghề cứu đời giúp người. Như vậy có phải là tốt hơn không. Nhà Sư trầm ngâm vài giây rồi nói tiếp:

- Con nên biết, chuyện xuất gia không phải là chuyện dễ dàng, vì nó rất hệ trọng cho cả cuộc đời của con sau này. Hơn nữa, đời sống của người xuất gia không phải tầm thường. Vì đó là cả một chí nguyện lớn lao siêu trần đạt đạo. Trước mắt là phải chịu cực chịu khổ, thức khuya dậy sớm hành trì lễ

bái. Theo thầy, con không nên có quyết định hấp tấp vội vã, mà sau này phải ăn năn hối hận.

Dù có những lời lẽ phân trần lý lẽ xác đáng chân thật của Nhà Sư, nhưng chàng vẫn khư khư một mực quyết tâm giữ vững lập trường và cố nài nỉ khẩn cầu van xin cho kỳ được. Chàng nói bằng giọng nói hiền từ nhưng ngầm chứa đựng ý tưởng dứt khoát:

- Kính bạch Thầy, qua những lời khuyên bảo phân tích của Thầy, thật con vô cùng cảm kích và cảm ơn Thầy. Nhưng thưa Thầy, trước khi con đến đây, con cũng đã suy nghĩ rất kỹ. Cả đêm, con trằn trọc suy tư không thể ngủ được. Con nghĩ, sau này con có ra trường làm bác sĩ, thì con cũng chỉ trị được thân bệnh mà thôi, chứ con không thể nào trị được tâm bệnh. Chi bằng, Thầy cho con xuất gia học đạo, sau này con có thể vừa trị được thân bệnh mà cũng vừa trị được tâm bệnh. Như vậy, không phải có lợi hơn sao? Như Thầy đã có nói, trị được tâm bệnh mới là điều quan trọng. Khi dứt được tâm bệnh, thì thân bệnh cũng theo đó mà không còn. Vậy nay đây, con kính xin Thầy từ bi hoan hỷ dĩ lòng thương xót chấp nhận cho con được tròn sở nguyện. Nói đến đây, chàng sụp xuống đánh lễ Nhà Sư ba lạy như để mong người chấp nhận.

Nhà Sư thăm nghĩ, mình định dùng lý lẽ nói hơn thiệt cho nó hiểu, không ngờ nó lại thuyết phục mình. Thôi thì, đành phải chấp nhận cho hắn được toại nguyện. Thế là một buổi lễ xuất gia thật đơn giản chỉ có hai thầy trò làm lễ thế phát trên chánh điện.

Từ đó hai thầy trò chung sống hủ hủ sớm hôm với nhau. Tình nghĩa thầy trò ngày càng sâu đậm. Vốn có trình độ học thức sẵn, nên thầy Huệ Văn sau khi thế phát xuất gia không bao lâu, thầy đã học thuộc lòng hai thời khóa tụng. Thầy được Nhà Sư quan tâm dạy dỗ rất chu đáo, nên thầy khá giỏi giáo lý. Ngoài hai thời khóa tụng niệm sáng tối ra, những bộ kinh điển căn bản khác, thầy đều lần lượt học hết. Thầy có trí nhớ dai rất tốt.

Còn chú Huệ Minh vào chùa sau thầy Huệ Văn một năm. Hoàn cảnh của chú thật lắm tang thương bi đát. Chú đã mồ côi cha từ thuở nhỏ. Chú vừa tròn ba tuổi thì đã mất cha. Người cha chết trong lúc chiến tranh loạn lạc. Từ đó, chú sống dưới sự bảo bọc nuôi dưỡng của người mẹ. Mẹ chú không tái giá. Người quyết định ở vậy sống một mình để lo cho con. Nhưng bất hạnh thay! Năm chú lên mười ba tuổi, thì người mẹ sau một cơn bạo bệnh đã qua đời. Chú lâm vào hoàn cảnh mồ côi mất cả cha lẫn mẹ. Bây giờ, chú không biết phải nương tựa vào đâu! Chú sống lang thang rày đây mai đó, bữa đói,

bữa no. Sự học hành của chú cũng bị dở dang gián đoạn sau cái chết của người mẹ. Thế là, chú chỉ còn có cách là phải xin vào cô nhi viện. Chú sống trong cô nhi viện được vài năm. Tình cờ, một hôm chú gặp được Nhà Sư, người có việc vào thăm cô nhi viện. Nhân đó, chú lân la trò chuyện và cuối cùng, chú bày tỏ hết nỗi lòng qua tình cảnh đau khổ ngút ngàn của chú. Và chú có ý định muốn đi tu. Vì quá cảm thương cho thân phận bất hạnh của chú, nên Nhà Sư chấp nhận cho chú xuất gia. Chú vào chùa xuất gia. Năm đó chú mới được mười sáu tuổi. Qua năm sau, Nhà Sư cho chú thọ giới Sa di. Từ đó, chú trở thành một chú Sa di hiền từ ngây thơ và rất dễ thương mến...

Có lần, cả ba thầy trò chăm sóc mấy cây kiềng ở trước sân chùa. Nhìn thấy cây tùng đang chùng bầy ở trong chậu. Chú Huệ Minh lên tiếng hỏi :

- Bạch Thầy, cây tùng này sự sống của nó có giống như con người mình không? Một câu hỏi, làm Nhà Sư rất đỗi ngạc nhiên. Nhà Sư cười khẽ nói:

- Cây tùng này sự sống của nó không khác gì con người đâu con. Mà sao hôm nay, con hỏi thầy như vậy?

- Vì khi hôm, trong lúc thiền quán, con thấy mọi vật đều có sự sống tương quan với nhau rất chặt

chẽ. Không có một vật nào có thể đơn độc mà sinh tồn được.

Thế là, con đã hiểu về giáo lý duyên sinh của Phật dạy. Nhà Sư ôn tồn nói tiếp:

- Này con, sự sống của muôn loài cũng chính là sự sống của con. Nếu con biết bảo vệ môi trường sống chung quanh, đó chính là con khéo biết bảo vệ sự sống của con rồi. Ngược lại cũng thế. Con hiểu được sự sống tương quan tương duyên đó, là con đã hiểu được thế giới quan trong Kinh Hoa Nghiêm nói: “trùng trùng duyên khởi”. “Một là tất cả, tất cả là một”.

Con hãy nhìn vào cây tùng này, nó chỉ khác với con người là vì nó là loài thực vật. Trong nhà Phật gọi nó là loài vô tình chúng sanh. Còn con người và các loài động vật khác, thì gọi là hữu tình chúng sanh. Nếu nói về nhận thức hiểu biết, thì loài vô tình cái biết của nó rất là yếu kém. Tất nhiên, thua con người rất xa. Nhưng nói về sự sống thì cả hai không khác gì nhau. Loài vô tình nó cũng cần có những nhu cầu thiết yếu cho sự sống của nó. Nhà Sư nói tới đây, Huệ Văn liền hỏi:

- Bạch Thầy, nhu cầu thiết yếu cho sự sống của nó là gì?

Nhà Sư tươi cười đáp: Con thấy nó sờ dĩ tốt tươi như thế này, có phải là nhờ thầy để ý chăm sóc cho nó thường xuyên không?

- Dạ phải. Thầy thường bảo con nên nhớ thỉnh thoảng tưới nước và vô phân cho nó.

Nhà Sư nói: Đó mới chỉ là hai nhu cầu thiết yếu thôi. Ngoài ra, nó còn phải nhờ nhiều điều kiện khác giúp cho nó nữa. Nếu không có ánh nắng mặt trời, đất tốt, không khí, hay những hạt sương rơi v.v... và nhất là người chăm sóc, thì thử hỏi nó có sống được hay không ?

- Dạ bạch Thầy chắc chắn là nó không thể nào sống được.

Nhà Sư ngừng giây lát, từ từ chậm rãi khum người xuống sửa lại cây tùng và rồi nói tiếp :

- Thầy và con cũng như mọi sinh vật trên đời này, nếu thiếu những thức ăn, thức uống và tất cả những thứ khác hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp, thì thử hỏi chúng ta có thể sinh tồn được không ?

- Dạ bạch Thầy, chắc chắn là không thể nào sống được.

Nhà Sư lấy tay bẻ một vài lá tùng úa và nói :

- Nhưng khi chăm sóc nó, con cũng phải biết cách để nuôi dưỡng nó. Con phải biết loại phân đất nào thích hợp với nó. Nếu như con cho nó ăn phân và tưới nước quá nhiều, tất nhiên, nó không thể nào sống được. Vì phân đất không thích hợp với nó. Con chỉ cần cho phân đất vừa chừng và tưới nước cũng vậy. Không phải cho phân hay tưới nước nhiều là nó tốt. Sự ăn uống của con người cũng thế. Con người cần phải biết thức ăn nào có lợi ích bổ dưỡng cho cơ thể. Những thức ăn nào có chứa nhiều độc tố thì không nên dùng. Chỉ dùng những thức ăn nào có nhiều sinh tố bổ dưỡng mà thôi. Nhưng cũng không nên ăn quá nhiều mà nó phản tác dụng và có hại cho sức khỏe. Đó là phải khéo biết giữ gìn điều hòa sự ăn uống mà Phật đã dạy. Nhà Sư ngừng giậy lát rồi nói tiếp :

- Các con có còn nhớ bài thơ “Hòa Diệu Sống” mà thầy đã đọc cho hai con nghe hôm trước không ?

- Chú Huệ Minh nhanh mồm liền thưa :

- Dạ, bạch Thầy con còn nhớ.

- Nhà Sư bảo : Vậy con có thể đọc thuộc lòng cho thầy nghe thử.

- Chú Huệ Minh như có dịp trở tài trả bài thuộc lòng cho vị Sư Phụ và sư huynh của mình nghe. Chú liền cất cao giọng lớn tiếng đọc :

*Sống lâu phải khéo điều hòa
Tâm, sinh, vật lý khéo hòa bình an
Giận nhiều có hại cho gan
Buồn quá hại phổi nghĩ toan hại tỳ
Ăn uống đừng để béo phì
Vui mừng quá lộ tim thì dễ ngưng
Sợ quá hại thận đau lưng
Tâm an thân khỏe đừng dưng với đời
Niệm Phật lòng dạ thanh thoi
Không còn cố chấp sáng ngời đạo tâm
Vọng tưởng dấy khởi chớ làm
Thường hằng quán chiếu Phật tâm đâu xa
Sáng soi phân biệt chánh tà
Hạnh tu « buông xả » đó là Lạc bang
Niệm Phật cuộc sống an nhàn
Phải niệm cho đúng buộc ràng tháo tung
Niệm Phật “Sự, Lý” viên dung
Mới là chơn niệm vô cùng an vui*

Nghe xong, thầy Huệ Văn liền khen chú trả bài khá lắm.

Trong khi đó, Nhà Sư đưa mắt nhìn cảnh vật chung quanh của khu vườn và hít thở vài hơi nhẹ nhàng trong chánh niệm. Nhà Sư liền bảo :

- Các con có biết không, xưa kia, Đức Phật đi khát thực, thiên hạ cúng gì Ngài ăn nấy. Mỗi ngày Phật chỉ dùng có một bữa gạo trai thôi. Tôi lại, có khi Ngài phải ngủ dưới gốc cây. Đức Phật và những đệ tử đi theo bên Ngài chỉ có ba y và một bình bát. Đời sống của các Ngài rất giản dị. Các Ngài không đòi hỏi nhiều nhu cầu cho sự sống như chúng ta hiện nay. Vì vậy, nên các Ngài có quá nhiều hạnh phúc. Con thấy ba thầy trò chúng ta sống nơi vắng vẻ xa xôi làng mạc như thế này, ban ngày thì cuốc đất trồng rau cải khoai sắn để ăn, ban đêm thì tụng kinh tham thiền niệm Phật. Nhờ đời sống vật chất có phần giản dị, nên tâm hồn của chúng ta mới được an ổn nhẹ nhàng thanh thoát.

Thỉnh thoảng, Phật tử mới tới đây để cúng dường thực phẩm hoặc chút ít tịnh tài để chúng ta chi dụng. Nhưng nếu so với đời sống của Đức Phật và các vị Thánh chúng khi xưa, thì đời sống của chúng ta kể ra cũng quá đầy đủ hơn các Ngài nhiều lắm rồi. Các con nên nhớ, đời sống mà mình càng hưởng thụ vật chất nhiều chừng nào, thì nó sẽ làm tổn giảm đức hạnh của mình nhiều chừng nấy. Tổ Quy Sơn có dạy : "Thọ dụng càng nhiều thì người thí chủ càng có lợi lớn" (Thọ dụng ân phần thí lợi nông hậu). Người xuất gia của mình giống như viên đá mà người thí chủ giống như là những con dao. Họ cứ dên mài dao trên viên đá của mình hoài, tất nhiên, viên đá của mình ngày càng mòn dần,

còn con dao của họ ngày càng thêm sắc bén. Nghĩ thế, nên tụi con phải ráng cố gắng thúc liễm thân tâm mà lo tu hành. Không nên thọ dụng của Đền na thí chủ nhiều lắm. Thọ nhiều mà mình không có làm điều gì có lợi ích cho Phật pháp, cho chúng sanh, thì nặng nợ lắm đó các con có biết không !

Nói tới đây Nhà Sư ngừng lại vài giây như để tạo thêm sự chú ý của hai vị đệ tử của mình, rồi người khẽ nói :

- Người xuất gia, chư Tổ Sư thường răn nhắc chúng ta là phải "Tam thường bất túc".

Huệ Minh liền hỏi :

- Dạ bạch Thầy, tam thường bất túc có nghĩa là gì mà lâu nay con chưa nghe Thầy nói.

Nhà Sư nhìn vào đôi mắt trong sáng của chú rồi người ôn tồn nói :

- Tam thường bất túc có nghĩa là ba thứ nhu cầu : ăn, mặc và ngủ nghỉ. Ba thứ này đối với người xuất gia cần phải vừa đủ thôi. Bất túc là không nên cho dư thừa. Khi ăn không nên ăn cho no bụng, mà phải cho nó lưng thiếu một chút. Như thế, vừa có lợi cho sức khỏe mà cũng vừa tránh được cái lỗi tham cầu. Đến mặc và ngủ nghỉ cũng thế. Người xuất gia, Phật Tổ dạy phải có đời sống đơn giản.

Càng đơn giản chừng nào thì càng có an lạc hạnh phúc nhiều chừng nấy. Vừa nói tới đây, Huệ Văn liền hỏi :

- Bạch Thầy, con thấy cây tùng này, nếu mình để nó trong cái chậu nhỏ, thì đất và phân chắc chắn là không đủ sức nuôi dưỡng cây tùng lớn lên được. Muốn cho nó mau lớn phát triển nhanh, thì theo ý con, mình phải đem nó trồng ra ngoài. Như vậy, thì nó mới đủ sức lớn.

Nghe thế, chú Huệ Minh như biểu đồng tình với sư huynh của mình, liền tán thán :

- Ô ! ý này của sư huynh rất là hay. Công nhận đạo này sư huynh có nhiều ý tưởng rất tuyệt. Huệ Văn như đắc ý thích thú liền nở nụ cười tươi rói và nói :

- Sư đệ khen sư huynh trước mặt Sư Phụ làm cho sư huynh nở phòng cái lỗ mũi to lên rồi nè !

Nãy giờ, Nhà Sư lặng lẽ lắng nghe hai người học trò thân thương của mình đối đáp với nhau. Đoạn, Nhà Sư ôn tồn phân giải :

- Ý kiến của Huệ Văn rất hợp với ý của thầy. Nhưng trước hết, thầy sẽ nói cho hai con nghe về cái lý nhân duyên trong nhà Phật. Mặc dù, vừa rồi thầy có nói qua cho Huệ Văn nghe, nhưng còn hai

duyên quan trọng mà thầy chưa có nêu ra để giải thích thêm cho hai con rõ. Huệ Minh liền hỏi :

- Bạch Thầy, hai duyên gì mà quan trọng lắm vậy ?

Nhà Sư nói hai điều kiện quan trọng mà thầy sẽ nói ra đây, đó là “Tăng thượng duyên” và “Đẳng vô gián duyên”.

Thế nào là tăng thượng duyên?

Tăng thượng duyên là mình phải làm cho những điều kiện tăng thêm lên. Thí như, mình trồng cây tùng này đó là chánh nhân. Đất, phân tốt và tất cả những điều kiện chung quanh khác giúp cho cây tùng được tốt tươi mau lớn, nhà Phật gọi những thứ đó là tăng thượng duyên. Đây gọi là tăng thượng duyên trên chiều hướng thiện, tức làm cho cây tùng phát triển tốt đẹp thêm. Ngược lại, cũng tăng thượng duyên, nhưng không khéo thì sẽ tăng thêm nhiều tội lỗi xấu ác. Đó là theo chiều hướng bất thiện. Nói tóm lại, cây tùng là chánh nhân, mà môi trường chung quanh làm cho cây tùng phát triển tốt đẹp đều gọi chung là tăng thượng duyên cả. Đó là thầy lấy cây tùng làm thí dụ. Nếu như các con suy nghĩ qua các việc khác cũng như thế. Như các con chọn pháp môn niệm Phật để tu đó là chánh nhân. Có thiện hữu tri thức hướng dẫn chỉ dạy, Kinh điển chỉ bày về Tịnh độ, bạn đồng tu, thời khóa quy

định v.v... đó là những tặng thưởng duyên tốt. Những điều kiện này sẽ giúp cho các con mau thăng tiến trên đường tu rất nhanh. Ngược lại, thì các con sẽ không thể nào có được cái kết quả tốt đẹp.

Thế nào là Đẳng vô gián duyên?

Đẳng vô gián duyên là những điều kiện liên tục không cho xen hở. Thí như con chăm sóc cây tùng này đừng để cho nó gián đoạn. Như sau khi trồng cây tùng rồi, các con cần phải lưu ý quan tâm chăm sóc kỹ lưỡng nó. Như phải thường xuyên tưới nước, vô phân v.v... Nếu thiếu sự chăm sóc thường xuyên này thì cây tùng sẽ không thể nào phát triển tốt đẹp được. Từ cây tùng, đến các việc khác, các con suy ra đều như thế cả. Như các con niệm Phật thì phải niệm cho liên tục, ngày đêm không được xen hở. Đó gọi là đẳng vô gián duyên. Như hiện nay thầy dạy cho các con học. Nếu như ngày nào các con cũng cố gắng bền chí học hỏi đều đều, không bị gián đoạn, thì chắc chắn sự học của các con sẽ có tiến bộ khá. Bằng ngược lại, các con học một ngày rồi nghỉ bốn năm ngày, như thế là thiếu điều kiện liên tục, tất nhiên, các con sẽ không thể nào học giỏi được.

Nói tóm lại, các con làm một việc gì đó, có ích lợi cho mình và người và phải làm một cách liên tục

không được gián đoạn, thì đó đều gọi là đấng vô gián duyên cả. Trong cuộc sống của con người, dù ngoài đời hay trong đạo, nếu thiếu hai duyên này, thì việc làm của họ rất khó thành công. Nhờ có hai duyên này, mà việc làm mới có thể tiến bộ lợi ích được. Thầy nói sơ chắc các con cũng hiểu rồi chứ !

- Dạ, bạch Thầy tui con đã hiểu.

Còn một điều nữa mà thầy cũng muốn nhắc nhở thêm, là sau này các con có đủ cơ duyên tu học khá rồi, thì các con phải mở rộng sự hoằng truyền giáo pháp của Phật sâu rộng đến mọi giai tầng trong xã hội. Có thế, thì đạo Phật mới thấm nhuần lan rộng khắp nơi được. Giống như cây tùng này, nếu các con cứ để nó mãi ở trong chậu nhỏ, thì nó cũng chỉ có ngần ấy thôi, chứ không phát triển gì thêm được. Khi con trồng nó ra ngoài, con cũng cần phải để ý đến môi trường sinh thái nuôi dưỡng nó phải cho thích hợp. Có thích hợp với môi trường chung quanh, thì nó mới phát triển tốt tươi được. Cũng thế, sự truyền bá giáo lý của các con sau này, cũng phải thích nghi với mỗi hoàn cảnh xã hội và tùy theo mỗi quốc độ mà các con phải tùy cơ linh động uyển chuyển cho thích nghi. Đó gọi là “tùy duyên bất biến” các con có biết không.

Tự này giờ hai huynh đệ lắng hết tâm tư để nghe vị Sư Phụ của mình giảng dạy. Mỗi người thâm nghĩ,

chỉ có trồng cây tùng thôi mà sao Sư Phụ lại giảng dạy nhiều bài học hay như thế. Như vậy, với người khi đã am hiểu thâm sâu Phật pháp rồi, họ nhìn đâu cũng thấy là Phật pháp cả. Đó là vì họ đã được giác ngộ. Ngược lại, vì còn sống trong vòng mê muội tối tăm, nên chúng ta đưa mắt nhìn đâu cũng thấy toàn là phiền não. Thế thì muốn tìm sự giác ngộ, không cần phải đi tìm ở đâu xa. Chỉ ngay những cảnh tượng xảy ra trước mắt hằng ngày, nếu như tâm mình được thanh tịnh sáng suốt, thì mọi cảnh vật đều là tươi mát đẹp đẽ hết.

Có thể nói, đây là lần đầu tiên, hai huynh đệ cảm nhận một bài học rất sâu sắc, do Sư Phụ của họ truyền đạt. Hai huynh đệ thâm cảm ơn Sư Phụ đã hết lòng chỉ dạy. Mỗi người tuy không ai nói ra, nhưng tận tâm tận ý nguyện sẽ không bao giờ quên những lời dạy vô cùng quý báu của Sư Phụ hôm nay. Ba thầy trò mãi trò chuyện với nhau mà đã đến giờ Ngọ trai khi nào không hay. Trời đã trưa, ba thầy trò vui vẻ lặng lẽ trở vào trong chùa để dùng Ngọ trai...



LÀM VƯỜN

Sau giờ tiểu thực sáng, như thường lệ thầy Huệ Văn đi ra phía sau vườn chùa để làm công tác.

Buổi sáng hôm nay, khí trời mát mẻ trong lành thật dễ chịu. Mặt trời vừa lên khỏi ngọn cây. Năng ban mai rất đẹp. Những hạt sương sớm lấp lánh như pha lê đã tan biến mất, chỉ còn đọng lại những ánh nước long lanh thấm ướt trên những chiếc lá xanh mướt và những ngọn cỏ đang phơi mình để sưởi nắng. Một vài cơn gió nhẹ thoảng qua, gây cho thầy một cảm giác nghe hơi lành lạnh. Tuy vậy, nhưng thầy rất thích những buổi sáng sớm trong lành mát mẻ đẹp trời như thế này. Vì rất thích hợp cho việc làm vườn của thầy. Trên cành cây một vài con chim chích chòe kêu lên ríu rít. Chúng nhảy nhót tung tăng như mừng vui reo hò hát ca trong nắng ấm.

Huệ Văn đến nhìn mấy liếp cải xanh tươi và rồi ngồi xuống nhổ một vài cây cỏ mọc xen với những cây cải. Những lá cải bẹ xanh lớn trải xòe mướt rướt. Trong lúc đó, thì chú Huệ Minh cũng vừa ra tới. Chú Huệ Minh thì rất thích giàn mướp hương đầy trái. Có những trái to và dài thòng xuống. Chú rất thích ngắm nhìn những trái mướp đó. Vì đó là cái kết quả mà hơn hai tháng qua chú đã bỏ công sức ra để làm. Chú trồng chỉ có mấy dây mướp thôi mà nó có rất nhiều trái. Mướp hương mà nấu canh

với đậu hũ trắng ăn rất ngon. Vì nó rất ngọt nước. Bởi vậy chú rất thích. Chú đang đi kiếm thùng để tưới mấy dây mướp, bỗng nghe tiếng Nhà Sư gọi. Chú nhìn lại phía sau, thì thấy Nhà Sư đang lui cui sửa lại mấy dây khổ qua.

- Dạ! Sư Phụ gọi con.

- Con, dọn dẹp lau chùi ở trên điện Phật xong chưa mà ra đây.

- Dạ! Bạch Sư Phụ, con đã làm xong hết rồi.

Vừa nói, Nhà Sư vừa đi đến mấy liếp cải của thầy Huệ Văn. Huệ Văn đứng lên chào Sư Phụ. Huệ Minh cũng đi theo phía sau. Ba thầy trò vừa đi vừa đưa mắt nhìn chung quanh khu vườn và vừa trò chuyện với nhau. Thầy Huệ Văn lên tiếng hỏi Nhà Sư:

- Bạch Thầy, hôm qua khi con đang xới đất để trồng thêm mấy luống rau sồng, bất chợt con nhớ lại câu chuyện Thiền.

- Câu chuyện gì? Nhà Sư hỏi.

- Bạch Thầy, câu chuyện giữa Thầy tri viên và Thiền Sư Dược Sơn Duy Nghiễm. Đọc qua câu

chuyện đó, con cứ mãi suy tư qua lời nói của Ngài Dược Sơn, mà con vẫn chưa hiểu.

- Lẽ ra, chính cái chỗ con chưa hiểu đó là tốt. Nhưng, thôi được, con cứ trình bày tiếp cho thầy nghe.

- Dạ, bạch Thầy, Ngài nói với thầy tri viên là: “Ông trồng thì trồng ta không ngăn cản ông, nhưng ông trồng đừng cho nó mọc rễ. Khi đó thầy tri viên mới nói: Bạch Hòa Thượng, nếu trồng mà không cho nó mọc rễ thì đại chúng lấy gì mà ăn? Ngài Dược Sơn hỏi lại: Bộ ông cũng có miệng nữa sao?”

Nhà Sư nãy giờ lắng nghe người đệ tử của mình kể sơ lại câu chuyện thiền. Nghe xong, Nhà Sư mỉm cười và nói:

- Con ạ, hành động cuốc đất trồng rau là một trong tất cả mọi việc làm khác ở trong thiền môn. Con có thể làm tất cả mọi việc: gánh nước, tưới cây, nhổ cỏ, rửa chén, lau nhà, quét dọn v.v... Như hiện giờ con, Huệ Minh và thầy, chúng ta đều phải lao tác trồng mọi thứ rau cải hoa quả mới có tiêu dùng. Tuy nhiên, việc làm ở trong nhà thiền, nó khác hơn ở ngoài đời.

Huệ Minh xen vào hỏi: dạ, bạch Thầy khác như thế nào à?

- Chính đó là điều mà thầy muốn nói cho các con hiểu. Này nhé, ở ngoài đời họ làm đâu là họ bị dính mắc ở đó. Do dính mắc, nên họ mới có tham, sân, si nổi lên. Đó là hiện tượng của lòng tham chấp ngã, chấp pháp quá sâu nặng. Ai cũng thấy việc mình làm là quan trọng hơn tất cả. Từ đó, họ mới khởi ra sự hơn thua tranh chấp lẫn nhau. Họ làm là vì danh vì lợi. Nói rõ ra là vì cuộc sống của họ. Ngược lại, chúng ta làm để mà làm. Làm không cần phải bận tâm lo lắng gì với công việc nên hư, thành bại, được mất của mình. Làm với tâm an nhiên thư thái ung dung. Không để cho tâm dính mắc vào công việc của mình.

Tôi hôm qua, trong lúc dạy Duy Thức cho các con học, các con còn nhớ trong mười một món thiện, có một món gọi là “hành xả”. Hành là làm, xả là bỏ. Làm đâu buông bỏ đó. Đó là làm mà không cho nó mọc rễ đó con. Vì hễ còn mọc rễ là còn dính mắc. Mà hễ còn dính mắc là còn đau khổ. Việc cuộc đất trồng rau như thầy trò mình đã làm từ bấy lâu nay, nhưng mình làm với tâm an nhiên tự tại giải thoát. Làm như thế mới xứng hợp với bản tâm. Vì bản tâm mình nó rời lìa tất cả tướng. Vì rời lìa tất cả tướng nên mới được giải thoát. Các con còn nhớ trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật có dạy: “Ly nhứt thiết tướng, tức nhứt thiết pháp” đó không?. Huệ Văn không chờ Thầy giải thích thêm liền hỏi:

- Bạch Thầy, câu đó có ý nghĩa như thế nào? Kính xin Thầy giải thích thêm cho tụi con rõ. Nhà Sư ngược mắt nhìn lên trời, thấy từng đám mây trắng bay ngang qua, rồi đưa mắt nhìn sâu vào đôi mắt sáng quắc thông minh của thầy Huệ Văn và chậm rãi nói:

- Ly nhứt thiết tướng có nghĩa là rời tất cả mọi hình tướng. Đây là chỉ cho thể tánh chơn như. Vì chơn như vốn lìa tất cả tướng. Luận đến chỗ cứu cánh, thì không thể dùng lời nói để luận bàn hay suy nghĩ đến được. Vì đến đó bặt dứt hết mọi dấu vết. Nói đến đây, Nhà Sư ngược mắt nhìn lên trời và nói :

- Các con có thấy những đám mây trắng bay ngang qua bầu trời đó không?

- Cả hai đều thưa: dạ, thầy.

- Những đám mây bay qua bay lại trong bầu trời, nhưng bầu trời không có liên hệ gì đến những đám mây đó cả. Bầu trời là dụ cho thể tánh chơn như. Đó là nghĩa “ly nhứt thiết tướng”. Còn những đám mây là dụ cho các hiện tượng, có sanh, có diệt, có qua, có lại , có tới, có lui v.v...Nhưng bầu trời thì vẫn yên lặng bất sanh bất diệt. Các con thấy những đám mây kia, không ngoài bầu trời mà có, đó là nghĩa “tức nhứt thiết pháp”. Nói gọn cho dễ hiểu: bầu trời lìa tất cả đám mây, nhưng những đám mây

kia không ngoài bầu trời mà có. Đó là nghĩa “ly nhứt thiết tướng, tức nhứt thiết pháp”.

Nói đến đây, nhà sư ngừng giậy lát, như để cho các đệ tử của mình có chút thời gian để suy tư về nghĩa lý thâm sâu uyên áo đó. Nhà Sư nhìn chung quanh cảnh vật, dưới ánh nắng tươi đẹp chan hòa của buổi sáng. Rồi Nhà Sư nhìn vào đôi mắt trong sáng đầy vẻ ngây thơ của chú Huệ Minh, như ngầm hiểu hai đệ tử của mình chưa hiểu rõ mấy, nên Nhà Sư nói thêm:

- Này con, con có quyền nhìn thấy tất cả mọi cảnh vật chung quanh, nhưng tâm con không bị dính mắc vào một sự vật nào hết. Khác nào như những đám mây trắng bay qua lại tự do tự tại trong bầu trời, không bị dính mắc vào đâu cả. Thấy tất cả mà không bị dính mắc. Đó chính là nghĩa “Ly nhứt thiết tướng”. Tuy không bị dính mắc, mà không chỗ nào ngoài tánh thấy của con, đó là nghĩa “Tức nhứt thiết pháp”. Con thử tìm ra chỗ nào là không phải tánh thấy của con, chỉ cho thầy coi. Như vậy, tánh thấy của con nó bao trùm khắp hết. Đó là thầy nói đại khái cho các con hiểu sơ qua về câu nói Phật dạy ở trong Kinh Lăng Nghiêm. Các con có hiểu chút nào không?

- Cả hai đều thưa: dạ, bạch Thầy, chúng con đã hiểu.

Nhà Sư nói, như vậy là tốt rồi. Bây giờ thầy nói việc tu hành trong bình diện thông thường cho các con rõ thêm. Vì cái lý đó cao siêu lắm, thầy trò mình với không tới đâu.

Việc tu hành của mình cũng giống như công việc của chúng ta làm vườn. Con thấy, mấy năm trước đây, khi mình chưa khai thác trồng trọt, thì cả khu vườn này cây cối, cỏ dại mọc tràn lan um tùm. Nhưng khi thầy trò mình bắt đầu chịu khó đôn chặt, nhổ cỏ, dọn dẹp, rồi cuốc xới đất phơi nắng cho sộp. Khi miếng đất đã được trồng trải hết rồi, thì con thấy nó khác hơn trước kia rất nhiều. Ai trông thấy cũng trầm trồ khen ngợi và trông rất đẹp mắt. Từ đó, thầy trò mình bắt đầu gieo giống. Trải qua thời gian không bao lâu, thì chúng mình đã có một mảnh vườn rất đẹp, vì có nhiều loại rau trái để ăn. Nói tới đây, Nhà Sư đưa ngón tay trỏ chỉ vào mấy liếp cải và nói:

- Đó! Con thấy chưa, hai tháng trước đây, chỗ này toàn là cỏ dại, nhờ con ra sức nhổ sạch hết cỏ rồi gieo hạt cải xuống, nay trở thành những cây cải xanh tươi, lá to.

Con ạ, khu vườn tâm của chúng ta cũng thế. Các con còn nhớ trong Duy Thức kê ra trong tâm thức của mình có rất nhiều loại hạt giống phiền não. Các nhà Duy Thức phân ra có hai loại: “Căn bản phiền

não và tùy phiền não”. Căn bản phiền não thì gồm có sáu thứ: tham, sân, si, mạn, nghi và ác kiến. Từ ác kiến mà nếu chia ra thì có 5 thứ: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, và giới cấm thủ. Còn tùy phiền não thì gồm có 20 thứ. Tùy theo cường độ nặng nhẹ, mạnh yếu của chúng mà người ta chia ra có: “tiểu tùy, trung tùy và đại tùy”. Tiểu tùy gồm có 10 thứ: phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm, hại, kiêu. Trung tùy gồm có hai: vô tầm và vô quý. Đại tùy gồm có tám: trạo cử, hôn trầm, bất tín, giải đãi, phóng dật, thất niệm, tán loạn, bất chánh tri. Chung lại là có tất cả 30 thứ. Rồi còn có các thứ khác nữa như: mừng, giận, thương, sợ, buồn, ghét, muón. Bảy thứ này, người ta gọi là thất tình. Các con thử ngẫm, suốt ngày, mình chỉ sống làm nô lệ cho những thứ đó sai khiến. Chúng khuấy động tâm mình không lúc nào yên. Phật nói đó là những thứ vọng tưởng.

Kể đến đây Nhà Sư ngừng lại. Khi đó, Huệ Văn liền hỏi:

- Dạ, bạch Thầy có cách nào trừ khử chúng nó không?

- Dĩ nhiên là có. Đó là chúng ta phải bền chí tu trì. Như tụi con phải bền chí ra công sức mà làm vườn vậy. Các thứ phiền não giống như các loại cỏ hoang dại. Các con cần phải nhổ trừ diệt cho nó tận

gốc rễ. Loại tùy phiền não thì dễ trừ dễ đoạn hơn là loại căn bản phiền não. Loại căn bản phiền não vì gốc rễ của nó rất sâu dày. Vì vậy, nên gọi nó là “căn bản chủng tử” hay còn có tên khác là “câu sanh chủng tử”. Câu sanh là vì có mặt mình là đã có nó rồi. Nó thật khó trừ, khó đoạn giống như khi tụi con nhỏ cỏ gặp ba thứ cỏ cú, cỏ chỉ vậy.

Vừa nói tới đây, Nhà Sư đưa tay chỉ vào mấy cọng cỏ cú nằm xen lẫn trong các bụi cải. Loại cỏ này, con phải chịu khó đào sâu xuống đất và phải lấy cho hết gốc rễ của nó, thì nó mới không mọc lên được. Còn nếu như tụi con nhỏ không kỹ lưỡng, chỉ còn sót một cọng rễ nhỏ thôi, thì nó cũng vẫn mọc lên. Bây giờ, các con không thấy nó ở đâu, nhưng khi trời mưa xuống hay các con tưới nước ướt đất, thì chúng nó sẽ mọc lên.

Cũng vậy, cái lũ tập khí phiền não căn bản này, bình thường nó trú ngụ ở đâu mình không thấy biết. Nhưng khi gặp cảnh xúc duyên thì chúng nó xuất đầu lộ diện. Từ đó mình mới tạo nghiệp và rồi thọ khổ. Nếu như tụi con chịu khó thường quán chiếu sâu vào nội tâm hằng ngày, thì tụi con mới nhận ra từng vọng niệm đầy khởi. Đó là cách nhận diện và chuyển hóa chúng nó. Bởi những thứ tập khí này chúng nó không có thật thể. Như các loại cỏ cây, chúng chỉ nương vào đất mà có. Các thứ phiền não trong tâm mình cũng vậy. Chúng nương vào bản

tâm mình mà có ra. Cũng như sóng nương nơi nước mà có. Như vậy, chúng nó chỉ là những hiện tượng sanh diệt không thật. Tuy chúng không thật, nhưng khi nó nổi lên mà tụi con theo nó thì sẽ gây tạo ra vô số nghiệp ác. Muốn không tạo nghiệp, thì khi làm việc gì ở đâu các con cần phải gìn giữ chánh niệm cẩn thận ở đó. Nhất là làm việc gì thì nên buông xả việc đó. Phật dạy vô lượng pháp môn tu, mục đích cũng chỉ nhắm thẳng vào tiêu trừ hoặc chuyển hóa lũ phiền não này đó thôi.

Vừa nói tới đây, thì chú Huệ Minh hỏi :

- Dạ, bạch Thầy, ngoài những thứ phiền não bất thiện này ra, trong tâm mình còn có những thứ gì khác không ?

Nhà Sư mỉm cười nhẹ và khẽ nói :

- Dĩ nhiên là có chớ con. Nếu không có những tâm sở thiện, thì làm sao mình nuôi dưỡng nó để làm nhiều điều lợi ích cho chúng sanh? Tuy nhiên, các tâm sở thiện này không có nhiều lắm, chúng chỉ có mười một thứ thôi. Đó là tín, tâm, quý, vô tham, vô sân, vô si, ... Ở đây, thầy chỉ mới nêu ra tên gọi của chúng nó thôi, để một dịp khác, thầy sẽ giảng giải cho các con nghe về từng loại một. Các con có nhận hiểu những thứ tâm sở bất thiện và những tâm sở thiện, thì tụi con mới biết để mà tiêu trừ và nuôi

duỡng. Tiêu trừ những loại phiền não xấu ác, nuôi dưỡng phát triển những tâm sở thiện. Trong Kinh thường khuyên bảo mọi người cần phải tu tâm và dưỡng tánh, chính là ý này vậy.

Bây giờ thầy trở lại câu chuyện của Ngài Dược Sơn mà Huệ Văn đã hỏi khi nãy. Đó là Ngài Dược Sơn đã dạy cho thầy tri viên một bài học giải thoát trong hành động. Sống ở thế gian này, làm sao các con tách biệt ra khỏi xã hội. Các con phải làm mọi việc để cứu đời giúp người. Song có điều các con nên ghi nhớ, việc làm của người xuất gia phải khác hơn người đời. Chúng ta làm chỉ vì mục đích để tạm sống qua ngày. Hoặc làm là vì đem lại lợi ích cho mọi người. Chớ không phải làm vì mình. Làm chỉ biết vì mình, đó là việc làm ích kỷ trái với tôn chỉ giác ngộ giải thoát của đạo Phật. Làm không vì danh lợi. Làm với tâm hoan hỷ vui vẻ. Khi tiếp xúc với ngoại duyên, các con phải nhớ là đừng để tâm buông lung phóng túng. Vì chính cái tâm phóng dật đó nó sẽ làm hại cả cuộc đời của các con. Tâm con người giống như con khỉ, con vượn. Nó không bao giờ đứng yên một chỗ. Nó chuyền nhảy lung tung. Nên trong Duy Thức gọi nó là thứ tâm viên ý mã (vượn lòng ngựa ý). Vì thế, các con phải cẩn thận ở nơi hành động và lời nói.

Nhà Sư giảng nói đến đó, bỗng nghe tiếng chim kêu vang lên. Nhà sư liền dừng lại trầm ngâm vài

phút. Như thức nhắc người đệ tử của mình, không nên để tâm rong ruổi theo ngoại cảnh. Phải luôn nhiếp tâm gìn giữ chánh niệm theo từng hơi thở. Có chánh niệm thì mới có an lạc. Như hiểu ý Sư Phụ, hai huynh đệ cũng lặng lẽ trở về với hơi thở chánh niệm. Đây là giây phút thật mau nhiệm. Vì chính giây phút này mình mới thực sự có mặt tiếp xúc với sự sống. Chỉ có giây phút này, mọi cảnh vật chung quanh mình mới thực sự trở nên tươi mát đẹp đẽ đó thôi.

Sau một phút chánh niệm, thầy Huệ Văn như đã hiểu ra những gì mà thầy đã suy tư trong mấy ngày qua, giờ đây như bừng sáng hẳn lên. Và thầy đã biết thế nào là an lạc giải thoát ở trong việc làm. Thế là, thầy không cần phải tìm kiếm Niết bàn ở đâu xa xôi, mà Niết bàn an lạc ở ngay dưới gót chân trong mỗi bước đi và hành động của thầy.

Sau đó ba thầy trò rời khỏi những liếp cái và đi từng bước chậm rãi khoan thai thành thơi nhẹ nhàng hướng về giàn mướp hương. Đến nơi, ba thầy trò dừng lại. Nhà Sư lấy tay sờ vào trái mướp và nói:

- Các con có biết không, người ta sống ở đời đau khổ nhiều, là chỉ vì họ sống không biết đủ. Họ không bao giờ biết dừng lại hài lòng với cuộc sống đơn giản. Họ tranh giành hơn thua với nhau từng

lời nói, từng việc làm. Còn thầy trò chúng ta cũng vì sự sống, nhưng sống trong hạnh phúc an lạc. Vì chúng ta khéo biết dừng lại. Nhà Sư vừa nói tới đây, thì bỗng nghe tiếng Huệ Minh khẽ bạch:

- Bạch Sư Phụ con phải vô chùa để chuẩn bị cho buổi ngộ trai. Xong rồi, Sư Phụ và sư huynh trở vô chùa thọ trai. Hôm nay, con làm bếp đãi cho Sư Phụ và sư huynh một bữa ăn đặc biệt.

Huệ Văn nói: Huynh biết rồi. Đặc biệt của sư đệ là rau luộc với nước tương chớ gì.

Sư huynh nói gì tề vậy. Ngoài rau luộc nước tương ra, còn có một món đặc biệt khác nữa là cà nướng dầm với nước tương ớt. Ngon hết sảy luôn.

Nhà Sư nói: Thôi được rồi. Con hãy vào trong lo làm bếp, thầy và sư huynh của con vào bên trong sửa lại vài cây kiểng mà người ta mới đem tặng hôm qua. Hai thầy trò một già một trẻ lặng lẽ âm thầm đi vào phía khu vườn kiểng chung bầy ở phía trước sân chùa...



HẠT GIỐNG

Như thường lệ sau giờ Tịnh độ tối, hai huynh đệ ôn lại bài vở của mình đã học. Mỗi người đều có một căn phòng ngủ nghỉ riêng. Trong phòng trang trí rất đơn giản. Ngoài cái đơn để ngủ, còn có một vài vật dụng linh tinh khác, như tủ sách, bàn viết và một cái tủ để đựng quần áo. Thầy Huệ Văn thì rất thích những bức tranh thủy mặc. Thầy chỉ treo trong phòng duy nhất một bức tranh trông rất thiêu vị. Ngược lại, chú Huệ Minh thì thích tranh ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm. Chú treo trên tường một bức hình Quán Âm Nam Hải trông rất đẹp mắt.

Sở dĩ chú thích chiêm ngưỡng hình ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm như thế, có lần, chú đã kể rõ lý do cho thầy Huệ Văn nghe. Chú nói: Lúc mẹ chú còn sống, người có kể lại cho chú nghe về sự linh ứng mầu nhiệm của Bồ Tát Quán Thế Âm. Số là, năm chú lên ba tuổi, có lần chú đau nặng thập tử nhưt sanh, nên ba mẹ của chú cả hai đều rất lo sợ. Một mặt, người lo chạy chữa thuốc thang, mặt khác, thì mẹ chú luôn hướng vọng về biển Nam Hải để hết lòng van lạy cầu nguyện Bồ Tát Quán Thế Âm hộ độ cho chú, vì chú là đứa con đầu lòng duy nhất của hai người. Do đó, nên hai người đã đặt hết tình yêu thương ở nơi con mình. Nhờ vào sự van lạy cầu nguyện chí thành tha thiết của mẹ, nên bệnh tình của chú ngày càng thuyên giảm dần. Thời gian

không lâu, chú lại được bình phục hẳn. Mẹ chú nói, chú rất có nhân duyên với đức Bồ Tát Quán Thế Âm. Nếu không có Ngài hộ độ cho, thì giờ này chắc chú không còn có mặt ở trên cõi đời này. Bởi thế, nên lúc nào chú cũng tưởng niệm và thường hay lễ bái Bồ Tát Quán Thế Âm. Đó là lý do mà trong phòng của chú, chú treo bức ảnh Bồ Tát Quán Thế Âm Nam Hải tuyệt đẹp.

Theo quy chế của thiền môn, quy định giờ khắc đâu ra đó rất rõ ràng. Giờ nào ra giờ này không được lộn xộn. Giờ tu, giờ học, giờ ăn, giờ chấp tác và giờ ngủ nghỉ, giờ nào phải theo đúng giờ đó. Trong chúng dù nhiều hay ít, đã vào chùa tu học là phải tuân theo quy củ. Vì thế, nên vấn đề kỷ luật rất nghiêm khắc. Người xuất gia ngoài phần gìn giữ giới luật nghiêm minh ra, còn phải gìn giữ bốn oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi rất cẩn thận. Một người khi mới cạo tóc xuất gia vào chùa, trước tiên là thầy cho học hai thời khóa tụng niệm. Hai thời khóa này bắt buộc phải học thuộc lòng. Buổi khuya thì tụng năm kệ Lăng Nghiêm và Đại Bi Thập Chú. Buổi tối, thì tụng Kinh A Di Đà. Trong thiền môn thường gọi hai thời khóa này là thời công phu khuya và thời Tịnh độ tối.

Phần oai nghi, bắt buộc người mới vào chùa phải học thuộc và ghi nhớ rõ ràng. Sau khi học xong hai thời khóa tụng niệm, thầy lại bắt phải học phần oai

nghi. Thầy Huệ Văn trước khi thọ giới Tỳ kheo, Nhà Sư dạy cho chú về oai nghi. Thầy học trong quyển Oai Nghi Tỳ Ni Nhật Dụng Yếu Lược. Quyển này có nhiều bài kệ và những câu chú. Mỗi một việc làm hằng ngày trong thiền môn đều kèm theo có một bài kệ. Như ngủ nghỉ, thức dậy, súc miệng, tắm rửa, đi cầu v.v... Mục đích là tập cho người mới vào chùa lúc nào cũng sống trong chánh quán, chánh niệm. Nhờ thế, nên tâm của hành giả mới được an lạc. Người xuất gia ngay từ buổi đầu đã phải thực tập chánh niệm như thế rồi.

Sau khi học rành về giới luật và oai nghi, thầy mới cho học những phần giáo lý căn bản. Khi có trình độ học lực khá, thì thầy mới cho đi thụ học ở các nơi khác. Như phải thi vào trong các Phật Học Viện. Tùy theo trình độ học lực mà thi vào những Phật Học Viện có những cấp bậc trình độ khác nhau.

Thầy Huệ Văn tuy trình độ nội điển có khá, nhưng vì Nhà Sư muốn dạy thêm cho thầy những phần giới luật căn bản, nhất là phần giới luật của một vị Tỳ kheo. Do đó, nên Nhà Sư chưa muốn cho thầy vào Phật Học Viện sớm.

Buổi sáng hôm nay, sau giờ chấp tác thường lệ, hai huynh đệ cấp sách đến giảng đường để nghe Nhà Sư giảng giải về môn Duy Thức. Duy Thức học là

một môn học chuyên sâu vào việc phân tích hiện tượng tâm lý của con người. Có thể nói đây là khoa tâm lý học tuyệt vời của Phật giáo. Môn học này tuy rất lý thú, nhưng cũng rất khó khăn. Không phải khó vì lý giải mà khó vì những danh từ hay những thuật ngữ pháp số chuyên môn. Những danh số này bắt buộc người học phải ghi nhớ thuộc lòng. Có thể, thì người học mới có thể hiểu được.

Chú Huệ Minh học thuộc lòng rất hay. Vì còn nhỏ tuổi nên trí nhớ của chú rất minh mẫn bén nhạy. Trí nhớ của chú cũng không kém thua gì trí nhớ của thầy Huệ Văn bao nhiêu. Chỉ khác nhau về trình độ nhận thức mà thôi. Vì thầy Huệ Văn trước khi xuất gia, thầy là một sinh viên y khoa năm thứ hai. Do đó, thầy có trình độ học lực ngoại điển rất khá, nên thầy có một nhận thức sâu sắc hơn chú Huệ Minh. Có lần, thầy Huệ Văn trắc nghiệm thử trí nhớ của chú Huệ Minh. Thầy hỏi về những danh từ pháp số. Như “Tam tánh”, “Tam lượng”, “Bát thức tâm vương” và “ Năm mươi một món tâm sở” v.v... Thầy hỏi tới đâu, thì chú Huệ Minh trả lời vanh vách tới đó. Chính vì thế, mà Nhà Sư rất hài lòng về hai vị đệ tử của mình.

Mở đầu buổi học hôm nay, Nhà Sư nói, những buổi học trước, thầy có đề cập phớt qua về các loại chủng tử, nhưng thầy chưa có giảng kỹ. Hôm nay, thầy sẽ giảng giải phân tích kỹ cho các con hiểu.

Hạt giống tiếng Hán gọi là chủng tử. Chủng là giống, tử là hạt. Chủng tử là tên khác của tập khí, của phiền não và nghiệp thức. Hạt giống có rất nhiều loại. Nhưng đại khái thì có hai loại căn bản: thiện và ác. Nhưng những hạt giống thiện, theo các nhà Duy Thức cho biết, thì nó có rất ít. Như hôm trước, thầy có nói đến và phân tích hiện tượng 51 món tâm sở. Trong 51 món tâm sở thì chỉ có 11 món thiện. Ngoài ra, thì có thêm 4 món bất định: Hối, Miên, Tâm, Tư. Nói bất định là vì bốn thứ này nó không hẳn thiện và cũng không hẳn ác. Tùy theo duyên mà nó khởi lên thiện hoặc ác. Như trong giờ học hay giờ nghe pháp mà các con lại ngủ gà ngủ gật, thì đó là ngủ ác. Vì ngủ trái giờ giấc đã quy định. Đó là miên (ngủ) mà miên không đúng thời, nên gọi là miên ác. Từ đó các con có thể suy ra ba món kia cũng lại như thế.

Hôm qua, trong lúc hai con ra ngoài vườn chăm sóc lại mấy liếp cải, lúc đó, Huệ Minh có hỏi thầy: Tại sao Thầy lại nói khu vườn này giống như khu vườn tâm của mình? Và khi gieo giống mình phải chọn lựa loại hạt giống nào cho nó thích hợp với đất?

Khi ấy, thầy chỉ trả lời một cách đơn sơ thôi. Bởi thầy định hôm nay trong giờ dạy Duy Thức cho hai con, thì thầy sẽ giảng giải rõ hơn.

Như có lần thầy nói, tâm thức của mình trong kinh Phật thường dụ như mảnh đất. Cho nên gọi là tâm địa hay tâm điền. Nghĩa là lấy đất, hay ruộng mà dụ cho tâm. Tâm ở đây, là chỉ cho thức thứ 8, tức tàng thức hay A lại da thức. Vì thức này nó có công năng cất giữ các loại hạt giống không cho sót mất. Nó vừa có nghĩa là “sở tàng” mà cũng có nghĩa là “năng tàng” nữa. Các nhà Duy Thức muốn cụ thể hóa cho người ta dễ hiểu, nên dụ nó như là cái kho lẫm để chứa đồ. Đó là nghĩa sở tàng. Nghĩa là cái kho bị chứa. Đồng thời mọi hạt giống thiện ác ...đều được nó cất giữ kỹ càng như người ta lưu trữ các thứ hồ sơ trong máy vi tính, nên nói nó là năng tàng. Nghĩa là nó có công năng duy trì gìn giữ các loại chủng tử trong kho. Cho nên nó còn có tên khác là A lại da thức. Còn nói “Ngã ái chấp tàng” là do vì thức thứ 7, tức Mạt na thức chấp thức thứ 8 này làm tự ngã. Nên nó cũng có nghĩa là ngã ái chấp tàng.

Thức này có khả năng dung chứa tất cả, nó không từ khước bất cứ hạt giống nào. Xấu tốt gì nó cũng huân chứa cất giữ hết. Vì vậy, khi gieo giống, các con phải cẩn thận nên chọn lựa giống tốt mà gieo. Các con khởi niệm một câu hiệu Phật, hay khởi một niệm lành, hoặc tụng kinh, nghe pháp, học kinh v.v... đó là các con khéo biết chọn lựa hạt giống tốt để gieo. Còn nếu các con khởi niệm ác, hoặc nói những điều ác, làm những điều ác... đó là

những loại hạt giống xấu mà các con nên loại bỏ đừng để huân chứa vào trong kho. Các con nên nhớ rằng, khi mình huân tập những hạt giống xấu ác nhiều, thì đương nhiên nó sẽ khởi hiện hành những điều bất thiện làm tổn mình hại người. Bởi do huân tập nên nó trở thành thói quen, chính thói quen đó gọi nó là tập khí hay nghiệp. Tập khí xấu ác nó có một năng lực rất mạnh thúc đẩy mình làm nhiều điều bất chánh tội lỗi.

Nhà Sư giảng đến đây, chú Huệ Minh chưa hiểu rõ về hai chữ tập khí, nên chú liền thưa hỏi:

- Bạch Thầy, vừa rồi, Thầy có nói đến hai chữ tập khí, vậy con muốn biết rõ hơn về ý nghĩa của nó như thế nào? kính xin Thầy giảng giải thêm cho chúng con được rõ.

- Được! thầy sẽ giảng giải phân tích kỹ về ý nghĩa của nó cho các con hiểu.

Tập khí là thuật ngữ của Phật giáo. Tiếng Phạn, Pali: *Vāsana*. Tập khí còn có những tên gọi khác như: phiền não tập, dư tập, tàn khí, chủng tử. Hai chữ này nguyên là từ ngữ Hán Việt. Trong quyển Hán Việt Tự Điển của cụ Thiều Chửu giải thích hai chữ tập khí như sau:

Chữ “tập” gồm có 5 nghĩa: 1. Học đi học lại, như giảng tập. 2. Quen thạo. Như tập kiến: thấy quen;

Tập văn: nghe quen. 3. Tập quen. Phàm cái gì vì tập quen không đổi đi được đều gọi là tập. Như tập nhiệm. 4. Chim bay vì vụt. 5. Chồng, hai lần.

Chữ “khí” gồm có 6 nghĩa: 1. Hơi thở. 2. Cái gì không có hình chất mà cùng cảm ứng với nhau được gọi là khí, như khí vận, khí tượng, khí vị v.v... 3. Khí hậu. 4. Khí tức hơi. 5. Thẻ hơi. 6. Ngửi.

Như vậy hai chữ tập khí có nghĩa là những tập tánh được huân tập vào kho A lại da thức trở thành những hạt giống (chủng tử) thiện ác. Nói cách khác dễ hiểu hơn thì, tập khí có nghĩa là những kinh nghiệm, thói quen mà do con người tích lũy được.

Trong quyển Từ Điển Phật Học Huệ Quang tập 7 trang 6578 giải thích hai chữ tập khí như sau:

“Tập khí chính là phần tàn dư, khí còn sót lại của phiền não, dần dần kết chặt vào tâm, trải qua thời gian lâu xa tích tập thành tánh, rất khó phá trừ. Ví như đặt một thỏi hương vào hộp, khi lấy thỏi hương ra, trong hộp vẫn còn mùi thơm; tức là tuy đã diệt trừ chánh thể (chánh sử) phiền não nhưng vẫn còn khí phần tập quán. Trong kinh Phật có nói đến dâm tập của ngài Nan Đà, sân tập của ngài Xá lợi phất và Ma ha ca diếp, mạn tập của ngài Tỳ lăng già bà bạt, khiêu hỷ tập của ngài Ma đầu ba tư

tra, ngu nghiệp tập của ngài Kiều phạm ba đề... Chỉ có Phật là đoạn trừ vĩnh viễn chánh sử và tập khí”.

Qua đó, chúng ta thấy rằng những tập khí phiền não như: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến v.v... nói chung là những thứ căn bản phiền não và chi mặt phiền não, thật không phải dễ trừ dễ đoạn. Bình thường các con không thấy bọn chúng ẩn trốn trú ngụ nơi đâu, giống như không khí bàng bạc khắp nơi, không thấy hình dạng của nó đâu cả, nhưng khi đối cảnh xúc duyên, trái ý nghịch lòng thì chúng sẽ xuất đầu lộ diện ngay. Tùy theo đối tượng nhận thức mà cường độ của chúng nổi lên có nặng nhẹ khác nhau. Như con thấy (kiến phần) một món đồ thật đẹp và có giá trị (tướng phần), liền đó tâm sở “tham” của con nổi lên muốn chiếm hữu món đồ quý giá đó. Hay như có người nào đó mắng chửi mình, thì tập khí sân hận, liền phát khởi hiện hành lên tức khắc. Các con nên biết rằng, người tu nhất là người xuất gia như chúng ta, phải luôn luôn đề phòng cẩn thận các thứ tập khí này. Bình thường nó như ngủ yên, nhưng khi đối cảnh xúc duyên thì nó liền hiện lên trên bề mặt của ý thức.

Vì thế, người tu hành sợ nhất là lũ tập khí phiền não này. Chính bọn chúng luôn luôn khuấy động làm cho tâm mình không lúc nào yên ổn cả. Tập khí, tùy theo sức huân tu của mỗi người mà nó có

sâu cạn hay nặng nhẹ khác nhau. Ngoài những thứ tập khí phiền não lâu đời (bản hữu chủng tử) như tham, sân, si ...ra, còn có những thứ tập khí mà chúng ta mới huân tập (tân huân chủng tử) vào. Như những tập khí (thói quen) xấu nghiệp ngập: cờ bạc, rượu chè, đàng điếm, hút xách, nói nhiều, chửi thề, trạo cử run đùi v.v...

Những thứ tập khí này, tuy mới huân tập trong hiện đời thôi mà chúng ta thật còn khó bỏ thay, hà tất gì những thứ tập khí lâu đời lâu kiếp. Muốn dứt trừ chúng thật là thiên nan vạn nan. Đòi hỏi người tu hành phải chuyên cần tinh tấn và phải có một quyết tâm mạnh mẽ luôn hành trì già dặn miên mật lắm mới được. Người tu hành hơn nhau là ở chỗ khéo dẹp trừ những thứ tập khí phiền não xấu ác. Những thứ tập khí này có thô tế, sâu cạn, nặng nhẹ khác nhau. Tu hành diệt trừ được phần thô cũng đã là khá lắm rồi. Còn những thứ phiền não vi tế, chỉ có Phật mới dứt sạch hết mà thôi. Tất cả những pháp môn Phật dạy đều nhằm mục đích duy nhất là để đối trị, đoạn trừ hoặc chuyển hóa những thứ tập khí phiền não này.

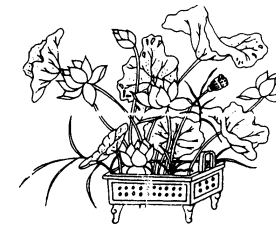
Chuyển hóa tập khí cũng chính là chuyển hóa nghiệp thức. Muốn chuyển hóa chúng, không phải các con chỉ biết nói suông mà được. Mà hằng ngày, các con phải nỗ lực tinh cần vận dụng công phu thiền quán, nhìn kỹ lại nội tâm, nhận rõ bộ mặt thật

của chúng, có thể, thì các con mới có thể chuyển hóa chúng nó được. Cho nên sự tu hành, các con không phải chỉ tụng kinh, bái sám không là đủ. Tuy rằng, đó cũng là cách con huân tập hạt giống tốt, nhưng nó không đủ sức để có thể chuyển hóa được những thứ tập khí phiền não. Có người đang tụng kinh hay niệm Phật, nhưng bỗng có ai làm trái ý nghịch lòng họ, thì họ vẫn khởi tâm sân hận la ó chửi bới om sòm.

Như vậy, chúng tỏ họ chỉ biết tụng kinh, niệm Phật trên đầu môi chót lưỡi suông thôi, kỳ thật họ chưa sử dụng trí huệ để quán chiếu sâu vào tâm thức. Tu hành, các con không thể để người xem thường lũ tập khí phiền não này. Duy thức học dạy chúng ta phải nhìn kỹ những dòng thác biến trạng của tâm thức. Nó như những đợt sóng to nhỏ mà các con cần lặng sâu để nhận diện. Có thể, thì sự tu hành của các con mới mong giảm bớt dần những thứ phiền não thô trọng. Chính những thứ phiền não kiết sử này nó làm cho cuộc đời của các con chịu lắm điều trầm luân khổ lụy.

Hôm nay, thầy giảng đến đây thôi. Các con cố gắng chuyên cần học hỏi. Cái gì chưa hiểu thì khi học, các con nên nêu ra để hỏi, rồi tùy đó mà thầy sẽ giải đáp giảng giải cho các con hiểu. Học mà không chịu khó cố gắng tìm hiểu để hỏi, thì các con khó có tiến bộ lắm.

Tuy nhiên, các con nên nhớ một điều: học và hành phải đi đôi với nhau. Học là để bổ túc cho sự thật hành. Thí như con mắt sáng là để thấy rõ cho đôi chân để đi. Chớ nếu có đôi mắt sáng nhìn xa thấy rộng, mà đôi chân thì không bước đi, như thế thì thật không có ích lợi gì. Chỉ tăng thêm phần kiến giải mà thôi! Mà sự kiến giải đó, dù cho các con có thông kim bác cổ, lão thông kinh sử, thì nó cũng không thể nào cứu các con thoát khỏi khổ sanh tử được. Các con có nhớ không? Cả hai đều dạ! Và hai huynh đệ đồng đứng lên cung kính xá chào Thầy một cách thành kính nghiêm trang và rồi cả hai lặng lẽ trở về phòng...



BÊN GIƯỜNG BỆNH

Mấy hôm nay, người ta thấy vắng bóng chú Huệ Minh ở ngoài vườn. Không thấy chú chăm sóc và tưới nước mấy liếp rau, cải và các dây mướp hương như mọi khi. Chỉ có một mình thầy Huệ Văn ra vô chăm sóc khu vườn mà thôi. Trông thầy có vẻ hơi mệt mỏi. Người ta không hiểu lý do vì sao mà lại vắng bóng chú Huệ Minh và Nhà Sư trụ trì. Thỉnh thoảng, bà Bảy ra vườn nhổ vài cây cải và cắt một vài trái khổ qua để nấu canh.

Bà Bảy dáng người gầy ốm trạc ngoài bảy mươi tuổi. Công việc thường nhật của bà là lo việc nấu nướng ở nhà trụ. Bà nương nấu ở chùa này cũng khá lâu. Bà là đệ tử của Nhà Sư trụ trì. Bà không có thể phát xuất gia. Dù ở chùa lâu, nhưng bà vẫn giữ hình thức của một người cư sĩ. Bởi bà nghĩ rằng, xuất gia không phải là chuyện dễ làm. Nhất là đối với người lớn tuổi. Chí nguyện của người xuất gia rất là cao thượng. Người xuất gia phải giữ gìn giới luật tinh nghiêm thanh tịnh. Phân oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi phải cho tề chỉnh nghiêm trang. Ngôn hạnh phải đàng hoàng. Nói rõ hơn là tâm và hình cả hai đều phải khác hơn người đời. Vì đó là hạnh nguyện cao cả của người xuất trần thượng sĩ. Người xuất gia ngoài việc tự lợi ra, còn phải nghĩ đến việc lợi tha. Phải lo hoằng pháp lợi sanh. Vai trò trọng trách của người xuất gia rất lớn: “Tác Như

Lai sứ, hành Như Lai sự”. Muốn được như thế, tất nhiên, người xuất gia cần phải học hạnh kiêm ưu, tài đức song toàn.

Do nghĩ thế, nên bà chỉ xin phép Nhà Sư cho bà giữ hình thức của một cận sự Ưu bà di thôi. Bà tận tâm phục vụ làm công quả lo việc nấu ăn dọn dẹp ở nhà bếp. Ngoài việc nấu ăn ra, bà còn tiếp tay với sư chú Huệ Minh lo việc quét dọn sân chùa trước sau cho sạch sẽ. Nhà Sư còn giao cho bà công việc là hằng đêm phải đóng đại hồng chung vào hai buổi tối và khuya. Người ta thấy, khi nào bận việc thì thôi, ngoài ra, trên tay của bà lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật. Bà niệm Phật một cách rất tha thiết chí thành. Không phải chỉ niệm cho có lệ. Vì bà đã được Nhà Sư dạy cho bà rất kỹ về cách thức niệm Phật cho đúng pháp.

Tánh tình của bà rất cởi mở vui vẻ dễ mến. Đối với bốn đạo tới lui viếng chùa, bà đối xử với họ rất niềm nở tử tế. Do đó, nên bà được mọi người rất thương mến. Có nhiều Phật tử thấy vậy, cũng hay ủng hộ cho bà chút ít tịnh tài và một vài món đồ vật dụng cần thiết. Như vải sò hoặc thuốc men v.v... Vì bà vui tánh, nên thỉnh thoảng, chú Huệ Minh hay trêu chọc bà cho vui. Bà lúc nào cũng tỏ ra rất thương mến chú Huệ Minh. Vì bà rất cảm thông cho hoàn cảnh mồ côi cha mẹ của chú. Mỗi lần nhìn thấy chú, bà không khỏi ngậm ngùi xúc động.

Vì thuở thiếu thời, bà cũng đã từng trải chịu nhiều gian lao đau khổ.

Từ hôm chú Huệ Minh ngã bệnh, bà lúc nào cũng quan tâm hết lòng lo lắng chăm sóc. Chú Huệ Minh bị cảm sốt khá nặng, nên chú không có đi ra ngoài. Do đó, người ta mới không thấy chú ở ngoài vườn. Khi cơn sốt lên cao, thì chú nằm liệt mê man trên giường. Thầy Huệ Văn thường ở bên cạnh chú. Do cơn sốt hoành hành làm cho cơ thể của chú bị đau nhức thật khó chịu. Tứ chi đều uể oải mệt mỏi. Ba ngày nay chú không có ăn cơm. Chú chỉ dùng cháo lỏng và sữa. Mới mấy ngày mà chú đã sút đi khá nhiều. Vì Nhà Sư đi vắng, nên thầy Huệ Văn phải lo cáng đáng giải quyết hết mọi việc trong chùa. Nay thấy sư đệ của mình bị bệnh, nên thầy cũng quan tâm lo nhiều. Nhờ thầy có học về ngành y, tuy chưa ra trường, nhưng thầy cũng biết chút ít về việc dùng thuốc trị liệu. Thầy luôn nhắc nhở vị sư đệ của mình phải nhớ uống thuốc cho đều đặn. Có lúc, thầy đến ngồi bên cạnh, rồi lấy tay sờ trán, và bóp tay, bóp chân cho sư đệ của mình. Thầy rất thương mến chú Huệ Minh. Bởi chú Huệ Minh là một đứa bé mồ côi thật bất hạnh. Thầy Huệ Văn cũng đã mất mẹ. Tuy còn cha, nhưng người cha đã có người đàn bà khác. Do đó, nên thầy ít khi về thăm nhà. Thỉnh thoảng, các người em tới chùa thăm thầy. Vì thầy là người anh cả.

Hôm nay, sau giờ công phu khuya, thầy vội đến thăm chú Huệ Minh. Thầy hỏi:

- Sao hôm nay sư đệ cảm thấy thế nào? Tối hôm qua có ngủ được ngon giấc không? Có khỏe hơn không?

Nghe tiếng hỏi của sư huynh, chú Huệ Minh vội vã lom còm ngồi dậy, thầy Huệ Văn liền đỡ chú. Chú nói:

- Hôm nay, đệ cảm thấy đỡ nhiều rồi. Từ hôm đệ bệnh đến nay làm phiền sư huynh lo lắng quá. Sư Phụ không có ở chùa, mọi việc trong ngoài, sư huynh đều phải gánh vác hết. Thật đệ cảm thấy có lỗi với sư huynh quá!

- Lỗi phải cái gì chứ! Sao đệ nói như vậy. Huynh đệ lo cho nhau là chuyện bình thường. Nhất là trong lúc đau ốm. Huynh đệ cần phải chăm sóc cho nhau. Bệnh là một trong bốn nỗi thống khổ lớn nhất của con người. Có ai muốn mình bệnh bao giờ đâu. Nhưng muốn tránh nó cũng không khỏi. Vì nó là một luật định tất yếu. Đã có thân, tất nhiên là phải có bệnh đau. Đó là lẽ thường nhiên của con người. Mình là người xuất gia ở chùa, không giúp đỡ cho nhau, thì thử hỏi có ai lo cho mình chứ! Đệ đừng có suy nghĩ vớ vẩn lung tung nữa, cứ nằm nghỉ dưỡng bệnh cho khỏe. Đệ cố gắng ăn uống

cho mau lợi sức. Huynh có nói với bà Bảy xuống phố mua một ít trái cây cho đệ. Đệ nhớ ăn cam tươi cho khỏe.

- Dạ! Đệ nhớ. Chắc vài ngày nữa là đệ sẽ khỏe hẳn. Nằm bệnh trên giường, bỗng nhiên sao đệ lại thấy nhớ đến Sư Phụ quá chừng. Không biết lần này Sư Phụ đi công tác hoàng pháp bao lâu mới trở về? Sư huynh có biết không?

- Hôm Sư Phụ đi, huynh có hỏi, nhưng Sư Phụ nói chừng nào giải quyết xong hết mọi việc, thì Sư Phụ mới về. Có lẽ, Sư Phụ sợ chúng mình trông nên Sư Phụ không có nói trước.

- Đệ thấy Sư Phụ của mình dạo này sức khỏe cũng không được bình thường lắm. Nhưng Sư Phụ cố gắng không muốn để lộ cho chúng mình biết đó thôi.

- Đệ có biết không, mấy ngày nay thật là tội nghiệp cho bà Bảy lắm đó.

- Sao vậy sư huynh? Bà Bảy ra sao mà sư huynh nói tội nghiệp?

- Đệ đâu có biết, từ hôm đệ bệnh, bà lo lắng quá chừng. Tội nào đóng đại hồng chung niệm Phật, bà cũng cầu nguyện Phật lực gia hộ cho đệ chóng mau

bình phục. Huynh thấy bà rất thương và lo cho đệ lắm đó. Bệnh có người lo lắng chăm sóc cho mình thấy cũng hạnh phúc lắm chứ! Phải không đệ?

- Đệ biết. Vậy hôm nào sư huynh cứ thử bệnh đi, để đệ và bà Bảy lo cho. Chừng đó, sư huynh sẽ thấy hạnh phúc hay không thì biết. Mà nè sư huynh, sư huynh có biết không, tình cảnh của bà Bảy thật đáng thương xót tội nghiệp lắm đó! Thuở nhỏ, bà còn khổ hơn đệ gấp mấy trăm ngàn lần.

- Sao đệ biết?

- Tại vì có lần bà đã kể hết tâm sự và gia cảnh của bà cho đệ nghe.

- Bà đã kể thân phận và gia cảnh của bà ra sao? Đệ có thể kể sơ cho sư huynh nghe được không?

- Dĩ nhiên là được. Nói xong, chú liền ngồi dựa lưng vào vách tường để lấy thể vững chắc cho khỏe và rồi kể chuyện gia cảnh của bà Bảy cho sư huynh của mình nghe.

Chú nói: Bà là người thật vô cùng bất hạnh và bạc phước. Thuở nhỏ, gia cảnh của bà rất nghèo khổ. Cha của bà chết vì chiến tranh loạn lạc. Lúc đó, bà mới có ba tuổi. Bà là đứa con gái đầu lòng. Mẹ của bà lúc đó vì lo chăm sóc cho bà nên cũng không có

làm chi ra tiền. Mẹ của bà lại là người mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Ông bà ngoại của bà cũng chết vì bom đạn chiến tranh. Nên mẹ của bà phải sống cô đơn một mình. Tứ cố vô thân không biết phải nhờ ai. Vì muốn kiếm việc làm để có tiền tiêu xài và nuôi con, nên mẹ của bà quyết định phải gửi bà cho người hàng xóm chăm sóc giữ gìn. Dĩ nhiên, là phải trả tiền công cho họ.

Thật là bữa đói bữa no. Có ai thuê thì mẹ của bà mới có việc làm. Còn không thì phải đi lặn lội sục tép, bắt ốc hoặc hái rau để bán kiếm tiền độ nhật. Bà đã nghe mẹ của bà kể lại như thế. Năm bà lên mười tuổi, thì mẹ của bà đã qua đời. Vì mẹ của bà mang chứng bệnh nan y ngặt nghèo mà không có tiền chạy chữa thuốc thang điều trị. Thế là từ đó, bà phải mang kiếp sống thân phận của một đứa trẻ mồ côi. Ban ngày thì đi lang thang xin ăn. Tối lại, thì trải manh chiếu rách nằm ngủ ở vỉa hè góc phố. Có hôm đói quá, bà phải moi tìm thức ăn từ trong đồng rác dơ bẩn.

Đến năm 16 tuổi, bà làm thuê ở mướn cho một gia đình giàu có. Họ đối xử với bà rất là tàn nhẫn tệ bạc. Họ đối xử thật không có một chút tình người. Họ tuy giàu có mà lòng dạ của họ rất là nham hiểm ác độc. Ác độc còn hơn loài dã thú. Họ không có một chút từ tâm thương người. Làm công cho họ

được một năm, bà không còn chịu nổi cái cảnh hành hạ đánh đập của họ nữa, nên bà xin nghỉ việc.

Trong lúc đi lang thang, thì bà lại quen biết với một gã đàn ông. Ông này lại tỏ ý thương bà. Nhưng khổ nỗi, ông ấy lại là dân bụi đời ăn chơi thứ thiệt. Lúc đầu, bà không biết nên mới lấy làm chồng. Nhưng sau đó, bà phát hiện ra thì ông này lại là tay anh chị trong băng đảng, chuyên đi cướp của giết người. Ông ta chỉ lợi dụng tình cảm của bà, chớ kỳ thật không có yêu thương gì bà. Ông chuyên hành nghề bắt lương cướp giật của người ta. Có lần bà khuyên ngăn, chẳng những ông ta không nghe, mà trái lại, còn cho bà ăn một trận đòn chí tử nữa. Ông đánh đập bà một cách thật dã man tàn nhẫn. Lúc nào bà cũng bị người chồng hành hạ thật là đau khổ. Trong hoàn cảnh bi đát khốn khổ cùng cực đó, bà không biết than van cùng ai! Thật là kêu trời không thấu. Không biết oan nghiệt tiền khiên gì mà bà phải chịu khổ sở đến như thế! Cuối cùng, bà không thể nào chịu đựng được nữa, nên bà đành phải trốn bỏ nhà ra đi. Thế nhưng, ông chồng của bà đâu dễ gì buông tha. Ông tìm kiếm cho được bà và rồi kéo đầu bà về lại hành hạ đánh đập bà thâm.

Kể đến đây, chú Huệ Minh như nghẹn ngào nói không ra lời. Đôi dòng lệ tuôn chảy thấm ướt trên đôi má của chú lúc nào mà chú cũng không hay biết. Chú thật xúc động và rất cảm thương cho

nghiệp quả của bà. Nhìn vào đôi mắt trong sáng, nhưng chứa đầy những giọt lệ thương tâm của chú Huệ Minh, thầy Huệ Văn cũng không khỏi bùi ngùi cảm động rơi lệ. Dù thầy cố cố ngăn sự xúc động, nhưng cũng không thể nào dằn được. Bởi thầy nghĩ đến tình cảnh của hai người một trẻ, một già, sao mà cũng gần giống nhau quá. Nghĩa là cả hai cũng đều mang thân phận của những kẻ mồ côi không nơi nương tựa. Cả hai đều bị người đời khinh khi ghét bỏ. Và phải mang kiếp sống đọa đầy của kẻ ăn xin lang thang bụi đời trong hoàn cảnh vô cùng khốn khổ.

Sau vài giây xúc động, chú Huệ Minh lại kể tiếp. Sư huynh biết không, bà vừa kể đến đó thì bỗng dưng nước mắt của bà tuôn trào và rồi đệ cũng không cầm được nước mắt của mình. Nhưng rồi đệ lại hỏi:

- Thưa bà, cuộc đời của bà nổi trôi lận đận lao đao như thế, nhưng lý do nào mà bà thoát khỏi cảnh khổ đó và rồi lại vào chùa tu hành làm công quả như hôm nay?

Bà nói, Do bà không thể chịu nổi cảnh sống bất lương của người chồng, và cũng không thể chịu nổi cảnh hành hạ đánh đập tàn nhẫn của ông ta, nên bà quyết định tìm cách thoát thân. Nhân trong lúc đêm khuya thanh vắng, chồng bà đang ngủ say, nên bà

lén trốn ra đi. Và lần này bà trốn đi thật xa, không ai tìm ra được.

Ngày tháng trôi qua, trong khi sống lang thang không nhà không cửa, thì bà được một người tốt bụng giới thiệu cho bà vào làm công cho một nhà hàng. Bà được ông chủ nhà hàng giao cho bà công việc rửa chén đĩa. Đây là công việc chính của bà. Ngoài ra, bà còn phải làm một vài công việc vặt khác. Nghĩa là người chủ sai đâu thì bà làm đó.

Nhân lúc làm việc cho nhà hàng, bà có quen biết với một người phụ nữ. Người phụ nữ này lớn hơn bà độ vài tuổi. Sau khi biết rõ tình cảnh ngang trái éo le chua chát bẽ bàng của bà, bà ta tỏ ra rất thương xót tội nghiệp, và rồi mời bà đến nhà chơi. Khi biết ra, bà này lại là một người Phật tử rất thuần thành ngoan đạo. Nhà của người Phật tử này có thờ Phật và có cả chuông mõ nữa. Từ đó, bà hỏi thăm, mới biết bà Phật tử này là đệ tử của Nhà Sư trụ trì chùa này. Lúc đó, bà rất mừng. Bà liền nảy ý định muốn vào chùa tu làm công quả. Bà muốn vào cõi Phật cho cõi lòng của bà được thanh thản nhẹ nhàng. Cho vui đi bao nỗi khổ chồng chất mà bà đã gánh chịu từ bấy lâu nay. Vì bà rất chán ngán cho thể sự nhơn tâm. Tình đời thật lắm chua cay phũ phàng và bạc bẽo. Họ lắm mưu mô gian ác xảo quyệt. Bà nghĩ đến thân phận chìm nổi long đong

của mình, nên bà không còn tha thiết gì đến cuộc sống ở ngoài đời nữa.

Sau thời gian tới lui thăm chơi, bà Phật tử này mới dẫn bà lên chùa. Từ đó, bà xin quy y với Nhà Sư trụ trì. Trải qua thời gian, bà quyết định đến chùa xin phép Sư Phụ cho bà được vào chùa làm công quả. Sau khi trình bày hết mọi việc, bà được Nhà Sư trụ trì thương tình nên chấp nhận cho bà ở chùa làm công quả. Đó là cuộc đời đen tối thê thảm nhất trong quá khứ của bà.

Nãy giờ thầy Huệ Văn đã lắng nghe những nỗi niềm tâm sự đau khổ đắng cay oan nghiệt của bà Bảy, do người sư đệ của mình kể lại. Thầy thâm nghĩ, trên đời này, mỗi người có một hoàn cảnh biệt nghiệp khác nhau. Mình đau khổ, còn có người lại đau khổ tủi nhục còn gấp trăm ngàn lần hơn mình nữa. Như vậy, tất cả mọi người có mặt ở trên cõi đời này, chẳng qua cũng chỉ là trả cái nghiệp quả mà mình đã gây tạo từ trong quá khứ mà thôi. Tuy nhiên, sự trả quả báo của mỗi người không ai giống ai. Bởi do nghiệp nhân gây tạo của mỗi người mỗi khác. Như trường hợp của bà Bảy, do đời trước bà gây tạo những nghiệp nhân bất thiện, nên đời này bà phải chịu trả cái quả báo long đong khổ lụy như thế. Dù vậy, nhưng khi trả hết nghiệp ác đã gây, thì bà lại hưởng được cái nghiệp lành đã tạo. Theo luật nhân quả, làm lành hay làm dữ cuối

cùng cũng phải trả. Dầu cho trải qua trăm ngàn kiếp, chỗ mình tạo nghiệp không bao giờ mất. Khi nhân duyên đã đến thì phải chịu trả cái quả báo mà thôi. Tuy có tạo nghiệp ác, nhưng bà cũng có gây tạo nghiệp lành. Nhờ vậy, mà nhân duyên đưa đẩy bà vào chùa tu hành và làm công quả. Nhờ đó, mà bà cảm thấy tâm hồn mình được an lạc nhẹ nhàng hơn.

Thấy thầy Huệ Văn đang trầm ngâm suy tư, chú Huệ Minh liền hỏi: sư huynh đang suy nghĩ chuyện gì trông có vẻ quan trọng trầm buồn lắm vậy?

- À! Thì sư huynh đang suy nghĩ đến thân phận của kiếp làm người!

Thôi đệ hãy nằm xuống nghỉ cho khỏe. Hôm nay, đệ muốn ăn gì? Ăn cơm hay ăn cháo? Nếu thấy khỏe thì nên ăn cơm cho nó mau bình phục. Tùy đệ muốn ăn thứ gì thì sư huynh sẽ nói với bà Bảy nấu cho đệ dùng.

- Sư huynh nói với bà Bảy cho đệ ăn cơm cũng được. Đệ rất thèm một tô canh chua và đậu hũ kho tiêu.

- Tưởng việc gì khó, chớ chuyện đó quá dễ. Để sư huynh lo cho.

- Có một điều đệ muốn hỏi sư huynh. Sư huynh có hoan hỷ cho đệ hỏi không?

- Thì đệ cứ hỏi đi. Điều gì khó quá mà sư huynh không thể trả lời được, thì sẽ chờ Sư Phụ về giải quyết cho. Còn điều gì, sư huynh có thể trả lời giúp cho đệ được thì sư huynh sẽ sẵn sàng. Đệ cứ hỏi đi.

- Tại sao Phật đã thành Phật rồi mà Phật còn bị bệnh giống như người thường vậy sư huynh? Mình là người phạm còn nặng nghiệp trần ai khổ lụy, thì bệnh đau là phải, chớ còn đức Phật Ngài đã thành Phật rồi, thì không hiểu tại sao Ngài lại còn phải mang chứng bệnh kiết lỵ trước khi vào Niết bàn? Điều này, thú thật, lâu nay đệ cứ mãi ôm ấp thắc mắc trong lòng, nhưng chưa có dịp để hỏi Sư Phụ. Nay đệ hỏi sư huynh, vậy sư huynh có thể cho đệ biết lý do tại sao như vậy không?

- Nay đệ, Phật tuy đã thành Phật, nhưng thân của Phật vẫn là do tứ đại tạo thành. Thành Phật là khi hết vô minh phiền não, tâm trở nên hoàn toàn thanh tịnh sáng suốt, thì gọi là Phật hay bậc Đại Giác. Như vậy, thành Phật là ở nơi tâm chớ không phải ở nơi thân. Vì thân Phật tuy là thân trang nghiêm phước tướng, nhưng vẫn còn phải chịu định luật vô thường chi phối. Vì cái thân đó là do nhân duyên kết hợp. Đệ quên trong Kinh Kim Cang Phật nói hay sao.

- Đệ còn nhớ chớ. Phật nói: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng, phi tướng, tức kiến Như Lai”.

- Đúng vậy. Phàm cái gì có hình tướng đều là giả dối hư huyền không thật, tất nhiên, không có cái thứ gì tồn tại mà không hoại diệt. Dù đó là thân Phật cũng thế. Mà bệnh cũng có nghĩa là hoại diệt. Tất cả đều nằm trong phạm trù sanh diệt vô thường hết. Tuy nhiên, nếu thấy các tướng mà mình nhận rõ chẳng phải tướng thật, thì đó mới thấy được thể tánh Như Lai. Bởi Như Lai là nghĩa bất sanh bất diệt. Cũng trong Kinh Kim Cang Phật nói bài kệ:

*Nhứt thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn bào ảnh
Như lộ diệc như điện
Ứng tác như thị quán*

Nghĩa là:

*Tất cả các pháp hữu vi
Đều như mộng, huyễn, bọt, bóng
Đều như sương, như điện chớp
Cần phải luôn quán sát như thế.*

Như vậy, mọi vật trên đời không có gì là chơn thật cả. Thân người là do duyên hợp mà thành. Đã do duyên hợp thì bản chất của nó không thật. Kinh nói: “Một đại không hòa thì cả trăm thứ bệnh sanh ra.” Dù cho thân Phật cũng không ngoài định luật:

Sanh, già, bệnh, chết hay sanh, trụ, dị, diệt. Đệ có hiểu không? Khi nhận hiểu như thế, thì bệnh cũng là một cơ duyên tốt để mình gắng chí niệm Phật. Bệnh, cảnh tỉnh mình phải ý thức đến sự vô thường. Có nhiều khi nhờ bệnh mà mình mới hồi tâm chuyển ý lo tu hành. Chớ còn mạnh khỏe rồi mình cứ lo loay hoay làm hết công việc này đến giải quyết công việc nọ. Cứ thế, ngày lại tháng qua, cho đến khi tử thân gọi đến, thì ôi thôi! đã quá muộn màng rồi! Nên bệnh cũng là một hiện tượng thức nhắc mình cố gắng tinh tấn tu hành. Có nhiều người nhờ bệnh mà họ quyết chí niệm Phật, khi lâm chung họ được vãng sanh. Điều này, sử sách cũng đã ghi lại rất nhiều. Đệ có biết không? Thôi này giờ đệ cũng đã mệt rồi hãy nằm xuống nghỉ ngơi cho khỏe...



CÀNH MAI

Mấy ngày qua, cảnh chùa như mất đi sự yên tĩnh hơn mọi khi. Trong chùa ai nấy cũng đều bận rộn với những công việc. Thầy Huệ Văn thì lo dọn dẹp chung quanh chùa. Thỉnh thoảng người ta thấy có một vài cô cậu nam nữ Phật tử trẻ tuổi tới chùa để phụ giúp làm công quả. Họ cùng nhau phụ lực với thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh. Họ chia nhau công việc ra làm. Người thì làm việc ở ngoài vườn, kẻ thì lo trang trí quét dọn ở trong chùa. Họ cật lực chung sức làm việc với nhau để chuẩn bị cho ba ngày Tết sắp đến. Họ vừa làm vừa trò chuyện với nhau rất là thân mật vui vẻ. Đồng thời, cũng có một vài bà Phật tử đến chùa để phụ giúp lo gói bánh tét, bánh chưng cùng với bà Bảy. Người thì gói bánh, kẻ thì lo dọn quét lau chùi sạch sẽ ở khu nhà bếp. Người này làm xong thì lại giúp cho người kia. Họ làm trong tinh thần hòa ái yêu thương và tương trợ lẫn nhau.

Trong lúc mọi người làm việc ở ngoài khu vườn, thì Nhà Sư trụ trì lại lo o bế chăm sóc lại mấy cây kiểng ở trước sân chùa. Nhờ bàn tay khéo léo thẩm mỹ nghệ thuật của Nhà Sư, nên người ta thấy cả một khu vườn kiểng rất xinh đẹp. Có những chậu kiểng rất có giá trị. Ai nấy trông thấy cũng đều trầm trồ khen ngợi. Người ta thích nhất là mấy chậu hoa mai vàng. Có những cây ít lá mà bông

nhiều. Nhìn thấy hoa mai khoe hương khoe sắc là người ta thấy được cái không khí của những ngày Tết sắp đến.

*Mai xuân hé nụ tươi cười
Khoe hương sắc thắm giữa trời bao la
Xuân về nắng ấm chan hòa
Suối reo chim hót bóng tà mây nghiêng
Xuân về vui khắp mọi miền
Cỏ cây tươi thắm an nhiên cõi trần
Lắng tai nghe tiếng chuông ngân
Mai vàng nở rộ mấy lần xuân qua
Bao xuân ta nhớ quê nhà
Nhớ nguồn cội gốc ông bà tổ tiên*

Có lần, thầy Huệ Văn cảm hứng sáng tác một bài thơ nói về hoa mai và cái không khí của những ngày đầu Xuân. Mục đích thầy làm bài thơ này là để chúc mừng ngày đầu năm mới cho quý Phật tử. Làm xong thầy liền đọc cho vị sư đệ của mình nghe. Thầy hay quá nên chú Huệ Minh liền đem trình với Nhà Sư. Đồng thời, cũng là để xin phép Nhà Sư treo nó lên trên cành mai để chúc mừng mọi người có dịp về chùa lễ bái hái lộc đầu năm. Nhà Sư xem qua như đắc ý mỉm cười. Tuy rằng ý thơ không có gì sâu sắc lắm, nhưng cũng có chút tâm thành ngộ nghĩnh cầu chúc cho mọi người. Xét thấy cũng phù hợp với đạo lý nên ngài cho phép treo bài thơ này trên cành mai. Thế là chú Huệ

Minh nói với sư huynh Huệ Văn nên viết theo kiểu chữ thư pháp để treo lên. Bởi thầy Huệ Văn biết viết thư pháp với nét bút rất đẹp và điêu luyện. Viết xong, thầy đưa cho chú Huệ Minh. Sau khi treo xong, chú Huệ Minh ngắm nghía thấy cũng xinh lịch đẹp mắt. Phật tử đến chùa ai nấy xem qua và rồi cũng trầm trồ khen ngợi hết lời về nét bút thư pháp và ý nghĩa của bài thơ.

*Mai vàng nở rộ khoe màu sắc
Báo hiệu Xuân về khắp Á Đông
Xuân này cầu chúc quý ông
Quý bà quý bác vui trong an lành
Trà “Tỳ Bi” ông bà cứ uống
Bánh “Vị Tha” dùng mãi trọn năm
Giữ gìn chánh đạo trong tâm
Đừng cho phai lạt suốt năm vui hoài.*

Khi đề cập đến các loại hoa mai, thì theo người Trung Hoa, họ thống kê có đến khoảng 250 loại mai khác nhau. Riêng ở Việt Nam ta, thì có 4 loại hoa mai chính: Bạch mai, hoàng mai, mai tứ quý và mai chiếu thủy. Trong vườn kiếng của chùa, người ta thấy đều có đủ bốn loại hoa mai này. Mỗi loại đều có mỗi vẻ đẹp quý giá đặc biệt khác nhau. Chú Huệ Minh thì hay chăm sóc và thường ngắm nghía cây hoàng mai. Vì hoàng mai là loại hoa mai màu vàng rất đẹp. Ngược lại, thầy Huệ Văn thì lại thích mai tứ quý. Loại mai này bốn mùa đều có trở bông.

Nhờ vào sự khéo tay chăm sóc của Nhà Sư trụ trì, nên những cây mai này rất đẹp và rất có giá trị.

Ai cũng biết, mai là loại cây không cứng chắc lắm. Tuy là mềm yếu, nhưng nó cũng có sức chịu đựng bền bỉ dẻo dai. Mùa đông tuy thời tiết lạnh lẽo nhưng đối với nó cũng có đủ sức chịu đựng để vươn lên và vượt qua. Vượt qua để rồi chuẩn bị trong tư thế sẵn sàng để chờ mùa xuân đến thì lại trở hoa khoe hương khoe sắc. Những đóa hoa mai xinh đẹp mỹ miều, duyên dáng, trông giống như những nàng thiếu nữ thùy my đoan trang, với nét đẹp kiêu diễm như đang nép mình trong vườn hoa xinh đẹp. Hoa mai có mùi thơm thật êm dịu không ngọt ngào như các loài hoa khác. Tuy vậy, nhưng nó cũng có sức quyến rũ hấp dẫn đối với các loài ong bướm.

Trong lúc Nhà Sư đang chăm sóc cắt tỉa bớt lá những cây hoa mai, và uốn cành cho đẹp, thì chú Huệ Minh đến gần bên Nhà Sư như để căn gì Nhà Sư sai bảo. Nhìn thấy chú, Nhà Sư tay vừa cắt tỉa miệng vừa nói: Con thấy mấy cành mai này trở bông có đẹp không? Chú Huệ Minh không chút ngần ngại vội đáp:

- Bạch Sư Phụ bông mai rất xinh xắn tươi đẹp. Nhà Sư hỏi tiếp: con có biết tại sao nó tươi đẹp không?

- Dạ! tại vì nhờ có Sư Phụ thường xuyên chăm sóc nó.
- Con chỉ trả lời đúng có một phần thôi.
- Sao lại chỉ có một phần vậy hả Sư Phụ?
- Thầy chỉ là cái chánh nhân để làm giúp cho cây mai phát triển tươi tốt đó thôi. Còn lại, phải còn nhờ đến nhiều thứ khác nữa để giúp cho cây mai hình thành tốt đẹp.
- Dạ! bạch Sư Phụ nhiều thứ khác là những thứ gì vậy Sư Phụ?
- Đó là phải nhờ có ánh nắng mặt trời, đất, nước, phân, không khí, sương, thời tiết v.v... nói chung là phải nhờ đến những môi trường chung quanh tốt, thì cây mai mới tăng trưởng tốt đẹp được đó con.

Nhà Sư ngừng lại vài giây như để cho người đệ tử của mình chú ý thêm. Đồng thời cũng là để hít thở không khí trong lành trong chánh niệm. Qua vài giây yên lặng, Nhà Sư nói tiếp: cũng vậy đó con, đời sống hay sự tu học của con cũng rất cần đến môi trường tốt. Môi trường đó phải có một đời sống đúng theo chánh pháp. Ngôi chùa, thầy bạn, những thiện hữu tri thức xa gần, những Đàn na thí chủ v.v... tất cả đều có tác động ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống tu học của con. Nếu như những điều đó tốt, thì giúp cho con có thêm một đời sống lành mạnh tốt đẹp hơn. Môi trường sinh thái tốt đó là tăng thượng duyên giúp cho đời sống của muôn

loài được có thêm nhiều phát triển tốt đẹp. Vì vậy, môi trường sống rất là quan trọng mà con cần phải ý thức để bảo vệ. Con thấy không, những cảnh vật chung quanh đây sở dĩ được tươi tốt như thế này đều do thầy trò mình khéo biết chăm sóc bảo vệ. Người ta cứ nghĩ rằng, sự sống như là một sự biệt lập khu biệt của mỗi cá nhân, nhưng họ đâu có biết rằng sự sống được hình thành trong sự tương quan tương duyên với nhau rất là chặt chẽ.

Con có còn nhớ bài thơ “Nguồn Sống” mà hôm trước thầy có đọc cho các con nghe đó không?

- Dạ! bạch Sư Phụ con còn nhớ.
- Vậy đâu con đọc lại cho thầy nghe thử.

Chú Huệ Minh vâng lời Thầy sửa lại cổ áo và lấy giọng đọc bài thơ đó cho Sư Phụ của mình nghe. Bài thơ này chú đã học thuộc lòng và nhuần nhuyễn như ăn cháo. Cho nên hôm nay nghe Nhà Sư bảo, chú không một chút ngần ngại liền đọc như trả bài thuộc lòng:

*Anh bảo vệ rừng cây
Em bảo vệ núi sông
Anh với em đồng lòng
Nguyễn chung sức xây dựng non sông.
Này em ơi! cuộc sống
Sống không phải riêng ta*

*Sống cho tất cả muôn loài
Sống như thế mới thật là an vui.
Này ai ơi! cuộc sống
Sống không phải riêng ta
Sống trải rộng chan hòa
Sống thương khắp mới thật là an vui.
Hãy nhìn xem rừng núi
Mang sức sống cho ta
Ta là rừng núi bao la
Rừng núi ấy cũng chính là ta.*

Chú Huệ Minh rất thông minh và có trí nhớ dai không thua gì thầy Huệ Văn. Dù bản chất thông minh, nhưng không vì thế mà chú lại chểnh mảng lười biếng trong việc học hành, mà trái lại chú rất chăm chỉ siêng năng. Vì vậy chú rất được Nhà Sư mến thương.

Chú Huệ Minh vừa đọc xong, Nhà Sư nhìn vào đôi mắt sáng hoắc thông minh của chú và rồi nói tiếp:

- Con nên biết rằng, trên đời này không có một vật gì độc lập không nhờ những thứ khác mà có thể sinh tồn được. Thầy hỏi con, mọi thứ tiện nghi vật dụng hằng ngày thầy trò mình có được để sinh sống ở đây, có phải là nhờ tất cả hay không? Như cây cuốc, cây dao, cái áo con đang mặc, cơm con ăn, nói chung là mọi thứ nhu cầu cho sự sống của con, đâu có phải tự con làm ra. Mà tất cả đều do những

người khác làm ra cả. Nói cụ thể hơn, là mọi thứ đều do quan hệ trong lý duyên sinh mà hình thành. Cái này có là vì cái kia có, ngược lại cái này không là vì cái kia không. Thậm chí như đất, nước, gió, lửa, đều là những thứ trực tiếp giúp cho con và muôn loài được sống còn. Thiếu một trong những điều kiện đó, thì con không thể nào sống được. Như con có ung thiếu không khí được không? Hay không có nước được không?”

- Dạ! bạch sư phụ đời sống của mình làm sao mà có thể thiếu được những thứ đó?

- Đúng rồi. Nếu không có những thứ đó thì mình không thể sống được phải không? Vậy thì con muốn sống còn tất nhiên, là con cần phải bảo vệ môi sinh đừng bao giờ có tâm hủy hoại tàn phá chúng nó một cách vô cơ. Dù là một cành cây hay một ngọn cỏ, cũng đều có ảnh hưởng ít nhiều đến sự sống của chúng ta cả. Rộng ra là cả muôn loài vạn vật. Do đó, nên trong kinh Phật nói là mọi vật đều có ân sâu nghĩa nặng với mình, nên mình cần phải biết tôn trọng và tri ân muôn loài. Đó là thầy nói qua một chút về lý nhân duyên sinh thành vạn hữu cho con biết sơ qua. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói là trùng trùng duyên khởi đó con. Bây giờ thầy nói đến sự tu hành trong thực tế cho con rõ.

Nói xong, Nhà Sư đưa cây kéo vào một cánh lá nhỏ và người chậm rãi nói: Con có thấy không, cái lá này nó bị héo úa tàn phai, thì mình phải hái bỏ nó đi. Vì để nó lại chỉ làm xấu đi và ảnh hưởng đến cây mai không tốt đó thôi. Mình hái bỏ nó đi thì nó sẽ ra lá khác tốt đẹp hơn.

Nhà Sư nói tiếp, sự tu hành của mình cũng vậy đó con. Những phiền não trong tâm thức của mình cũng giống như là những lá héo úa này vậy. Mình cần phải thanh lọc trừ khử nó để thay vào đó những đức tánh tốt. Vì nếu mình cứ để nuôi dưỡng nó thì thật không có lợi lạc gì cho sự tu hành của con cả. Như con cứ để những lá héo úa này, thì chỉ làm xấu đi cây mai mà thôi. Đồng thời cây mai cũng không phát triển tốt được.

Nhà Sư vừa nói tới đây, thì thầy Huệ Văn cũng vừa đến đứng bên Nhà Sư. Thấy thế, Nhà Sư xoay qua thầy Huệ Văn và hỏi:

- Công việc ngoài vườn tụi con đã làm xong chưa?
- Dạ! bạch Sư Phụ cũng sắp xong rồi.
- Vậy con mời các em Phật tử vô chùa để chuẩn bị dùng cơm trưa.
- Mô Phật. Nhưng bạch Sư Phụ, con có một việc muốn hỏi Sư Phụ.
- Việc gì thì con cứ hỏi.

Thầy Huệ Văn chưa kịp mở lời để hỏi Nhà Sư, thì chú Huệ Minh liền nhanh miệng xin phép Nhà Sư vào trong chùa lo dọn cơm để chuẩn bị cúng dường ngộ trai. Nhà Sư bảo, thôi con hãy vô phụ dọn cơm với bà Bảy. Chú Huệ Minh chấp tay xá chào Nhà Sư và sư huynh Huệ Văn rồi vội vã đi thẳng vào trong chùa.

Xong rồi, Nhà Sư hỏi thầy Huệ Văn, con muốn hỏi thầy điều gì thì con cứ hỏi đi.

Thầy Huệ Văn từ tốn chậm rãi thưa:

- Bạch Sư Phụ, con nhớ hôm qua trong lúc uống trà, Sư Phụ có nói đến hoa mai. Sư Phụ nói hoa mai không những là một loài hoa tinh khiết quý giá trong nhơn gian thôi, mà nó còn được người ta chú ý và đề cao những đức tính cao quý cốt cách thanh nhã đẹp đẽ của nó trong nền văn học dân gian, cũng như biểu trưng cho ý nghĩa siêu thoát trong nền văn học Phật giáo. Vậy cúi xin Sư Phụ có thể nói rõ hơn cho con biết là hoa mai đã được ca ngợi biểu trưng trong văn học nhất là qua thi ca như thế nào? Và sự biểu trưng ý nghĩa siêu thoát trong Phật giáo qua một vài thi kệ của các vị Thiền Sư ra sao? Kính mong Sư Phụ từ bi chỉ dạy cho con.

- Con ạ! những vấn đề mà con thắc mắc nêu ra đó, thật không phải là những vấn đề đơn giản đâu. Phải nói đây là một vấn đề rất hệ trọng trong văn học

dân gian cũng như trong văn học Phật giáo. Sở dĩ thầy nói hệ trọng, bởi vì đã có nhiều nhà văn, nhà thơ đã nghiên cứu viết về hoa mai, nhất là đối với các thi nhân Trung Hoa, họ cũng đã ca tụng khen ngợi về hoa mai rất nhiều. Trong nền văn học nước ta, cũng có nhiều văn nhân hay thi nhân, rải rác họ cũng đều có đề cập đến hoa mai. Họ cũng ca tụng khen ngợi hết lời. Ở đây, thầy chỉ nói đại khái hay đơn cử tiêu biểu qua một vài bài thơ hay một vài thi kệ mà các thi nhân Trung Hoa và Việt Nam ca ngợi thôi. Còn trong văn học Phật giáo thì thầy chỉ dẫn chứng cho con thấy một bài kệ tiêu biểu, đó là bài kệ nói về cành mai của Thiền sư Mãn Giác đời Lý.

Nhưng trước hết thầy đọc cho con nghe một vài bài thơ mà các thi nhân Trung Hoa đã nói đến hoa mai. Như bài thơ ca ngợi hoa mai tuyệt vời của thi sĩ Vương Duy đời Đường như sau:

*Quân tử cố hương lai
Ứng tri cố hương sự
Lai nhật ý song tiền
Hàn mai trước hoa vị*

Nghĩa là:

*Anh từ quê cũ đến
Chắc biết chuyện quê nhà
Xuân về bên cửa sổ
Có thấy mai trở hoa.*

Thầy cũng nói rõ thêm cho con biết, là người xưa coi ba loại hoa : Mai, Tùng và Trúc như là ba người bạn thân tâm giao mật thiết với nhau vậy. Cho nên mới có câu nói là: “Ngự sử mai, trượng phu tùng, và quân tử trúc”. Ngoài ra, con còn thấy người ta kết hợp bốn loại hoa lại thành ra có tên gọi là tứ quý. Đó là: “Mai, Lan, Cúc, Trúc”. Bốn loại hoa này mỗi loại đều được biểu trưng đặc biệt cho mỗi mùa. Chung lại là bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Vì hoa mai có những đức tánh cao quý tinh khiết như thế nên người xưa cho hoa mai có đầy đủ phẩm chất cao quý của người quân tử.

Một nhà thơ nổi tiếng khác là Lý Bạch, ông cũng đã từng ca ngợi hoa mai. Nhân lúc ngồi uống rượu trên lầu Hoàng Hạc, nghe tiếng sáo thổi khúc nhạc “Lạc Mai Hoa” từ xa vọng lại, ông xúc động cảm hứng vì nhớ lại hình bóng cây mai ở Trường An mà ông sáng tác bài thơ:

*Nhất vi thiên khách khứ Trường sa
Tây vọng Trường An bất kiến gia
Hoàng Hạc lâu trung xuy ngọc địch
Giang thành ngũ nguyệt Lạc Mai Hoa*

Nghĩa là:

*Một mình làm khách chốn Trường Sa
Hương vọng Trường An chẳng thấy nhà
Ngự ở lầu Hoàng nghe sáo thổi
Giang thành mai rụng tháng năm qua.*

Đó là hai nhà thơ nổi tiếng ở Trung Hoa đời Đường đã cảm tác những vần thơ khi nghĩ đến hoa mai. Còn và còn rất nhiều nhà thơ khác cũng có sáng tác nhiều bài thơ nói về hoa mai. Nhưng ở đây thầy chỉ nêu ra hai vị tiêu biểu đó thôi.

Các thi nhân ở Việt Nam, cũng có nhiều nhà thơ ca ngợi ái mộ những nét đặc thù của hoa mai. Chẳng hạn như thi sĩ Đông Hồ có bài thơ diễn tả cảnh mai đẹp tỏa hương thơm ông viết như sau:

*Cành mai nghiêng ngả bên đồi
Cành mai ấy của thơ trời điểm trang
Cành mai trước gió dịu dàng
Cành mai dưới tuyết đoan trang tinh thần
Vườn trời tỏ mặt Đông quân
Hương trời thoang thoang non thần cung tiên.*

Nhà thơ Kim Tuấn cũng có bài thơ “Anh cho Em Mùa Xuân”, ông mượn hình ảnh của đóa hoa mai để gửi tặng cho người yêu:

*Anh cho em mùa xuân
Nụ mai vàng mới nở
Chiều Đông nào hung nhớ
Đường lao xao lá đây
Chân bước mòn hè phố
Mắt buồn vin ngọn cây.*

Đại khái, thầy chỉ đơn cử hai nhà thơ tiêu biểu tượng trưng thôi, ngoài ra còn rất nhiều nhà thơ khác cũng đã diễn tả qua nhiều sắc thái nói về hoa mai. Sau này, con muốn tìm hiểu sâu rộng thêm, thì thầy khuyên con nên tìm những bài văn hoặc những bài thơ nói về hoa mai để mà đọc. Hôm nay, thầy chỉ nêu ra bấy nhiêu đó thôi.

Nhà Sư nói đến đây, thì thầy Huệ Văn liền thưa:

- Bạch Sư Phụ, khi nãy Sư Phụ có đề cập đến thi kệ của Thiền sư Mãn Giác đời Lý, nói về cảnh mai, vậy con kính mong Sư Phụ giảng giải cho con hiểu rõ về ý nghĩa thâm thúy của bài kệ đó.
- Được. Thầy sẽ giảng sơ qua cho con nghe ý nghĩa của bài thi kệ đó. Nhưng hôm nay, mình không có đủ thời giờ để giảng đi sâu vào ý nghĩa thâm trầm của bài kệ đó đâu con, thầy sẽ giảng cho tụi con nghe vào một buổi học giáo lý khác.

Nói đến đây, Nhà Sư nhìn lên trên nền trời trong xanh không một đám mây gợn, như để hít vào một hơi thở dài cho khỏe và rồi người nhìn vào cảnh mai như để thầm nhắc người đệ tử của mình hãy trở về với thực tại. Hãy chú tâm vào cảnh mai trước mắt để giữ chánh niệm. Không nên để tâm phiêu lưu vào những cảnh giới mộng lung không đâu hay

đang thả dòng tâm thức suy tư vào thế giới hai đầu của ngục tù quá khứ và tương lai, mà quên mất đi hiện tại. Nếu thế, thì những lời giảng giải của Nhà Sư người đệ tử sẽ không thể nào lãnh hội yếu chỉ hết được.

Qua vài giây trở về với hơi thở chánh niệm, bây giờ Nhà Sư nói tiếp: Trước khi thầy giải thích ý nghĩa của bài kệ đó, thầy muốn con đọc lại nguyên văn chữ Hán của bài kệ cho thầy nghe.

Nghe Sư Phụ bảo thế, thầy Huệ Văn như không cần suy nghĩ, thầy liền ứng khẩu đọc liền.

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền hóa
Lão từng đầu thượng lai
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhưt chi mai.*

Đọc xong, Nhà Sư bảo được rồi. Nhưng con có còn nhớ nghĩa của bài kệ đó không?

- Dạ! bạch Sư Phụ, con còn nhớ nghĩa của bài kệ mà Sư Phụ đã từng dạy cho tụi con.
- Đâu con đọc lại cho thầy nghe thử.
- Dạ! con xin đọc.

*Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa cười
Việc đời trôi trước mắt
Trên đầu già đến nơi
Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành mai.*

Đọc xong, Nhà Sư liền nói: Đúng rồi. Con nhớ không sai một chữ. Bây giờ thầy sẽ giảng sơ qua ý nghĩa của bài kệ đó cho con nghe.

- Dạ! con xin hết lòng chăm chú lắng nghe.

Con à, như con biết, nói đến xuân là nói đến sự vận hành luân lưu của thời tiết. Vì thời tiết người ta chia ra làm bốn mùa. Mà mùa xuân là khởi đầu của bốn mùa. Mùa xuân là mùa mang nhiều sắc thái tươi đẹp. Hoa nở hay hoa tàn là theo thời tiết nhân duyên. Sự chuyển biến theo dòng thời gian mà cảnh vật luôn luôn thay đổi. Không có một sự vật nào đứng yên định hình một chỗ. Như con và thầy cũng theo dòng thời gian mà lớn lên rồi sẽ già nua cằn cõi đi. Bây giờ con thấy trên đầu của thầy tóc bạc hoa râm và đã ngã màu tuyết trắng rồi đó. Ngày xưa, khi thầy còn bằng tuổi của con thì thầy cũng như con bây giờ. Tóc của thầy cũng vẫn đen huyền và cũng vẫn trẻ đẹp như con. Nhưng ngẫm lại, không mấy chốc thì tóc đã bạc màu. Đó con thấy đời người chỉ là một thoáng qua. Khác nào

như những hạt sương mai. Mới thấy đó rồi chợt mất. Quả thật, xuân xanh mới đó bạc đầu rồi đây. Bởi thế mà người xưa mới than:

“Quân bất kiến minh cảnh cao đường bi bạch phát, triêu như thanh ty mộ như tuyết”. Nghĩa là, anh không thấy cha già soi gương buồn tóc bạc, sớm còn tơ xanh tối đã trắng như tuyết.

Con ơi, sự vật ở đời nó luôn luôn đi qua trước mắt mình không bao giờ dừng lại, khác nào như một dòng nước cuộn cuộn chảy trôi. Con thấy, ngày con mới đến đây xin thầy để được thế phát xuất gia, chỉ mới trải qua mấy năm thôi, mà cảnh vật chung quanh ở nơi đây cũng như thầy và các con thầy đều thay đổi hết. Nhìn lại, ngày xưa vườn kiểng cũng như khu vườn mà các con lao tác trồng trọt, đâu có được như bây giờ. Rồi khu vườn kiểng này và khu vườn kia nó cũng sẽ đổi thay theo dòng thời gian. Nói chung, vật lý, sinh lý, tâm lý đều luôn luôn biến đổi đi qua vùn vụt trước mắt mình. Nó biến dịch thay đổi từng sát na, nhưng tại vì con không chú ý nên con không thấy sự thay đổi sinh diệt, diệt sinh của nó đó thôi. Đã biết cảnh vật là vô thường sinh diệt như thế, mà người ta vẫn cứ mãi bám chấp vào chẳng khác nào như găng sức cố công để nắm bắt một cái bóng trong gương hay một làn sương khói mỏng của buổi chiều tà.

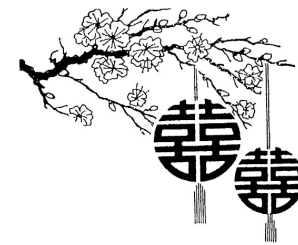
Cho nên Thiền Sư Mãn giác mượn đóa hoa để diễn tả sự vô thường. Bởi bản chất của hoa là vô thường là biến đổi sinh diệt sớm nở tối tàn. Mượn hình ảnh của một đóa hoa để nói lên tất cả sự vật ở trên đời này đều biến dịch đổi thay như thế. Biết được lý vô thường sinh diệt như hoa nở hoa tàn và vạn vật đều trôi qua nhanh chóng trước mắt mình, thì thử hỏi con có còn cố bám chấp vào nó để rồi tạo nghiệp thọ khổ nữa hay không? Con phải ý thức đến sự sống của kiếp người chỉ là giả tạm khác nào như quán trọ tạm dừng chân trên bước hành trình đi và đi mãi mà thôi. Từ ngàn xưa đến nay, con thấy có ai và có sự vật nào tồn tại mãi với thời gian không? Hay là tất cả đều bị thời gian bao phủ chôn vùi và hủy diệt hết. Đó là ý nghĩa của bốn câu trong bài kệ trên mà Thiền sư Mãn Giác nhằm thức nhắc cảnh tỉnh chúng ta phải nhận ra lý vô thường sinh diệt ở nơi ngoại cảnh và chính ở nơi con người của mình. Từ đó mình định hướng cho mình một hướng đi để tìm lại những giá trị thiêng liêng mâu nhiệm của đời sống tâm linh và nhận diện con người thật của chính mình.

Đến hai câu kết, ngài nêu ra cho chúng ta thấy trong cái vô thường nó ẩn chứa tiềm tàng cái chân thường trong đó. Ngài nói đừng nghĩ rằng, mùa xuân qua đi rồi tất cả đều rơi rụng hết. Nếu chúng ta chỉ nhìn thấy một mặt vô thường không thôi, thì chúng ta chưa nhận chân được cái lý vô thường.

Nếu chỉ hiểu thế, thì người ta lại bị quan và chán đời không muốn làm gì hết và thậm chí họ còn lên án cho đạo Phật là ru ngủ con người ta đi vào con đường yếm thế bị quan và làm cản trở bước tiến của xã hội. Đó là người ta đã hiểu lầm về đạo Phật. Nhưng đạo Phật không phải chỉ cho con người ở mặt tiêu cực không thôi, mà đạo Phật còn chỉ bảo và hướng dẫn cho mọi người thấy và nhận ra ở mặt tích cực nữa. Hiểu được lý vô thường là người ta càng lạc quan yêu đời hơn, vì sự vật luôn luôn có sự đổi mới. Mà đổi mới là nguồn sống là niềm hy vọng thăng hoa tiến bộ của con người. Đó là thầy chỉ nói ý nghĩa tích cực trong mặt xây dựng con người và xã hội ở mặt tương đối thôi. Nếu đi sâu hơn thì con thấy câu kết của Thiền Sư đã hé mở cánh cửa vô thường cho ta thấy được cái chân thường trong đó. Vì hoa mai tuy có rụng hết thật, nhưng mà cành mai vẫn còn sờ sờ đó, chớ có mất đi đâu. Cành mai là tượng trưng cho tánh giác của con, của thầy và của tất cả chúng sinh. Như vậy, đứng về mặt hiện tượng giới, thì Thiền Sư đã chỉ cho mình thấy được cái lý vô thường của vạn hữu. Còn đứng về mặt bản thể, thì ngài chỉ cho chúng ta thấy được cái bản chất chân thật bất sinh bất diệt hằng hữu trong mỗi con người chúng ta. Nếu như con nhận và sống lại với cái bản tánh sáng suốt thanh tịnh hằng hữu này, thì con mới thấy được “*Cành Mai*” của Thiền sư Mãn Giác chỉ cho chúng

ta. Đó là thầy chỉ giảng sơ qua cho con hiểu phần nào về ý nghĩa thâm sâu uyên áo của bài kệ đó thôi.

Nhà Sư vừa giảng tới đây, thì chú Huệ Minh ra mời Sư Phụ và sư huynh của mình vào trong chùa để dùng ngộ trai. Cả ba thầy trò đi từng bước khoan thai chậm rãi từ từ tiến vào bên trong chùa để dùng buổi ngộ trai...



HOA VÔ UÛU

Sáng sớm hôm nay, cảnh chùa chìm ngập trong sương mù. Màn sương giăng phủ dày đặc. Cây cối đứng ủ rũ im lìm. Trên những cành cây, một vài con chim đang tung tăng nhảy nhót reo mừng gọi nhau ríu rít như chào đón buổi bình minh đã trở về. Những cây cải bẹ xanh trải lá xòe ra như đang hứng những giọt sương đầu ngày. Mặt trời màu hồng ửng đỏ vừa mới nhô lên trông rất đẹp mắt. Ánh nắng của buổi sáng ban mai tươi mát dịu hiền thật dễ chịu.

Như thường lệ, sau thời công phu khuya, cả ba thầy trò đều đi bách bộ chung quanh vườn chùa. Họ đi trong tĩnh lặng. Đi bộ là một phương pháp rất tốt và bổ ích cho sức khỏe. Ngoài việc thể dục bằng cách đi bộ ra, thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh, cũng thường hay đi thiền hành vào những buổi chiều tà. Cứ sau mỗi buổi cơm chiều, người ta thấy bóng dáng của hai nhà sư trẻ trong chiếc áo màu nâu đi từng bước khoan thai thật vững chãi và thanh thoi.

*Bước đi trong tĩnh lặng
Mỗi bước nhịp thở đều
Tâm an nhiên tự tại
Mâu nhiệm biết bao nhiêu.*

Thiền hành xong, cả hai đều chuẩn bị cho thời khóa Tịnh độ tối. Hôm nào cũng vậy, bà Bảy đi thấp nhang ở các bàn Phật và bàn vong. Xong rồi, bà đến đại hồng chung để hô chung. Tuy trọng tuổi, nhưng âm thanh của bà vẫn còn trong trẻo. Bà được Nhà Sư dạy cho bà cách thức hô chung. Từ xa, người ta nghe tiếng của bà cất lên vang rền trong chánh điện:

*Nguyện tiếng chuông này vang khắp nơi,
Phá tan phiền muộn trí sáng ngời,
Sáu chữ Di Đà không niệm khác,
Gìn lòng niệm Phật dạ thanh thoi.*

Bài hô chung chỉ vồn vện có bốn câu thật đơn giản mà Nhà Sư trụ trì sáng tác để cho bà dễ nhớ thuộc lòng. Cứ mỗi câu hô lên là bà tỉnh lên một tiếng chuông. Âm thanh của tiếng chuông ngân vang như xé tan bầu không khí yên tĩnh của buổi tối. Tiếng chuông như réo gọi thức nhắc mọi người hãy tỉnh thức lập tức trở về với hơi thở chánh niệm. Ngoài ra, tiếng chuông còn có công năng cảnh tỉnh khách trần nên mau cố gắng tinh tấn thúc liễm tu hành. Hô xong bốn câu, bà bắt đầu niệm danh hiệu Phật A Di Đà. Bà niệm Phật cho đến khi nào tụng xong thời Kinh A Di Đà mới thôi.

Sau thời khóa, như thường lệ hai huynh đệ vào giảng đường để nghe Nhà Sư giảng dạy giáo lý.

Đặc biệt, buổi học giáo lý hôm nay, Nhà Sư đề cập đến một đề tài có liên quan đến ngày Đại lễ Phật đản. Đó là nói về Đóa Hoa Vô Ưu.

Nhà Sư nói: Như các con biết, hôm nay còn không bao lâu nữa là đến ngày kỷ niệm mừng ngày đản sanh của đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni. Ngày mà toàn thể Phật giáo đồ trên khắp năm châu bốn biển đều nhất loạt cử hành đón mừng ngày đức Thế Tôn giáng thế. Đây là ngày đại lễ rất quan trọng, đánh dấu sự ra đời của đức Phật.

Những lần trước, thầy cũng có giảng cho các con nghe sơ qua về cuộc đời của đức Phật từ khi giáng sanh cho đến lúc nhập diệt. Hôm nay, thầy không có giảng về lịch sử đời Ngài, mà thầy chỉ muốn nói lên ý nghĩa của đóa hoa vô ưu. Nói đóa hoa vô ưu, vì căn cứ theo sử liệu ghi lại, lúc Thái Tử ra đời, Ngài đã ra đời dưới cội cây này tại vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini).

Thầy nhắc lại cho các con nhớ, theo tục lệ ở Ấn Độ thời bấy giờ, người đàn bà sắp đến ngày sanh, thì phải trở về quê quán của mình để sanh sản. Do đó, nên bà hoàng hậu Maja trên đường về quê, bà ra lệnh cho các người hầu khiêng kiệu dừng lại và bà đích thân đi dạo ngắm cảnh đẹp trong vườn. Đến cây vô ưu (Sala), bà vừa đưa tay định bẻ một đóa, thì bỗng nhiên lúc đó Thái Tử ra đời. Ngài xuất

hiện dưới ánh nắng tung bùng của buổi sáng, trong mùi hương ngào ngạt của trăm hoa, với thân ba mươi hai tướng tốt hòa lẫn cùng muôn màu ngàn sắc của thiên nhiên, nó làm cho cả vũ trụ đều rung động theo chiều xuất hiện của Ngài.

Vừa nói đến đây, thầy Huệ Văn như không chờ Nhà Sư giảng tiếp, thầy liền vội hỏi: Bạch Sư Phụ! tại sao đức Phật không ra đời ở những cây khác mà lại ra đời ở dưới cây vô ưu? Vậy vô ưu có nghĩa là gì? Kính mong Sư Phụ giải đáp cho chúng con rõ.

Đó là điều mà hôm nay thầy cũng muốn giải thích đôi điều để cho các con hiểu rõ thêm. Câu hỏi của con thật đúng với ý thầy muốn nói. Nay các con, vô ưu có nghĩa là không có ưu tư buồn rầu lo lắng. Các con có biết, đời sống của người thế gian hầu hết ai cũng ưu tư phiền muộn lo lắng. Họ buồn lo đủ thứ. Lo nghèo, lo giàu, lo ăn, lo mặc, lo thiếu, lo đủ v.v... nói chung, chữ “LO” lúc nào cũng lảng vãng trong đầu óc của họ. Bởi lo lắng tính toán đủ thứ, nên người ta dễ sanh ra đủ thứ bệnh hoạn và rồi mau già mau chết. Người ta thường nói, ưu sâu là tự sát, hay tâm sâu bạch phát. Vì lo lắng quá độ nên đầu óc dễ bị căng thẳng (stress) và gây ra chứng bệnh tâm thần. Theo thống kê của các bác sĩ tâm lý cho biết, người ta mắc phải chứng bệnh tâm thần nhiều lắm. Hậu quả của sự lo lắng sâu khổ quá mà ra.

Có đôi khi người ta lại lo những chuyện không đâu. Có những việc không nên lo lắng mà người ta lại vẫn cứ hay lo. Lo thì nó đi liền với sợ. Điều đáng lo mà người ta không chịu lo. Như việc sống chết là việc lớn đáng lo mà người ta lại không chịu lo tu hành để được giải thoát. Người lo lắng nhiều thì tâm trí của họ không bao giờ được an ổn. Có khi sự việc chưa có xảy ra, mà người ta lại phóng đại tính toán lo âu đủ thứ hết. Họ vọng tưởng vẽ vời ra bao nhiêu thứ tính toán trong đầu làm cho vấn đề thay vì đơn giản, lại càng rắc rối thêm. Như sanh, già, bệnh, chết, đó là bốn quy trình luật định không ai tránh khỏi, thế mà người ta vẫn cứ lo lắng sợ hãi những thứ đó. Đó là điều không nên lo mà lại lo. Dẫu có lo cũng không sao thoát khỏi được. Vậy lo lắng làm chi cho thêm đau khổ!

Xưa kia, khi đức Phật còn tại thế, hoàng thái hậu tức thân mẫu của vua Ba Tư Nặc qua đời, nhà vua rất là sầu khổ. Một hôm, ông đến tinh xá thăm Phật, bảy giờ, trên gương mặt của ông hiện ra những nét nhăn nheo ưu sầu tiều tụy khó coi, thấy thế, Phật mới hỏi: Tại sao hôm nay gương mặt của đại vương lại thiếu nã ưu sầu như thế? Có phải nhà vua đang lo rầu ưu tư chuyện gì đó phải không? Nghe Phật hỏi, vua Ba Tư Nặc không chút ngần ngại liền thưa:

- Dạ! bạch Thế Tôn, con đang buồn vì mẹ con mới chết.

- Phật bảo: Này đại vương! việc sống chết là lẽ thường nhiên của con người. Hễ có sanh tất phải có tử, có hợp tất phải có tan, sanh tử luân hồi mấy ai tránh khỏi. Có ai sanh ra mà không chết đâu! Cái lý lẽ đơn giản như thế mà đại vương không hiểu sao lại còn phải ưu tư sầu não như thế! Đại vương nên nghĩ rằng, khi vô thường đến, chính cái thân mạng của đại vương mà đại vương còn không giữ được thay, huống gì cái thân mạng của người khác. Thử hỏi làm sao đại vương có thể giữ được? Đó là điều không đáng lo mà đại vương lại lo. Có phải là vô ích và gây thêm hao tổn tinh thần lắm không? Còn điều đáng lo là đại vương phải ráng lo tu hành để sớm được giải thoát. Nhà vua nghe Phật nói thế, lòng ông không còn lo buồn nữa. Rồi ra thân ông cũng phải bị hủy diệt, làm sao giữ được khỏi chết? Thế là từ đó ông không còn ưu tư sầu khổ về cái chết của mẹ ông nữa.

Nhà Sư nói tiếp, đối với chúng ta là người xuất gia, thì mọi việc đâu cần gì phải lo lắng. Vì người xuất gia đâu có ham muốn đủ thứ như người đời. Đời sống của người xuất gia thật đơn giản. Các con không cần phải lo ăn, lo mặc gì cả. Mình thọ dụng những phẩm vật của Đàn Na tín thí dâng cúng, là để mình có đủ chút ít phương tiện mà gắng công tu

hành. Vì chí nguyện của người xuất gia rất là cao thượng, chỉ một bề mong cầu giải thoát sanh tử không thôi. Do đó, nên người xuất gia phải dứt hết mọi sự đắm nhiễm ràng buộc ở thế gian. Do không còn bị dính mắc ràng buộc, nên đời sống của người xuất gia thật là an thoát, không còn phải lo âu tính toán hơn thua tranh danh đoạt lợi giống như người đời.

Người đời, nếu như họ biết đủ không bon chen trong trường danh lợi, nghĩa là họ khéo biết áp dụng theo lời Phật dạy, tu theo hạnh thiểu dục tri túc, ít muốn biết đủ, thì họ cũng vẫn có hạnh phúc an lạc như thường. Sở dĩ người ta không có hạnh phúc, là vì người ta không biết hạn chế lòng tham dục. Càng nô lệ cho lòng dục vọng nhiều chừng nào, thì con người sẽ càng chuốc thêm khổ lụy nhiều chừng nấy. Ở đời, ai cũng muốn giàu sang, quyền cao danh vọng địa vị, do muốn như thế, nên ai cũng muốn chiếm hữu mọi thứ về mình. Chiếm mà không được thì thù hận, sân si quyết ăn thua đủ với nhau. Từ đó, gây nên bao cảnh chiến tranh tương tàn tương sát làm khổ lụy cho nhau. Tất cả cũng đều xuất phát từ lòng tham dục cao độ mà ra. Ai cũng muốn cả vũ trụ này phải về trong tay của mình. Bản ngã tự cao tự đại của con người không lúc nào họ chịu lép vế thua kém ai. Lúc nào họ cũng coi họ là cao cả, là cái rún của vũ trụ. Tham không được như ý mình, thì lòng sân hận của họ

nổi lên muốn ăn tươi nuốt sống kẻ khác. Cái tâm ác độc như thế, bảo sao thế giới sống chung hòa bình cho được? Các con thấy, hiện trạng thế giới loài người ngày nay thật lắm tang thương hệ lụy. Đó là nỗi thống khổ cùng cực truyền kiếp của con người.

Sự ra đời của đức Phật ở dưới cây vô ưu cũng nhằm nói lên cái ý nghĩa thâm thúy đó. Lúc đức Phật còn là một Đông cung thái tử, dù sống trong ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp con ngoan, rượu ẩm tình nồng, phú quý vinh hoa, quyền uy tốt bực, danh vọng không ai bằng, nhưng Ngài vẫn không bao giờ say mê đắm nhiễm. Do đó, đời sống của Ngài từ lúc còn là Thái Tử cho đến khi xuất gia tầm đạo và đạt đạo, lúc nào Ngài cũng thể hiện một đời sống an lạc và giải thoát. Không có thứ gì ràng buộc được Ngài cả. Là người tu hạnh xuất thế, các con phải cố gắng noi theo công hạnh của Ngài.

Ngày nay, Lâm tỳ ni thuộc đất nước Nepal trở thành một trong Tứ Thánh địa của Phật giáo. Đứng về mặt địa lý, hay sự tương, thì chúng ta cách rất xa Lâm tỳ ni hay cây vô ưu nơi đức Phật ra đời, nhưng xét về mặt tâm linh, thì Lâm tỳ ni hay cây vô ưu không có cách xa chúng ta lắm. Vì Phật hiện thân chỉ là ứng thân Phật có mặt với đời để hóa độ chúng sanh trong một thời gian, rồi thì Phật cũng thân thần nhập diệt. Còn Phật pháp thân thì các con và thầy cũng như tất cả mọi người, rộng ra là khắp

cả pháp giới chúng sanh, đem so với Phật thì cũng đâu có khác. Chỉ khác nhau về mặt hiện tượng thấy có mê và ngộ khác nhau đó thôi. Còn đứng về mặt bản thể thì nào có khác chi đâu. Cũng như các con nhìn xuống biển, thấy có nhiều lượn sóng to nhỏ có khác nhau, nhưng tất cả có chung cùng một thể nước. Rời nước ra thì đâu có sóng, mà rời sóng ra thì cũng đâu có nước. Chính vì thế, nên Phật mới nói câu: “Ta là Phật đã thành và chúng sanh là Phật sẽ thành”. Vì chúng sanh sẵn có ông Phật (tánh giác) ở trong tâm mình. Chỉ cần hồi quang phản chiếu nhận lại ông Phật thiết ở nơi tự tâm mình và rời sóng trọn vẹn với thể tánh đó, tất nhiên mình là Phật rồi. Chính vì thế, nên trong Kinh mới nói: “Tâm, Phật, chúng sanh tam vô sai biệt”. Nghĩa là cả ba xét về mặt hình thức sự tướng thì có khác, nhưng thể tánh thì không hai. Lý này trong Kinh Duy Ma Cật thì gọi là Pháp môn Bất Nhị, còn trong Kinh Hoa Nghiêm thì gọi là “Tương tức, Tương nhập”. Tương tức là trong cái có nó có cái không hay ngược lại cũng thế. Nói cụ thể dễ hiểu hơn là trong nước đục sẵn có chất nước trong. Con muốn có nước trong mà bỏ đi nước đục thì làm gì có? Thế nên, trong Kinh thường nói: “Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn” là ý này vậy. Tánh giác Bồ đề không rời phiền não mà có. Thí dụ: lúc con nổi giận lên thì đó là phiền não, còn lúc con chưa nổi giận lên thì đó là tánh thể Bồ đề. Vì con sẵn có cái tánh không giận. Nên khi con không còn giận

thì tánh không giận hiện ra. Như vậy cái tánh “không giận” lúc nào nó cũng hằng hữu sẵn có. Tại vì con không khéo gìn giữ cái tánh thể không giận này mà cứ để cho cái tâm vọng phan duyên nắm bắt theo trần cảnh nên con mới có sân hận nổi lên. Sân hận chỉ là hiện tượng khi có, khi không, giống như sóng, còn cái tánh không sân hận thì hằng hữu, giống như nước. Thầy chỉ đôn cử một loại tâm hành tiêu cực sân hận, còn lại bao nhiêu thứ khác suy ra cũng đều như thế.

Nãy giờ hai huynh đệ lắng lòng nghe những gì mà Sư Phụ của mình giảng giải về ý nghĩa của hai chữ “vô ưu” thật là thâm áo. Đến đây, chú Huệ Minh nêu ra một thắc mắc liền hỏi Thầy.

- Dạ! bạch Sư Phụ! Lâu nay con có một thắc mắc, nhưng chưa có dịp để hỏi Sư Phụ, nay đây, con xin nêu ra kính nhờ Sư Phụ giải đáp hộ cho con.

- Con có thắc mắc điều gì thì cứ hỏi, tùy đó thầy sẽ giải đáp giúp cho con.

- Bạch Sư Phụ, con không hiểu tại sao cuộc đời của đức Phật từ lúc sanh ra cho đến khi Ngài nhập Niết bàn, lúc nào Ngài cũng ở ngoài trời dưới cội cây cả? Khi giáng sanh thì ở dưới cây vô ưu, lúc tu thì cũng ở trong rừng, đến khi thành đạo thì cũng ngồi ở dưới cội cây Tất bát la, thuyết pháp đầu tiên,

cũng ở nơi vườn Lộc Uyển, lúc nhập Niết bàn thì cũng ở trong rừng dưới hai cây Ta la song thọ. Con không hiểu lý do tại sao lại như thế?

- Điều thắc mắc của con thật là hữu lý. Sự thật, thì thầy cũng chưa thấy chỗ nào giải thích rõ ràng về vấn đề này. Nhưng theo thiền nghĩ của thầy, thì sự thị hiện của Phật không phải là không có lý do.

Theo chỗ nhận xét của thầy, thì vấn đề này nó mang hai ý nghĩa:

Thứ nhất, một phần là do thời tiết khắc nghiệt nóng bức ác liệt ở Ấn Độ. Mùa nóng thì nóng dữ dội, nóng cháy da phỏng trán, cho nên có thể ở trong rừng hay ở dưới những tán cây có lẽ tham thiền nhập định mát mẻ dễ chịu thoải mái hơn. Vì thời đó, đâu có những tiện nghi vật chất đầy đủ những vật liệu hay máy móc như bây giờ. Thời đó làm gì có máy điều hòa không khí?

Thứ hai, đời sống tiếp cận với thiên nhiên cây lá hoa rừng thì con người sẽ cảm thấy dễ chịu an thoát nhẹ nhàng hơn. Tránh được những thứ nhu cầu ăn mặc đòi hỏi vật chất quá đáng. Càng sống gần gũi với thiên nhiên, vui vẻ với đất trời nhiều chừng nào, thì con người càng cảm nhận được một nguồn an vui thanh thoát ở nơi tâm hồn nhiều chừng nấy. Không đưa đời bận bịu gì nhiều với cuộc sống. Hơn

nữa, chỉ có những nơi vắng vẻ rừng cây khóm trúc, hay núi non sâu thẳm, người ta mới dễ đi sâu vào lĩnh vực thiền quán hơn. Còn ở những nơi ồn ào náo động, phức tạp rối rắm, con người cũng khó mà nhiếp tâm an định được. Vì thế, nên Tổ Qui Sơn có nói: “Muốn gọi tâm nuôi đức thì phải ẩn tích mai danh, muốn uẩn tố tinh thân thì phải xa nơi huyên náo”.

Đó là một sự thật mà người có chút ít kinh nghiệm tu hành thì sẽ thấy rất rõ điều đó. Cụ thể, như thầy trò của chúng ta sinh hoạt tu học ở nơi chỗ vắng vẻ này, tuy rằng không hẳn xa lánh hết mọi người, nhưng cảnh trí ở đây tương đối cũng giúp cho mình có nhiều sự an lạc hơn. Vì tối ngày thầy trò mình không có tiếp xúc với ai và cũng không có ai gây ra những chuyện phiền toái cho mình. Do đó, nên mình dễ nhiếp tâm niệm Phật an định hơn.

Như có những đêm sáng trăng, thầy trò chúng ta ngồi tham thiền hay niệm Phật dưới những cội cây tùng, cây thông, các con thấy tâm hồn mình thật là an lạc nhẹ nhàng thanh thoát. Nhứt là những buổi chiều tàn vắng vẻ, thầy trò mình đi thiền hành cũng cảm thấy rất an lạc. Vì chung quanh mình toàn là cây cối xanh tươi. Thỉnh thoảng mới nghe một vài tiếng chim kêu hay tiếng suối reo, gió thổi. Cảnh trí thiên nhiên nó cũng giúp cho mình có nhiều sự yên

tịnh và do đó dễ nuôi dưỡng đời sống tâm linh của mình ngày càng tiến bộ tốt đẹp hơn.

Đại khái theo thầy hiểu là như thế. Còn có ý nghĩa nào khác sâu xa hay hơn nữa, thì thú thật, thầy cũng chưa có nghiên cứu rõ lắm. Sau này, nếu có dịp thầy mong các con sẽ tìm hiểu kỹ càng cẩn kẽ hơn.

Sau khi nghe qua sự giảng giải khúc chiết tận tình của Nhà Sư, chú Huệ Minh như đã hiểu được điều đó. Chú rất vui mừng, và sự thắc mắc lâu nay của chú cũng đã được giải tỏa. Còn thầy Huệ Văn này giờ lắng nghe theo dõi sự giải thích của Sư Phụ, tâm trí của thầy như sáng lên và bây giờ thầy mới hiểu được tại sao mà chư Tổ Sư thường hay vào trong thâm sơn cùng cốc vắng vẻ để tu hành. Có lẽ cảnh trí yên tĩnh cũng dễ làm cho người ta mau thành tựu đạo quả hơn.

Đến đây, Nhà Sư liền xoay qua hỏi chú Huệ Minh:

- Huệ Minh con có còn nhớ bài thơ nói về Hoa Vô Ưu mà hôm trước thầy đã bảo hai con học thuộc lòng, vậy bây giờ con có thể đọc lại cho thầy và sư huynh của con nghe được không?

- Dạ, được. Nhưng nếu con có đọc sai thì nhờ Sư Phụ và sư huynh sửa lại giùm.

Hoa vô ưu một đóa

*Chào đón ánh bình minh
Vũ trụ đều nghiêng mình
Cỏ cây lìa tán rụng*

*Ngàn năm hoa linh thoại
Mới hé nụ một lần
Nhơn thiên tiếng vang rân
Mừng bậc Thầy giác ngộ*

*Bậc cứu tinh ra đời
Giữa muôn ngàn đau khổ
Bao tiếng khóc rên la
Cõi Ta bà chìm đắm*

*Vàng nhật nguyệt sáng soi
Ánh bình minh tỏ rạng
Chiếu khắp cả không gian
Cứu đời thoát lầm than*

*Người về trong nắng ấm
Cảnh vật nhiệm màu tươi
Hoa nở chim hót cười
Thênh thang trời rộng mở*

*Muôn vạn lời cung kính
Trong ánh mắt vị tha
Từ bi nguyên cứu độ
Chúng sanh cõi Ta bà*

*Con chấp tay nguyện cầu
Cho mọi người thương nhau
Không hận thù tranh chấp
Cùng sống chung Hòa bình.*

Chú Huệ Minh vừa đọc xong bài thơ, thì từ phía góc trái bên nhà Tổ vang lên một hồi keng dài. Đó là tiếng keng của bà Bảy đánh báo hiệu cho mọi người biết là đã hết giờ học. Thế là cả ba thầy trò chấp tay hồi hướng và rồi mỗi người lặng lẽ chậm rãi đi về phòng ngủ nghỉ của mình...



BÊN DÒNG SUỐI

Suốt một tuần nay, người ta không thấy bà Bảy xuống phố mua đồ. Mỗi lần ra chợ, bà thường hay đi vào những cái sạp bán rau cải và trái cây. Những người bán biết bà ở chùa nên họ thường ủng hộ rau trái cho chùa. Đó là những Phật tử thuần thành hiểu đạo. Họ nghĩ, nếu mình thành tâm cúng dường thì mình sẽ được hưởng phước báo. Họ cũng hiểu được chút ít về lý nhân quả. Và họ cũng thường xuyên áp dụng lý nhân quả vào cuộc sống. Cho nên, mỗi khi họ thấy bà Bảy, thì họ rất vui vẻ hỏi han và phát tâm cúng dường. Bà Bảy cũng muốn cho họ gieo duyên lành với Tam bảo, nên khi họ cúng dường thì bà đều nhận. Họ còn nói với bà là tụi con bận việc nên ít khi đến chùa. Thật ra, thì tụi con cũng muốn tới chùa tu học và làm công quả lắm. Lúc nào trong tâm của tụi con cũng nhớ đến chùa. Mỗi lần lên chùa lòng tụi con cảm thấy rất vui, như trút đi những gánh nặng ưu phiền. Nhất là gặp lại các bạn đạo tay bắt mặt mừng hỏi han chuyện trò vui vẻ. Những lúc ấy tụi con rất thích.

Do chỗ quen biết thân tình, nên tuần nay không thấy bóng dáng bà Bảy ra chợ, lòng họ cũng cảm thấy hơi buồn. Nhưng họ cũng không biết lý do tại sao. Hỏi ra, mới biết là bà đã bị bệnh nặng hiện đang nằm điều trị ở bệnh viện. Từ chùa đến bệnh viện cũng khá xa. Vì chùa nằm trên vùng đồi núi

cách xa làng mạc nên ít có người lui tới. Từ khi bà ngã bệnh nặng, thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh cứ thay phiên nhau đến thăm viếng và chăm sóc cho bà. Vì bà không có con cháu thân nhân ruột thịt chi cả. Bà mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Như có lần bà đã kể hết tình cảnh trái ngang cay đắng của bà cho chú Huệ Minh nghe. Và chú Huệ Minh cũng đã kể lại đầu đuôi câu chuyện cho vị sư huynh của mình nghe. Do vậy, nên hai người đều rất cảm thông và rất yêu thương kính mến bà. Nhất là chú Huệ Minh. Chú luôn coi bà như là người thân ruột thịt của chú.

Có lần chú gọi bà là bà ngoại. Nghe kêu hai tiếng đó, lòng bà vô cùng sung sướng và ngậm ngùi cảm động đến rơi lệ. Là người từ nhỏ đã mất hết tình thương, bà luôn thèm khát một chút tình thương yêu ruột thịt. Nhưng cả đời bà nào có được đâu! Nay không ngờ bà lại nghe được tiếng kêu đó. Một tiếng gọi tuy ngắn gọn chỉ có hai chữ thôi, mà nó như chứa đựng cả một bầu trời trống vắng. Bà vừa mừng, vừa tủi, tủi cho số phận hẩm hiu cô độc lẻ loi của mình!

Bởi do hai người có cùng cảnh ngộ nên họ rất yêu thương quý mến nhau. Ngoài tình đồng đạo ra, họ còn coi nhau như tình ruột thịt. Những lúc chú Huệ Minh ngã bệnh, bà Bảy cũng hết lòng lo lắng chăm sóc. Bà lo cho chú từng miếng ăn giấc ngủ. Lúc nào bà cũng quan tâm theo dõi. Do đó, nên hôm

nay khi bà ngã bệnh chú cũng tận tâm lo lắng chăm sóc cho bà. Thịnh thoảng, Nhà Sư trụ trì cũng có đến thăm. Khi nhìn thấy Nhà Sư bà mừng lắm. Bà mừng và cảm động đến chảy nước mắt. Bà cố đè nén cơn xúc động nhưng không cách nào dẫn được. Bà mừng và xúc động đến nỗi không thốt ra lời. Nhà Sư thấy thế cũng cảm thương và rồi dùng lời khuyên lơn an ủi bà. Nhà Sư nhắc nhở bà cố gắng nhiếp tâm niệm Phật. Những lúc bệnh hoạn như thế này, là thời gian quý báu để mình hết lòng niệm Phật. Bà tỏ ra rất biết ơn và quý kính vị Thầy của mình.

Nhờ sự quan tâm chăm sóc và tận tình điều trị của bác sĩ, nên bệnh tình của bà ngày thuyên giảm dần. Hôm nay trông bà khỏe nhiều. Bác sĩ cho biết là bà có thể xuất viện được. Thầy Huệ Văn lo làm thủ tục giấy tờ để cho bà xuất viện. Mới vắng xa chùa chỉ có hơn một tuần lễ thôi, mà bà cảm thấy như rất lâu xa. Nghe nói được xuất viện bà vui mừng lắm. Bà lúc nào cũng mong được về chùa, vì bà rất nhớ chùa. Nguyện ước của bà là mong được chết ở trong chùa. Lúc khỏe mạnh bà niệm Phật rất tinh tấn. Ngoài những lúc nấu nướng và làm những công việc vặt vãnh ra, người ta thấy trên tay của bà lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật. Khi thì bà niệm thầm, lúc thì bà niệm ra tiếng. Bà đã được thầy trụ trì chỉ cách niệm Phật cho bà rất kỹ lưỡng. Do đó,

nên bà chuyên cần bền tâm niệm Phật một cách rất tha thiết.

Do hằng ngày huân tập hành trì niệm Phật như thế, nên khi ngã bệnh lúc nào bà cũng nhớ niệm Phật. Bà quyết tâm niệm Phật cầu mong được vãng sanh về Cực Lạc, tận mắt thấy Phật A Di Đà. Nhà Sư có dành cho bà một căn phòng riêng. Một căn phòng tuy nhỏ hẹp, nhưng bà rất thích. Vốn là người tỉ mỉ kỹ lưỡng, nên bà sắp xếp căn phòng của bà rất trang hoàng ngăn nắp. Thịnh thoảng chú Huệ Minh cũng hay đến phòng bà. Chú rất thích trò chuyện với bà. Chú cũng hay khuyên bà niệm Phật.

Những lúc rảnh rỗi bà cũng thường hay ra vườn để chăm sóc nhổ cỏ, tưới nước mấy liếp rau cải. Bà thích nhất là mấy dây khổ qua. Bà thường hay cắt những trái khổ qua để nấu canh. Có lần trong lúc làm vườn, chú Huệ Minh cắt cỏ hỏi bà:

- Tại sao bà lại thích làm vườn?

Không cần suy nghĩ bà trả lời ngay: Vì làm vườn mình có dịp tiếp xúc chăm sóc với những thứ mà do chính mình đã gieo trồng tạo ra nó. Vừa được hít thở không khí tươi mát trong lành của thiên nhiên đất trời, tâm hồn mình lại còn cảm thấy rất vui tươi thoải mái nữa. Khi nhổ một cây cỏ, hay sửa lại một cành cây, thì lòng mình cảm thấy rất an

thoát nhẹ nhàng. Vì những thứ này không có làm phiền mình. Hơn thế nữa, mình còn có hoa lợi để dùng. Như vậy không thích sao được hả chú?

Nói đến đây, bà ngừng lại và rồi đưa mắt nhìn vào mấy cây cải bẹ xanh trái lá xanh tươi trước mặt. Khi đó, chú Huệ Minh lấy tay nhỏ vài cọng cỏ và nói:

- Bà nói đúng lắm, nhưng bà quên một điều mà hôm trước Sư Phụ đã dạy cho bà.

- Điều gì, tôi quên rồi, chú nhắc lại thử.

- Tôi nhắc lại cho bà nhớ: Sư Phụ nói: “khi mình làm vườn nhỏ những cây cỏ dại, giống như là mình đang dẹp trừ những thứ phiền não trong tâm. Vì những thứ đó nó vô ích giống như những loài cỏ hoang dại vậy. Mình cần phải loại trừ chúng nó không nên để cho chúng nó mọc đầy trong vườn tâm của mình. Có nhỏ sạch như thế, thì khu vườn tâm của mình mới sạch sẽ tươi mát. Như vậy, tu là mình phải siêng năng để lo tảo thanh dẹp trừ những thứ phiền não dây mơ rễ má đó. Có dẹp trừ chúng nó, thì lòng mình mới an thoát nhẹ nhàng. Như vậy, nhỏ cỏ cũng là cách mà mình vừa làm đẹp khu vườn vật lý, mà cũng vừa làm đẹp khu vườn tâm lý của mình nữa. Tu hành là vậy đó. Đồng thời mình

cũng phải chăm sóc thường xuyên thân tâm mình giống như mình chăm sóc khu vườn vậy.

Nhiều lúc mình cứ nghĩ, niệm Phật, tụng kinh, trì chú như thế là tu rồi. Nhưng xét kỹ, cũng chưa hẳn là tu đâu. Coi chừng mình làm theo thói quen cho có lệ đó. Bởi tu là sửa đổi là chuyển hóa. Sửa đổi hay chuyển hóa những thứ xấu ác trở thành tốt lành, chuyển tà thành chánh, chuyển dở thành hay v.v... Khi đối cảnh xúc duyên, trái ý nghịch lòng, mà tâm mình không có nổi tham, sân, si, như thế mới gọi là tu. Chớ không phải mình chỉ biết tụng kinh, trì chú, niệm Phật hay đi chùa cho nhiều mà gọi là tu đâu. Sư Phụ còn nói, có người họ chỉ biết tụng niệm bên ngoài thôi, nghĩa là họ chỉ biết sử dụng cái miệng tụng niệm phát ra âm thanh thành tiếng, nhưng kỹ thật thì trong lòng của họ chứa đầy phiền não tham, sân, si v.v... Nghĩa là trong tâm của họ vẫn còn nguyên vẹn phiền não, không có giảm bớt đi chút nào. Coi chừng không khéo mình tu mà trở thành giống như cái máy phát thanh tụng kinh, niệm Phật hồi nào mà mình không hay biết. Người tu là phải thường xuyên nhìn kỹ lại mình. Có nhìn kỹ lại mình thì mới thấy được lỗi lầm của mình. Thấy lỗi để mà sửa đổi, đó mới gọi là tu. Có thể, thì sự tu hành của các con mới có tiến bộ”. Đó là những lời mà Sư Phụ thường thức nhắc cho mình khi làm vườn đó bà quên rồi sao?

Nãy giờ bà Bảy lắng nghe rồi nói: nhờ chú nhắc tôi mới nhớ. Người già thì hay quên lắm chú ơi! Nhiều khi tôi nghĩ cũng buồn. Hồi còn trẻ thì mình không chịu lo học hỏi, đến khi già cả, thì dù cho có muốn học hỏi đi nữa thì nó cũng không còn nhớ được gì. Học trước quên sau, nói điều này, sang qua điều khác, thật không đâu vào đâu cả. Đó là cái bệnh hay quên đấng trí của người già. Bây giờ chú còn trẻ, thì chú ráng lo cần mẫn siêng năng học hành, chớ đừng có ham chơi để đến già lú lẫn giống như tôi thì khổ lắm đó nhe!

Bà nói tiếp, dù sao tôi cũng cảm ơn chú đã nhắc cho tôi nhớ lại lời Sư Phụ dạy. Lời dạy của Sư Phụ rất là thực tế trong việc tu hành.

Có hôm, sau khi làm vườn, hai người đến ngồi bên bờ suối để hóng mát. Nhìn thấy dòng suối nghe tiếng nước chảy róc rách, bất giác bà Bảy rơi lệ. Những giọt lệ đau thương chảy dài xuống đôi má của bà. Chú Huệ Minh như thâm hiểu được tâm cảm của bà. Sau một giây phút trầm lắng, chú liền hỏi:

- Hôm nay nhìn thấy bà hơi khác lạ, có phải bà đang có tâm sự gì phải không? Nếu có, thì bà đừng ngần ngại cứ nói cho tôi biết. Tôi có thể chia sẻ cùng bà.

Qua câu hỏi của chú Huệ Minh, như khơi dậy đúng tâm tư của bà. Do đó, nên bà không chút ngần ngại mà tỏ bày cho chú Huệ Minh nghe. Bởi chú Huệ Minh cũng có ẩn chứa một tâm tư giống như bà. Vì vậy mà hai người họ dễ dàng thông cảm chia sẻ với nhau.

Bà nói: như chú biết, cứ mỗi lần nghe Vu Lan đến, lòng tôi cảm thấy rất đau buồn. Hai chữ Vu Lan gọi cho tôi bao nỗi nhớ nhung về quá khứ. Nhớ đến cuộc đời và thân phận của tôi. Nhất là nhớ đến ông bà cha mẹ, những người thân ruột thịt của mình không còn ai cả. Mình bất hạnh, từ lúc mới mở mắt chào đời cho đến khi lớn lên luôn sống trong cảnh mồ côi chứa chan đầy nước mắt. Biết bao cảnh khổ đôn dập đến với mình. Sống lẻ loi cô độc nên thường bị người ta khinh khi hiếp đáp. Thấy những đứa trẻ cùng trang bạn lứa tuổi với mình, sao chúng nó được diễm phúc hơn mình nhiều quá. Chúng nó có cha mẹ, có ông bà bên nội, bên ngoại đầy đủ. Chúng nó có quá nhiều tình thương. Còn nhìn lại mình là kẻ mang thân phận của một đứa trẻ tứ cố vô thân, lại thêm bị người đời hắt hủi ruồng bỏ. Sống lang thang không cửa không nhà, cứ rày đây mai đó. An thì có bữa đói bữa no. Hôm nào gặp được những người có lòng nhân ái thương người thì họ cho mình chút ít tiền bạc hoặc là chút đồ ăn dư thừa. Còn có những người không có lương tâm tình người thì họ nhìn mình bằng đôi mắt khinh bỉ.

Thân phận của kẻ mồ côi sống lang thang bụi đời sương gió là như thế đó.

Nãy giờ, chú Huệ Minh lắng nghe bà Bảy tâm tình thổ lộ. Chú không cầm được nước mắt. Chú khóc cho bà mà cũng khóc lại cho thân phận của chú. Khóc vì nghĩ đến mình cũng mang thân phận của một đứa trẻ mồ côi. Nhưng chú không đến nỗi bất hạnh quá đau khổ như bà. Chú mất mẹ lúc lên mười ba tuổi. Sau đó chú lại được vào viện mồ côi. Cho đến khi chú gặp được Nhà Sư trụ trì và Nhà Sư cho chú xuất gia. Tuy vậy, nhưng hôm nay nghe bà Bảy tâm sự với chú như thế, lòng chú cũng dâng lên tràn đầy bao nỗi nhớ niềm thương. Nhớ mẹ và nhớ lại tất cả những gì thân thương quen thuộc. Nhứt là nhớ lại khoảng đời thơ ấu bất hạnh đau khổ của mình. Cứ mỗi mùa Vu Lan đến, chú hồi tưởng về mẹ. Hôm nay, như có dịp để chú phơi bày tâm sự nỗi nhớ thương về mẹ của mình.

Chú nói: Bà ơi! người ta thường nói, mẹ là nguồn suối yêu thương luôn tuôn chảy bất tuyệt. Mẹ là cả một bầu trời yêu thương dịu ngọt. Mẹ là chuỗi ba hương, là xôi nếp một, là đường mía lau. Tình mẹ bao la rộng lớn như biển thái bình phải không thưa bà? Thử ngẫm lại cuộc đời của bà và tôi có được tận hưởng tình mẹ đó không? Bà và tôi đã mất đi tình thương của mẹ lâu rồi! Một thứ tình thương dù mình có khao khát đến đâu cũng không thể có.

Nguồn suối yêu thương vẫn luôn tuôn chảy bất tận. Nhưng bà và tôi thật là bất hạnh có bao giờ được tắm mình trong dòng suối yêu thương tuôn chảy tươi mát đó đâu. Suối thì lúc nào cũng ngọt dịu tươi mát, nhưng cuộc đời của mình thì lại quá đắng cay! Bà và tôi đã mất đi tình thương từ lúc còn ngây thơ nhỏ dại. Nhưng bà ơi! Tuy cuộc đời mình sanh ra đã bất hạnh xấu số như thế, nhưng bù lại hôm nay mình cũng còn có chút phước thừa, là được sống trong cảnh thiên môn thanh tịnh. Bà và tôi lại được sưởi ấm trong tình yêu thương của Thầy của bạn. Đó có phải là một điểm phúc lớn của mình không hả thưa bà?

Chú nói tiếp, bà ơi! cuộc đời này còn có nhiều người khổ hơn gấp trăm ngàn lần mình nữa đó. Tuy mình mồ côi không cha, không mẹ, không cửa, không nhà, không có một người thân ruột thịt sớm hôm gần gũi, nhưng thân thể của mình vẫn còn lành lặn. Bà không thấy, có nhiều người đã mồ côi mà lại còn mang bệnh tật suốt cả cuộc đời. Có người từ nhỏ tới lớn họ chưa từng thấy cảnh sắc xinh đẹp phơi bày trước mắt. Mặc dù trước mắt họ là cả một thiên đường màu sắc thơ mộng. Nhưng họ nào có được nhìn thấy đâu! Vừa lọt lòng mẹ, là họ đã bị mù lòa đôi mắt rồi. Họ là những người lại còn bất hạnh hơn mình nhiều nữa đó. Có người cả đời chưa từng nghe được một thứ âm thanh nào cả. Bởi thính giác của họ đã không còn tiếp nhận được

âm thanh. Họ đã bị điếc từ lúc vừa mới lọt lòng mẹ. Còn và còn nhiều người đã bị tàn tật hay khuyết tật nữa đó bà ơi! Họ là những người thật bất hạnh hơn mình nhiều lắm. Bà nghĩ coi có đúng không? Như vậy, nghĩ ra, mình cũng còn có phước hơn những người đó nhiều. Hơn nữa, hôm nay mình còn được vui sống hít thở không khí an lành tươi mát ở trong chùa. Sớm kinh, chiều kệ, không bận tâm nghĩ đến việc đời, như vậy còn gì bằng phải không thưa bà? Bà ơi! Phật dạy, khổ hay vui, thiên đường hay địa ngục, tất cả đều do chính mình định đoạt tạo lấy. Đã thế, thì khi gặp cảnh khổ mình cũng đừng than thân trách phận, vì tất cả đều do mình tạo ra. Trong Truyện Kiều cụ Nguyễn Du có nói:

*Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.*

Trách ai đây. Đừng trách ai cả mà hãy trách lại mình. Tại vì trong quá khứ mình vụng tu, nên hôm nay mình phải chịu trả cái quả báo bất hạnh như thế. Hiểu thế, thì bà và tôi cũng đừng có buồn phiền than thân trách phận nữa.

Tự nãy giờ bà Bảy lắng hết tâm tư nghe chú nói. Thật đây là lần đầu tiên, bà Bảy rất đỗi ngạc nhiên. Ngạc nhiên, vì bà không ngờ chú Huệ Minh đã sớm trưởng thành nhanh chóng như thế. Những lời nói của chú hôm nay, y như là những lời khuyên của

một người đã trải nhiều kinh nghiệm già dặn với cuộc sống ở đời. Đồng thời cũng hấp thụ nhiều ảnh hưởng đối với đạo pháp. Quả thật, những lời lẽ của chú có tác năng an ủi xoa dịu những nỗi khổ niềm đau của bà rất lớn. Nghe qua những lời đầy chân tình mộc mạc đó, bà Bảy cảm thấy như trút đi những gánh nặng ưu phiền. Bà từ tốn nói:

- Tôi thật lòng cảm ơn chú. Tôi mừng cho chú.

Chú Huệ Minh ngắt lời như không muốn để cho bà nói tiếp. Chú liền hỏi lại:

- Thưa bà, bà nói mừng cho tôi, nhưng mà mừng cái gì mới được?

- Tôi mừng cho chú là chú đã trưởng thành rồi.

- Nhưng trưởng thành vấn đề gì chớ?

- Thì trưởng thành về sự nhận thức sâu sắc qua sự tu học của chú.

Hai người vừa nói tới đây, thì thầy Huệ Văn xuất hiện. Thầy từ trong chùa đi ra và rồi đến ngồi bên cạnh chú Huệ Minh.

Thầy Huệ Văn nói: nãy giờ hai người luận bàn chuyện gì? Mà trông thấy trên gương mặt của hai người có vẻ đăm chiêu như đang tư lự có vấn đề gì phải không? Có tâm sự gì hai người có thể bật mí cho tôi biết chút được không?

Như không chờ bà Bảy nói trước, chú Huệ Minh vội trả lời:

- Thú thật với sư huynh, nãy giờ đệ và bà Bảy tâm sự với nhau về những chuyện quá khứ.
- Chuyện quá khứ là chuyện gì? Có phải là chuyện tình cảnh đau thương của hai người không?
- Đúng vậy. Sư huynh đã đoán đúng rồi. Mà nè sư huynh, nghe Sư Phụ nói, mùa Vu Lan năm nay, sư huynh đi giảng ở một ngôi chùa nào đó phải không?
- Đúng vậy. Sư Phụ dạy bảo, thì mình phải vâng lời thôi.
- Mà sư huynh định giảng về đề tài gì vậy? Hấp dẫn lắm không? Có thể bật mí một chút cho đệ và bà Bảy nghe được không?

- Dĩ nhiên là được. Nè! huynh hỏi đệ, mùa này là mùa gì?
- Là mùa Vu Lan Báo Hiếu.
- Vu Lan thì mình phải nói về báo hiếu, nó mới phù hợp chứ, có đúng không?
- Vậy sư huynh có thể nói sơ về tình mẹ một chút được không? Tại vì sư huynh được diễm phúc thừa hưởng được tình yêu thương của mẹ nhiều hơn đệ và bà Bảy.

- Huynh cũng như đệ vậy. Huynh cũng mất mẹ từ năm huynh lên mười tám tuổi. Song có điều huynh mất mẹ tuổi lớn hơn đệ. Thật ra tình yêu thương của mẹ mình thừa hưởng không biết bao giờ cùng và cũng không có hạn cuộc vào thời gian hay tuổi tác chi cả. Huynh thiết nghĩ, ở trang tuổi nào mình cũng cảm thấy ấm êm khi còn có mẹ bên cạnh. Vì mẹ là người đã hy sinh cho mình quá nhiều. Có thể nói mẹ đã hy sinh tận tụy cả cuộc đời cho con. Tình mẹ thương con thì bao la cao cả vô biên. Thật không có lời lẽ hay bút mực nào mà có thể diễn tả nói hết được. Đệ thấy, có những kinh điển mà đức Phật luôn đề cao ân sâu nghĩa nặng của cha mẹ. Đọc kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân, đệ thấy rất rõ điều đó.

Đệ à! Có nhiều lúc huynh cảm thấy hối hận khi nghĩ về mẹ quá.

- Tại sao phải hối hận hả sư huynh?
- Vì lúc mẹ còn sống, sao mình lại khờ dại làm cho mẹ phải đau buồn vì mình. Mẹ thương lo cho mình nhiều quá. Lẽ ra mình phải làm cho mẹ vui vẻ mới phải. Chữ “phải” mà huynh nói ở đây không có nghĩa là bồn phận đâu nhe đệ.
- Tại sao mà không phải là bồn phận hả sư huynh?
- Vì mẹ thương con chỉ biết thương con thôi và con thương mẹ cũng chỉ biết thương mẹ thôi. Thế là đủ rồi. Không cần phải dùng đến “bồn phận” chi cả. Bởi tình mẹ con là thứ tình yêu thiêng liêng cao cả và hết sức tự nhiên. Như khát thì mình uống nước. Đói thì mình cứ ăn. Không cần phải nghĩ đến uống ăn như thế nào. Còn có bồn phận thì còn bị ràng buộc vào đạo đức luân lý. Chính đó cũng là cái hàng rào làm mất đi cái tự nhiên yêu thương của mẹ con.

Đối với huynh, huynh thương mẹ thì huynh chỉ biết là yêu thương mẹ thôi. Song có điều cho đến bây

giờ huynh mới thực sự cảm nhận ra được điều đó. Chớ ngày xưa lúc mẹ còn sống, làm sao mình có đủ kiến thức nhận ra được điều đó chớ phải không? Chỉ làm cho mẹ khổ, mẹ buồn lo là có. Rất tiếc là chúng mình đã mất mẹ. Nếu như còn mẹ, thì đâu cần đợi đến mùa Vu Lan mình mới lo báo hiếu. Mà giây phút nào mình cũng làm cho mẹ vui cả. Mình chỉ cần biểu lộ tấm lòng yêu thương của mình cho mẹ biết là mình đã thực sự yêu thương mẹ.

Nói đến đây, chú Huệ Minh như không để cho sự huynh của mình nói tiếp, liền cắt ngang và hỏi:

- Biểu lộ bằng cách nào hả sư huynh?
- Có nhiều cách lắm đệ à.
- Cách nào đâu sư huynh nói cho đệ và bà Bảy nghe thử.
- Chẳng hạn như mẹ đang ngồi may vá hay đang làm công việc gì đó, mình lại gần bên mẹ và ôm chăm lấy mẹ vào lòng cho thật chặt rồi khẽ nói với mẹ: “Mẹ ơi! Mẹ có biết là con thương mẹ lắm không”. Hoặc khi mình đi học về chạy đến hôn vào mặt mẹ một cái cho thật nồng nàn, rồi nói nhỏ với mẹ: “Mẹ có biết mẹ là tất cả của đời con không”. Con còn có mẹ là còn tất cả đó mẹ à! Mẹ đã cho con quá nhiều tình thương mà

con ngu quá không chịu tận hưởng cho hết. Mẹ ơi! Mẹ là món quà lớn nhất của đời con đó. Còn và còn nhiều cách để mình biểu lộ với mẹ lắm đó. Mình biểu lộ một cách tự nhiên và ngây thơ, không cần “phải” hay “bổn phận” cái gì cả. Còn “phải” là còn có khách sáo và xa cách.

Như đệ thấy, dòng suối trong xanh trước mắt mình, ngày đêm nó vẫn cứ tuôn chảy róc rách đều đều. Một dòng suối tươi mát và ngọt dịu. Dòng suối trong thật êm ả. Khi nhìn dòng suối, chúng ta đừng bao giờ có khái niệm phân tích dòng suối như thế này hay như thế kia. Vì còn có khái niệm phân tích là mất đi tính chất tự nhiên của dòng suối. Mình chỉ cảm nhận có dòng suối hiện hữu là đủ. Như mình cảm nhận tình yêu thương của mẹ hiện hữu với mình là đủ rồi. Mình không cần phải tìm hiểu phân tích như thế này hay như thế kia. Cứ tận hưởng những gì tươi mát và ngọt dịu mà dòng suối đã ban tặng cho mình. Đó là một tặng phẩm quá tuyệt vời mình cứ an nhiên mà tận hưởng. Thế là quá đủ. Tình mẹ thương con đâu có đòi hỏi gì ở con. Vì còn đòi hỏi là còn có dụng ý và như thế là sẽ mất đi tính chất của tình thương.

Đệ nhìn dòng suối đệ sẽ thấy rõ bóng mình in trong dòng nước. Như đệ nhìn cha mẹ mình là mình sẽ thấy rõ mình trong thân thể của cha mẹ. Vì mình là

sự tiếp nối của cha mẹ mình. Nói rộng ra là cả dòng huyết thống tổ tiên của mình. Như vậy, mình yêu thương cha mẹ ông bà cũng chính là mình yêu thương mình. Vì những tế bào của mình là do tổ tiên ông bà cha mẹ của mình trao tặng cho mình. Làm sao mình có thể tách rời những tế bào của mình ra khỏi những tế bào của ông bà cha mẹ mình được? Cũng như đệ làm sao tách rời lấy những hạt bắp ra khỏi cây bắp ? vì những cây bắp chỉ là sự tiếp nối hình thành của những hạt bắp. Nói cách khác trong cây bắp tiềm tàng sẵn hạt bắp. Như vậy, nhìn vào cây bắp là đệ sẽ thấy rõ những hạt bắp trong đó. Vì thế, nếu mình tu học và sống cho đảng hoàng thì cha mẹ ông bà mình cũng cùng hưởng chung lợi lạc với mình.

Thầy Huệ Văn vừa nói đến đây, mọi người đưa mắt nhìn về phía khu vườn, thấy bóng dáng của Nhà Sư trụ trì, mọi người đều đứng lên và đi đến chào hỏi Nhà Sư và rồi cả ba người đều lặng lẽ trở vô chùa. Chú Huệ Minh thì lo chuẩn bị giờ công phu thí thực chiều, còn thầy Huệ Văn thì tưới những cây kiếng ở trước sân chùa. Bà Bảy thì lo chuẩn bị cho buổi cơm chiều. Mỗi người một phận sự việc ai nấy làm. Họ làm trong tinh thần yêu thương hòa ái vui vẻ và tương trợ lẫn nhau...



TRÀ ĐẠO

T hường lệ, sau giờ công phu, chú Huệ Minh hay nấu nước pha trà cho Thầy. Việc pha trà và hầu trà đối với chú bây giờ không còn khó khăn như hồi trước nữa. Vì chú đã học hỏi từ vị sư huynh của mình. Năm xưa, khi thầy Huệ Văn mới vào chùa, thì đã được Nhà Sư chỉ dạy về cách thức pha trà. Bởi pha trà cũng là một nghệ thuật. Dù trà có ngon mà không biết cách pha cho đúng mức, thì trà ngon cũng trở thành dở. Nhờ pha trà thường cho Thầy, nên thầy Huệ Văn đã trở thành một tay thiện nghệ pha trà. Nhà Sư trụ trì rất ưng ý hài lòng về cách pha trà của người đệ tử của mình. Khi chú Huệ Minh vào chùa được một năm, thì thầy Huệ Văn trao nghề pha trà lại cho chú. Chú được vị sư huynh chỉ dạy thật tỉ mỉ. Từ việc súc bình trà, rửa tách, nấu nước, chọn loại trà, cho đến việc bỏ trà vào bình và chế nước sôi vào, mỗi mỗi thầy Huệ Văn đều chỉ cho chú rất kỹ càng.

Cứ mỗi lần pha trà xong, chú đều mang đến cho Nhà Sư. Nhà sư thích uống trà vào mỗi buổi sáng sớm. Khác hơn mọi khi, hôm nay sau khi mang trà đến, Nhà Sư bảo chú đi mời thầy Huệ Văn đến để nghe Nhà Sư giảng dạy đôi điều. Chú vâng lời đi tìm mời vị sư huynh của mình. Hai huynh đệ đến trước mặt Nhà Sư và thi lễ kính cẩn cúi đầu xá

chào. Nhà sư bảo hai người kéo ghế ngồi xuống và yên lặng lắng nghe.

Nhà Sư vừa rót trà vào tách và nói, hôm nay thầy gọi hai con đến đây để thầy kể cho hai con nghe một vài việc có liên quan đến trà và nghi cách thưởng thức trà. Từ trước tới nay, thầy chỉ dạy cho Huệ Văn về cách chọn và pha trà, nhưng thầy chưa có nói đến việc phát triển nghệ thuật trà đạo. Các con nên biết, trà đạo phát xuất ở Nhật Bản, tuy thầy chưa rõ nguồn gốc của nó như thế nào, chỉ thấy sách ghi lại là trong văn hóa Nhật Bản trà đạo được phát triển từ khoảng cuối thế kỷ 12.

Nhà sư nói đến đây, thì thầy Huệ Văn như tò mò muốn biết về truyền thống trà đạo của Nhật Bản nên Thầy liền hỏi:

- Bạch Sư Phụ, xin Sư Phụ có thể cho chúng con biết ai là người phát khởi ra việc sản xuất trà và nghi cách uống trà ở Nhật Bản?

Nhà Sư chậm rãi, hai tay bưng nhẹ tách trà lên như để thấm giọng rồi từ từ khẽ nói: “Theo truyền thuyết Nhật Bản cho rằng vào khoảng thế kỷ 12 như đã nói, có một Nhà Sư người Nhật tên là Eisai (1141 – 1215) sang Trung Hoa tham vấn học đạo. Khi về nước, ông có mang theo một số hạt trà về trồng ở vườn chùa. Về sau ông có sáng tác một tác

phẩm: “Khiết Trà Dưỡng Sanh Ký”. Trong đó, ghi lại những việc liên quan đến thú uống trà. Từ đó trà được phổ biến dần trong dân gian, tuy nhiên, cũng chưa được phổ cập rộng rãi lắm. Nghệ thuật uống trà tạo phong cách tình cảm riêng của người Nhật Bản. Điều lý thú, là họ khéo kết hợp thú uống trà với tinh thần Thiền Phật giáo, điều đó đã nghiêm nhiên trở thành một nghệ thuật trà đạo. Và chính nghệ thuật trà đạo này trở nên đặc sản của người Nhật.

Như không để Nhà Sư nói tiếp, chú Huệ Minh nhanh miệng liền hỏi:

- Bạch Sư Phụ, Sư Phụ có thể cho chúng con biết thêm về tiến trình của trà đạo như thế nào được không?

- Từ uống trà, cách uống trà, rồi nghi thức uống trà cho đến trà đạo là một tiến trình không dừng, mà chủ đích cuối cùng người Nhật muốn hướng đến là cải biến tục uống trà trở thành một đạo lý hay một nghệ thuật sống cao đẹp đặc thù của dân tộc họ. Bởi vậy, người Nhật coi việc uống trà không phải chỉ để tiêu khiển đàm tiếu những chuyện phù phiếm vu vơ ở thế gian, mà uống trà với một nghi thức trang trọng nhằm thanh tịnh hóa thân tâm để hòa mình cùng cảnh vật với thiên nhiên, và nâng

cao đời sống tâm linh cho phù hợp với lễ đạo. Do đó, cách uống trà của họ rất là thiên vị.

Nói đến đây, thầy Huệ Văn liền hỏi:

- Bạch Sư Phụ, như vậy uống trà cũng là một văn hóa nghệ thuật độc đáo của người Nhật Bản, con muốn biết thêm về quá trình lịch sử trà đạo của họ trải qua những giai đoạn như thế nào? Cúi xin Sư Phụ từ bi giảng giải cho chúng con được rõ.

- Theo thầy được biết, thì có ba giai đoạn:

Giai đoạn một, sách sử ghi lại: “Vào thế kỷ thứ 8 – 14 trà bắt đầu sử dụng phổ biến trong tầng lớp quý tộc. Lúc đó có các cuộc thi đấu đoán tên trà. Văn hóa uống trà giai đoạn đó được coi như là những trò chơi xa xỉ và tầng lớp quý tộc rất thích dụng cụ uống trà Trung Quốc”.

Trong giai đoạn này, việc uống trà đối với họ thật là xô bồ và không có một nghệ thuật giá trị gì. Bây giờ có một Nhà Sư tên của ông ta là Murala Juko đã khám phá ra một vẻ đẹp kỳ lạ của việc uống trà, tuy thật giản dị, nhưng rất bổ ích lợi lạc cho đời sống tinh thần và từ đó ông bắt đầu khởi xướng và phát huy trà đạo. Có thể nói, trà đạo bắt đầu có mặt với người dân Nhật từ đó. Như vậy, các con thấy trà đạo bắt nguồn từ trong cửa thiền mà ra.

Chú Huệ Minh hỏi tiếp:

- Bạch Sư Phụ còn giai đoạn hai thế nào?

- Giai đoạn hai, sách sử ghi rằng: “Sau thời Jyoo, đến thế kỷ 16 là thời của Senno Rikiu. Ông này là người tạo nên một nghệ thuật văn hóa trà đạo trong giới võ sĩ. Chính ông là thầy dạy trà đạo cho Oda Nobunaga (người đứng đầu võ sĩ) của thời Azuchi. Sau khi Oda Nobunaga qua đời, Toyotoni Hideyoshi lên thì Senno Rikyu tiếp tục dạy cho ông này. Sự hoạt động của Senno Rikyu gây ảnh hưởng lớn mạnh khá sâu rộng trong tầng lớp võ sĩ, đồng thời cũng tác động ảnh hưởng mạnh đến chính trị thời đó”.

Nhà Sư nói đến đây, thì chú Huệ Minh đứng lên nhẹ nhàng hai tay cầm bình trà và rót vào tách cho Thầy. Theo thói quen, chú rót từ từ chậm rãi và rất trịnh trọng. Xong, chú thỉnh Nhà Sư dùng trà.

Nhà sư vừa dùng trà vừa nói tiếp:

Các con biết, giai đoạn ba, là giai đoạn mà người ta thường gọi là trà đạo trong thời hội nhập. Sự tham gia trà đạo đã được mở rộng không còn giới hạn như trước. Đây là giai đoạn mà trà đạo đã biến đổi, nghĩa là trong mỗi phòng trà đều có thiết bị một số bàn ghế gỗ cho khách ngồi. Cách ngồi này là dành

cho những trà khách phương Tây không quen theo lối ngồi truyền thống của người Nhật.

Đến đây, thầy Huệ Văn lại hỏi tiếp:

- Bạch Sư Phụ, con có nghe nói đến trà thất và những dụng cụ được sử dụng trong trà thất, nhưng con chưa có rõ những việc đó như thế nào, nay cúi xin Sư Phụ từ bi chỉ dạy cho chúng con được rõ.

- Trà thất là một căn phòng thông thường có kích thước nhỏ nhất là khoảng 3 mét vuông. Trong phòng người ta thường trải những tấm tatami hay chiếu tre được sắp xếp thành hình vuông trông rất đẹp mắt. Về các dụng cụ được trang trí trong trà thất gồm có các thứ: Tranh, thơ, câu liễn, câu đối v.v... Các bức tranh được trưng bày về những nét đẹp phong cảnh thiên nhiên và những câu thơ, câu liễn, câu đối hay thư pháp, nội dung đều nói lên ý nghĩa siêu thoát. Những thứ này người ta treo hoặc dán trên tường làm tăng thêm vẻ đẹp thanh nhã trong trà thất. Ngoài ra, người ta còn chưng bày một vài đóa hoa được cắm trong bình, lọ, hay đĩa nhỏ, được đặt một nơi trang nhã thích hợp. Nó có tác dụng làm cho căn phòng thêm sinh động và tạo cho người ta có một cảm giác thoải mái gần gũi với thiên nhiên hơn. Người ta còn để một lư trầm ở một góc nào đó để cho mùi trầm hương thoang thoảng phảng phất nhẹ nhàng khiến cho mọi người thư

giãn tinh thần, thoải mái dễ chịu. Điều quan trọng là người ta bày trí các đạo cụ trên một cách rất gọn gàng tránh sao đừng để chiếm diện tích phòng trà nhiều, tạo sự cân bằng hòa hợp theo phong thủy.

Nói đến đây, Nhà Sư đưa mắt nhìn qua khung cửa sổ thấy có một vài tia nắng xuyên qua in trên nền gạch một vài ánh nắng lốm đốm của buổi ban mai. Nhà Sư nhìn vào đôi mắt trong sáng của thầy Huệ Văn như thâm ý nhắc nhở người học trò mình có muốn thưa hỏi điều gì nữa không. Như ngầm hiểu được ý Nhà Sư, thầy Huệ Văn liền đứng lên chấp tay kính cẩn thưa:

- Bạch Sư Phụ, con còn có một thắc mắc muốn được hỏi Sư Phụ, mong Sư Phụ thương xót giải đáp cho chúng con.

- Con có thắc mắc điều gì cứ hỏi.

- Bạch Sư Phụ, nãy giờ con chưa nghe Sư Phụ đề cập đến những đạo cụ dùng trong việc pha chế và thưởng thức trà. Kính mong Sư Phụ giải thích cho chúng con rõ.

- Như thầy đã nói, việc thưởng thức trà đối với người Nhật Bản, họ coi đó không phải là chuyện tiêu khiển thường, theo kiểu trà dư tửu hậu, mà nó rất quan trọng đối với họ. Vì đó là một nghệ thuật

sống rất thú vị bỏ ích cho đời sống tâm linh của họ. Vì thế, nên tất cả những gì liên quan đến việc uống trà, họ đều quan tâm kỹ lưỡng trong việc sử dụng. Chẳng hạn như: nước pha trà, ấm nước, lò nấu nước, hũ đựng nước, chén trà, hũ, lọ đựng trà, khăn fukusa, khăn chakin, khăn kobukusa, muỗng múc trà, cây đánh trà, bình trà, tách trà nhỏ, bánh ngọt v.v... Tất cả những dụng cụ này đều phải được sử dụng đến.

Đó là thầy chỉ nêu ra những thứ mà họ thường dùng. Bây giờ thầy nói rõ thêm từng thứ một cho các con hiểu. Đây là những dụng cụ mà Người ta thường dùng như:

Nước pha trà: người ta thường dùng nước suối, nước giếng, nước mưa, hay nước đã qua khâu tinh lọc.

Ấm nước: dùng đun sôi để pha trà, thường được làm bằng đồng để giữ độ nóng cao.

Lò nấu nước: bếp lò bằng đồng thường dùng than để nấu. Nhưng ngày nay người Nhật đã thay than bằng một bếp điện để bên trong lò đồng.

Chén trà: chén dùng để đựng trà cho khách thưởng thức. Chén được làm bằng men, công phu tỉ mỉ và mỗi chén có những họa tiết độc đáo riêng. Những

nghệ nhân chế tạo chén thường thì họ họa các cảnh thiên nhiên phù hợp với bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

- Mùa xuân, thì họ họa chén có những hoa văn tiêu biểu cho mùa xuân, như hoa anh đào.

- Mùa hạ là mùa nóng bức nên chén trà có độ cao thấp hơn, miệng rộng hơn chén trà mùa xuân để dễ thoát hơi nóng.

- Mùa thu: chén trà có hình dạng giống chén mùa xuân, có hoa văn đặc trưng cho mùa thu như lá phong, lá monizi.

- Mùa đông: là mùa lạnh nên chén có độ dày và cao hơn các chén mùa khác để giữ độ nóng lâu hơn. Màu sắc của men cũng mang gam màu lạnh.

Hũ, lọ đựng trà: bên ngoài cũng được trang trí họa tiết rất đẹp, gần gũi với cuộc sống sinh hoạt, nhưng cũng mang tính thẩm mỹ cao. Trên nắp hũ có nhiều loại hình vẽ khác nhau.

Khăn fukusa và khăn chakin, loại khăn này là để lau hũ, lọ, chén, muỗng, trước khi pha trà, được làm bằng vải mùng màu trắng. Còn khăn Kobukusa đặc biệt là dùng để kê chén trà lên trên tay khi mang trà đến cho khách dùng.

Muỗng múc trà: chiếc muỗng bằng tre, dài đầu uốn cong để múc trà.

Gáo múc nước: chiếc gáo bằng tre, nhỏ, dài để múc nước từ trong ấm nước, hũ đựng nước ra chén trà.

Cây đánh trà: dùng để đánh tan trà với nước sôi. Được làm từ tre, ống tre được chẻ nhỏ một đầu thành nhiều cọng tre có kích thước nhỏ khoảng 1 mm.

Bình trà: để pha trà lá.

Tách trà nhỏ: để thưởng thức loại trà lá.

Bánh ngọt: dùng bánh trước khi uống trà sẽ làm cho khách cảm nhận hương vị đậm đà đặc sắc của trà (Bách Khoa Toàn Thư)

Sau khi nghe qua Nhà Sư kể ra những thứ dụng cụ đó, chú Huệ Minh liền vội đứng lên chấp tay thưa hỏi:

- Bạch Sư Phụ, con có nghe nói là những người Nhật thích uống trà họ thường thành lập từng nhóm nhỏ, thậm chí còn có các trường phái uống trà khác nhau, không biết việc đó có đúng không?

- Đúng vậy. Ở Nhật, những người thích uống trà, họ thường kết hợp với nhau thành từng nhóm nhỏ không quá bốn người. Họ chọn địa điểm và ngày giờ để cùng tham gia thưởng thức. Thường họ tổ chức một buổi trà đạo đều có những quy định đặc biệt. Địa điểm có thể là ở ngoài vườn hoặc ở trong trà thất, tùy theo thời tiết và sự chọn lựa của họ cho thích hợp. Nếu là ở ngoài vườn thì khung cảnh của khu vườn đó phải tao nhã và cảnh trí chung quanh phải tươi mát đẹp để đượm vẻ nên thơ và ngoạn mục. Những gia đình khá giả thì họ xây dựng có nhiều phòng riêng biệt. Như phòng trà, phòng đặt than và phòng nghỉ ngơi của khách. Về thời gian, thì họ tổ chức quy tụ ba buổi trong ngày: sáng, trưa và chiều tối. Họ quy định thời khắc rất rõ ràng. Khách được mời đến tham gia một buổi trà đạo là phải đến đúng giờ. Chủ nhân là người phải sành điệu và nghệ thuật cao trong việc pha trà.

Về các trường phái trà đạo, theo chỗ thầy biết, thì gồm có ba trường phái lớn ở Nhật là: Risenka, Hyosenka và Bushakoro Senka. Mỗi trường phái đều theo chế độ gia truyền, tức là con thường kế nghiệp cha làm người chủ trì trà đạo của gia đình đó.

Thầy còn nhớ ngày xưa, Sư Ông của các con cũng thường hay tổ chức những buổi thiền trà, hay trà đàm. Lúc đó, tuy thầy còn nhỏ tuổi, nhưng được Sư

Ông thương nên cho thầy theo bên cạnh để hầu Sư Ông và được Sư Ông chỉ dạy cho thầy nhiều điều học hỏi thú vị. Học về cách pha trà và những thứ khác. Mỗi một buổi thiền trà như vậy, thời gian kéo dài cũng khoảng vài tiếng đồng hồ. Những vị được mời tham gia trong một buổi thiền trà hay trà đàm, thường là các bậc Tôn Đức trọng tuổi. Ngày xưa, một buổi thiền trà ít có các vị cư sĩ tham dự. Các vị thị giả hầu trà đa số là các chú Sa di trẻ tuổi. Như thầy năm đó tuổi còn nhỏ hơn chú Huệ Minh bây giờ. Khi hầu trà mình chỉ đứng quạt hầu các ngài và nghe các ngài đàm đạo.

Sư Ông thường dạy, uống trà là một nghệ thuật trong cách sống để trường dưỡng đời sống nội tâm. Khi uống trà mọi động tác của trà nhân phải nhẹ nhàng không nên thô tháo. Mọi cử động, nói năng, suy nghĩ đều phải có mặt trời chánh niệm soi sáng. Có chánh niệm, tất nhiên, đó là một hạnh phúc rất lớn. Chỉ cần ngồi bên nhau nâng nhẹ tách trà lên và để tâm thư thối theo dõi từng hơi thở chánh niệm, thì khi đó chúng ta sẽ có tràn đầy hạnh phúc. Hạnh phúc, không cần phải chạy tìm kiếm ở đâu xa. Thực sự nó có mặt ngay trong từng hơi thở và hành động của chúng ta.

Lâu nay, chúng ta cứ mãi lo đi tìm kiếm cái hạnh phúc ở bên ngoài. Hạnh phúc bên ngoài làm gì có. Giả sử có được hạnh phúc đi chăng nữa, thì đó

cũng chẳng qua chỉ là những thứ hạnh phúc giả trá tạm bợ nhứt thời. Nó chỉ khóa lấp tạm thời những lỗ trống khát vọng trong tâm thức của chúng ta mà thôi. Như các con xem truyền hình, nghe một bản nhạc hay, ăn thức ăn ngon cao lương mỹ vị, hay ngửi một bông hoa thơm ngát v.v... tất cả những thứ đó có rồi mất, qua rồi không. Không đợi đến qua rồi mới mất, mà ngay tự thể của nó cũng đã không thật rồi. Các con thử thấp đuốc đi tìm khắp nơi trên thế gian này, xem có nơi nào mà các con cảm thấy hài lòng hạnh phúc hết không?

Nếu nói trong đạo, thì chùa to Phật lớn, danh lợi địa vị, đất đai vườn tược, bồn đạo đông đảo, đệ tử đông nhiều, ăn no, mặc ấm v.v... thử hỏi những thứ ấy có thực sự hạnh phúc hay không? Hay chỉ là càng gây thêm rối rắm phiền phức? Nếu thực sự là hạnh phúc thì, Phật Tổ đâu có thật hành hạnh đầu đà phải chịu nhiều kham khổ? Và cũng không có chủ trương người xuất gia phải “Tam thường bất túc”. Như Đức Phật xưa kia ôm bát đi xin ăn, ngày ăn một bữa, đêm ngủ dưới gốc cây, lấy đất làm chiếu, lấy sương làm mền. Tổ Ca Diếp suốt đời chỉ mặc một cái y phân tảo để che thân. Tổ Hiếp Tôn Giả sau khi xuất gia, dù tuổi đã cao, nhưng Ngài vẫn theo hâu Tổ Phục Đà Tôn Giả (vị Tổ thứ chín ở Ấn Độ). Ngài hâu hạ bên Tổ, ngày thời xem ba tạng kinh, đêm lại ngồi thiền, chưa từng ngủ nghỉ, lưng không dính chiếu. Do đó, người đời đặt cho

Ngài cái tên là Hiếp Tôn Giả. Còn Tổ Cao Phong Diệu Thiên Sư đời nhà Nguyên, tu khổ hạnh nguyện ba năm không nương giường chõng. Các con thấy, việc ăn, mặc ở đối với các Ngài rất đơn giản và không bao giờ dính mắc đắm nhiễm. Chính đó mới thực sự có hạnh phúc và các Ngài mới thành Phật tác Tổ. Còn bây giờ mình hưởng thụ sung sướng nhiều quá, tâm ý buông lung theo ngũ dục, lục trần, thì thử hỏi làm sao thành tựu được đạo quả?! Cho nên các con muốn tiến đạo nghiêm thân, thì phải nhớ lời Phật Tổ dạy: “Tam Thường Bất Túc”. Nghĩa là ba thứ ăn, mặc và ngủ nghỉ phải vừa đủ không nên thụ hưởng quá nhiều.

Còn ở ngoài đời thì các con thấy, nhà cao cửa rộng, tiền kho bạc đụn, giàu có sang trọng, quyền uy tột bậc, thế lực hơn người, vợ đẹp con ngoan, xe hơi đắt tiền quý giá v.v... tất cả những thứ đó có đem lại cho người ta thực sự hạnh phúc không? Nếu như những thứ đó thực sự là hạnh phúc, thì thái tử Sĩ Đạt Ta xưa kia không bỏ hoàng cung đi xuất gia. Và ông cư sĩ Bàn Long Uẩn đời Đường cũng không có đại dột gì mà đem vàng ròng đổ xuống sông hết. Ông vua thời nhà Trần là Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tôn cũng không từ bỏ ngôi vua đi xuất gia. Nếu như vật chất tiền bạc của cải, địa vị quyền uy v.v... đem lại hạnh phúc thực sự cho con người thì đâu có ai than khổ?! Có nhiều người tử phú, nhưng họ cũng vẫn cảm thấy cô đơn đau

khổ cùng cực. Chắc chắn là họ sẽ không có được cái hạnh phúc như ba thầy trò của chúng mình đâu. Thầy hỏi các con trong đời này có ai được hạnh phúc cao tột như chư Phật chư Tổ không?

Chú Huệ Minh nhanh miệng liền đáp:

- Dạ thưa không.

- Như vậy thì các con nên đi tìm hạnh phúc ở đâu?

Thầy Huệ Văn không ngần ngại trả lời:

- Dạ, bạch Sư Phụ tìm hạnh phúc lại ở nơi chính mình.

Chú Huệ Minh liền nói xen vào: Dạ, bạch Sư Phụ hạnh phúc ở nơi tách trà mà mình đang uống.

Nhà Sư hỏi:

- Tại sao con nói ở nơi tách trà mình đang uống?

- Vì uống trà trong chánh niệm với sự có mặt thân tâm của mình ngay trong giây phút hiện tại. Mình không suy nghĩ đến chuyện quá khứ hay tương lai, mình chỉ sống ngay trong giây phút hiện tại thôi, như vậy không phải là hạnh phúc tuyệt vời lắm sao? Chỉ có sống được như vậy mới thực sự là siêu

nghệ thuật và không còn lời gì để diễn tả là hạnh phúc hay không hạnh phúc nữa cả.

Nghe sư đệ của mình nói thế, thầy Huệ Văn thật không ngờ chú Huệ Minh lại thông minh và tiến bộ nhanh chóng trong sự tu tập như thế. Thầy nghĩ, mình không nên đánh giá con người qua tuổi tác. Và cũng không thể đánh giá con người qua sự học hỏi. Có những cái hiểu biết không phát sanh từ sách vở mà nó phát sanh từ năng lực của thiên định. Thầy nhìn vào đôi mắt trong sáng và ẩn chứa đầy sự hiền lành của chú Huệ Minh mà thầy thâm thán phục.

Còn Nhà Sư tuy trong tâm rất ưng ý hài lòng qua câu trả lời đầy thông minh của người học trò mình, nhưng ngài cũng không để lộ ra sự vui mừng hay khen ngợi. Quả đó là một sự tế nhị của Nhà Sư. Vì Nhà Sư không muốn cho người đệ tử của mình sanh tâm cống cao ngã mạn. Bởi một lời khen cũng có thể gây ra tác hại cho người đệ tử. Trong nhà thiền các vị Thiền Sư không bao giờ khen ngợi ca tụng một đồ đệ trước mặt những người khác. Điều đó, tôi kỵ trong nhà thiền.

Trong khi ba thầy trò đàm luận về việc uống trà, thì bà Bảy cũng đã chuẩn bị xong thức ăn cho giờ tiểu thực sáng. Trước khi giải tán, Nhà Sư bảo hai vị đệ tử của mình hát lại bài thơ nhạc với danh đề là

“Chén Trà”. Bài thơ nhạc này thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh thường hướng dẫn cho quý Phật tử cùng nhau hát ca cho vui khi có dịp tổ chức những buổi thiền trà.

Vâng lời Sư Phụ dạy, hai huynh đệ liền lấy giọng cất tiếng hát:

*Chén trà trong hai tay
Chánh niệm vui tràn đây
Mọi việc đều buông bỏ
Hiện tại và ở đây*

*Chén trà trong hai tay
Hợp mặt vui sum vầy
Chén trà luôn nhớ mãi
Tình đạo chẳng đổi thay*

*Chén trà trong hai tay
Hạnh phúc vui từng ngày
Niệm Phật đừng xao lãng
Sen nở ở ngay đây*

*Chén trà trong hai tay
Công phu quyết chẳng nài
Việc qua rồi chẳng nhớ
Chẳng nghĩ đến tương lai*

Chén trà trong hai tay

*Tu học chí miệt mài
Đời người như bóng chớp
Niệm Phật thoát trần ai.*

Hát vừa xong, bỗng nghe ba tiếng keng từ trai đường vọng lên. Đó là ba tiếng keng do bà Bảy đánh báo hiệu cho mọi người biết là đã tới giờ dùng sáng. Thế là ba thầy trò cùng nhau lặng lẽ cất bước đến trai đường thọ thực...



TÌNH HUYNH ĐỆ

Hôm nay, không khí trong chùa có vẻ nhộn nhịp hơn mọi khi. Chú Huệ Minh thì lăng xăng lo lau chùi các tượng Phật và quét tước trên Chánh điện. Thầy Huệ Văn thì chưng hoa quả trên các bàn thờ Phật. Ở nhà bếp, ngoài bà Bảy ra, còn có một vài bà Phật tử đang lui cui cặm cụi lo xắt gọt, nấu nướng. Nhà Sư trụ trì thì ngồi viết ở bàn giấy, như đang biên soạn một văn kiện gì quan trọng. Dù thấy trong chùa có hơi khác lạ hơn những ngày thường, nhưng không ai có thể đoán biết chuyện gì sẽ xảy ra. Mỗi người chỉ suy nghĩ phỏng đoán theo mỗi cách. Kẻ thì cho rằng, nhà chùa đang chuẩn bị làm đám, nhưng không rõ là đám gì. Người thì nói, chắc là làm lễ Quy y. Có người lại nói, thôi hơi đầu mà đoán mò, cứ theo dõi thì biết chớ gì. Thế là mọi người để ý theo dõi...

Sắp sửa đến giờ Ngọ trai, người ta thấy có hai người đàn ông đang quỳ trên Chánh điện. Một người tuổi trạc ngoài năm mươi, còn người kia thì còn rất trẻ khoảng chừng mười ba hay mười bốn tuổi. Hai người quỳ ngược mặt nhìn lên tượng Phật trông có vẻ thành kính tha thiết lắm. Như đang hướng lòng dốc hết tâm thành cầu nguyện. Nhất là người đàn ông trọng tuổi, trông gương mặt lộ vẻ hơi buồn. Còn chú bé kia thì lại hết nhìn lên tượng Phật rồi lại đưa mắt nhìn chung quanh, trông gương

mặt của chú còn ngây thơ trong trắng và rất dễ thương.

Một lát sau, có một nhà sư trẻ đến bên hai người kẻ tai nói nhỏ như căn dặn điều gì quan trọng. Chú bé thơ ngây xoay người về phía sau lưng như muốn đi ra ngoài. Nhưng khi thấy nhà sư trẻ tới, thì chú liền xoay người lại và quỳ nghiêm chỉnh hơn. Sau đó, hai người vội đứng lên và theo sau nhà sư trẻ đó đi xuống hậu Tổ. Nhìn kỹ nhà sư trẻ đó người ta mới biết là thầy Huệ Văn. Còn chú Huệ Minh thì đang loay hoay ở hậu Tổ. Chú lo chuẩn bị nhang đèn và khay lễ. Xong rồi, chú thắp sẵn ba cây nhang và đứng hầu bên chuông. Thầy Huệ Văn bảo hai vị thiện nam đứng vào vị trí. Cả hai đều đứng chấp tay kính cẩn nghiêm trang xoay mặt về bàn Tổ. Họ dành một khoảng trống ở phía trước vừa đủ cho Nhà Sư lạy.

Trong khi đó, Nhà Sư trụ trì trong bộ y hậu nghiêm trang chỉnh tề từ trong phòng bước ra. Dáng đi của ngài thật chậm rãi khoan thai, như biểu hiện tràn đầy sức sống an lạc. Đó là thói quen đi thiền của nhà sư. Ngài đi trong tĩnh lặng và chánh niệm. Mỗi bước đi của ngài thật vững chãi và thanh thoi, dù chỉ đi có vài bước là tới bàn Tổ. Khi Nhà Sư đến nơi, mọi người đều cúi đầu xá chào một cách thành kính nghiêm trang. Chú thị giả Huệ Minh thì trịnh trọng dâng ba cây hương cho Thầy. Nhà Sư bảo hai

người thiện nam quỳ xuống. Chú Huệ Minh liền thỉnh ba tiếng chuông, báo hiệu cho mọi người phải nhiếp tâm thành ý. Đó là ba tiếng chuông thức nhắc mọi người hãy lập tức trở về với hơi thở chánh niệm. Vì đây là giờ niệm hương bạch Tổ rất quan trọng. Nhà Sư quỳ xuống niệm hương. Xong rồi, thầy Huệ Văn khởi xướng đánh lễ chư Tổ. Nhà sư lạy ba lạy. Lạy xong, nhà sư đứng qua một bên và bảo hai người kia đứng lên lạy ba lạy.

Trong khi hai người lạy thì thầy Huệ Văn lên trên chánh điện cử ba hồi chuông trống bát nhã để cung thỉnh Nhà Sư lên Chánh điện hành lễ. Sau khi thỉnh ba tiếng chuông, chú Huệ Minh bung khay lễ đi trước và Nhà Sư đi kế rồi đến người đàn ông và chú bé đi sau cùng. Họ đi trong tư thế rất nghiêm trang và trịnh trọng.

Khi tới Chánh điện, thầy Huệ Văn làm duy na đứng thủ bên chuông, còn chú Huệ Minh thì làm duyệt chúng đứng thủ bên mõ. Có một cái ghế dựa để sẵn gần bên cái chuông gia trì. Thầy Huệ Văn thỉnh Nhà Sư ngồi vào. Nhà Sư từ từ nhẹ nhàng ngồi xuống. Và chú Huệ Minh bảo hai vị cư sĩ kia quỳ xuống. Vâng lời, cả hai đều quỳ trước điện Phật và như đang chờ đợi lắng nghe Nhà Sư dạy bảo.

Bảy giờ, Nhà Sư mới ân cần nhắc nhở đôi điều. Nhà Sư nói, hôm nay là ngày lành tháng tốt, thầy sẽ

làm lễ thể phát xuất gia cho chú bé này. Chú bé tuy còn nhỏ tuổi, nhưng sớm đã có nhân duyên với Phật pháp, nên hôm nay mới được duyên lành xuất gia theo Phật. Tuy nhiên, trước khi thầy làm lễ thể phát cho con, thì con hãy chấp tay xoay về người đàn ông này lạy ba lạy. Ba lạy này là để đền đáp cái công ơn sanh thành giáo dưỡng của cha con, người đã bỏ nhiều công sức khổ cực nuôi con. Người đã bồng bế nuôi con từ khi con mới chào đời cho đến ngày nay. Cái công ơn lớn lao đó ví như trời cao bể rộng, không sao nói cho hết được.

Nói xong, chú bé úa nước mắt lạy người cha ba lạy. Khi đó, người cha nhìn thấy con mình lạy mà lòng của ông cũng thật chua xót xúc động nghẹn ngào. Ông không ngăn được giọt lệ, hai hàng nước mắt chảy dài trên đôi má. Bất giác, ông đến ôm chầm lấy đứa con trai mình vào lòng và rồi bật khóc nức nở. Sau những giây phút xúc động đó, ông gạt nước mắt lấy lại bình tĩnh và nhỏ nhẹ ôn tồn xin lỗi Nhà Sư. Đồng thời, ông xin Nhà Sư cho phép ông được có đôi lời khuyên nhủ an ủi dạy bảo đứa con. Thừa xong, ông lạy Nhà Sư ba lạy như để tỏ lòng kính trọng biết ân. Lạy xong, ông đưa mắt nhìn Nhà Sư rồi lại nhìn thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh như khẩn khoản van xin điều gì.

Xong rồi, ông ôn tồn dạy bảo đứa con. Ông nói trong lời nói nghẹn ngào chứa đựng đầy thâm tình

phụ tử. Nay con, kể từ hôm nay trở đi con sẽ là con của nhà Phật rồi, con không còn cận kề bên Ba nữa. Ba cũng không có cận kề bên con để hôm sớm chăm sóc cho con như ngày nào. Mọi việc con phải nghe lời Sư Phụ và các thầy dạy bảo. Con phải ngoan hiền lễ độ. Con không được bướng bỉnh tự do đi rong chơi như mấy đứa trẻ ngoài đời. Con phải khép mình theo quy luật của thiền môn. Con ráng cố gắng siêng năng cần mẫn học hành. Ba sanh con ra bằng hình hài thể xác, nhưng làm nên thân con được vẻ vang thành tựu đạo nghiệp sau này là do công ơn dạy dỗ của thầy, của bạn. Sư Phụ và quý thầy sẽ dạy dỗ chỉ bảo cho con nên người. Ba có mấy lời khuyên bảo con, vậy con hãy cố gắng ghi nhớ mà làm theo. Vì thời giờ không có nhiều, Ba chỉ nói vắn tắt bấy nhiêu đó thôi. Nói xong, ông xoay qua Nhà Sư lạy ba lạy sau cùng, như để tạ lễ bày tỏ thâm ân và hết lòng gởi gắm đứa con của mình, mong mỗi Nhà Sư chỉ dạy. Nhà Sư hiểu ý, nên có vài lời khuyên giải an ủi ông...

Phần chú bé, sau khi nghe những lời của người cha khuyên bảo, chú chỉ biết lặng thính mặc cho hai hàng nước mắt tuôn rơi. Chú chỉ biết nói một lời ngắn gọn. Dạ! con nghe lời Ba dạy. Con hứa với Ba con sẽ nghe lời Sư Phụ và quý thầy. Ba yên tâm đừng có lo lắng cho con nhiều. Nói đến đây, chú bật khóc thành tiếng. Người cha ôm lấy và chỉ biết xoa đầu an ủi đứa con ngây thơ...

Sau đó, là một buổi lễ xuất gia diễn ra. Nhà Sư niệm hương và cầu nguyện. Tụng niệm xong, Nhà Sư liền đặt pháp danh cho chú bé là Huệ Tân. Nhà sư nói, kể từ hôm nay trở đi, con phải ghi nhớ pháp danh của con là Huệ Tân. Huệ là trí tuệ sáng suốt; còn Tân là mới mẻ. Cuộc đời của con kể từ hôm nay trở đi sẽ bắt đầu thay đổi. Đổi mới thân tâm con. Con nên nhớ, người xuất gia là phải thân tâm khác tục. Con hãy làm mới cho cuộc đời mình luôn thẳng tiến theo chiều hướng đạo đức, nghĩa là con phải cố gắng siêng năng tu học theo hạnh nguyện của người xuất gia. Con hãy ghi nhớ pháp danh của con mà thật hành cho đúng. Có thể, thì mới xứng đáng mình là người xuất gia ở chùa. Nói xong, Nhà Sư bảo thầy Huệ Văn ra phía sau cạo tóc cho chú Huệ Tân. Và Nhà Sư còn căn dặn là phải cạo chừa chóp. Cạo xong, chú bé cởi bộ đồ trần tục rồi mặc vào mình bộ đồ vạt khách. Bộ đồ màu đà, đó là màu hoại sắc của người tu. Chú mặc vào trông chú rất là dễ thương.

Điều làm cho người ta xúc động là khi chú giao bộ đồ đời kỷ niệm của chú cho người cha mang về. Người cha nhận lấy bộ đồ trong sự buồn vui lẫn lộn. Buồn là vì thương nhớ không được cận kề bên con. Rồi mai đây không biết con mình có chịu nổi cái nếp sống trong cảnh thiền môn hay không? Vì nếp sống trong chùa hoàn toàn khác hẳn nếp sống ngoài đời. Nhưng ông rất tin tưởng vào đứa con

của mình. Bởi chú ngoan hiền và dễ dạy. Tuy còn nhỏ mà tánh tình rất chịu khó. Vui là khi nhìn thấy con mình đã đi vào con đường đạo đức. Bên cạnh còn có thầy hiền bạn tốt sẵn sàng lo lắng giúp đỡ. Nghĩ đến đó, ông mỉm cười, vì thấy được hiện tại và tương lai xán lạn của con mình. Một người sẽ được huấn luyện tài bồi đạo đức và sẽ trở nên người hữu ích cho đạo pháp và xã hội sau này.

Sau buổi lễ, chú bé thấy mình khác hẳn. Khác ở nơi bộ đồ và đầu tóc. Chú cảm thấy hơi buồn và lo. Buồn là vì từ nay không còn đi rong chơi với chúng bạn được nữa. Còn đâu những buổi chiều tà tan học về nhà, cùng một vài đứa bạn đi bắt dế, bắt cào cào, châu chấu, thả đáo, bắn bi... Một thoáng nghĩ, bỗng nghe âm thanh của tiếng chuông thỉnh lên, chú giật mình. Đó là ba tiếng chuông báo hiệu đã kết thúc buổi lễ. Buổi lễ kết thúc vừa đúng giờ Ngọ trai. Cả bốn thầy trò cùng nhau đến trai đường thọ trai. Bà Bảy mời người cha của chú bé cùng với một vài bà Phật tử ở lại dùng cơm. Cơm xong, ông đến chào từ giã Nhà Sư ra về.

Thế là, kể từ hôm ấy chú bé ngây thơ trong trắng kia, phút chốc đã trở thành một chú tiểu quét lá đa ở chùa. Nhà Sư bảo thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh luôn quan tâm hướng dẫn chỉ dạy cho chú.

Qua một tuần lễ khép mình sống trong quy luật của thiền môn, chú cảm thấy rất buồn. Vì cái gì cũng phải theo quy củ giờ giấc hết. Trước kia, ở nhà ăn ngủ thế nào cũng được, nay thì phải thức khuya dậy sớm. Ăn thì phải theo nghi thức giữ đúng oai nghi giờ giấc. Thầy Huệ Văn bắt chú phải học thuộc lòng nghi thức cúng quá đường và hai thời khóa tụng. Chú học kinh Di Đà và năm đệ thân chú Lăng Nghiêm. Ngoài ra, còn phải học giới luật và oai nghi. Đi đứng phải nghiêm trang, không được nô đùa chạy giỡn. Chú Huệ Minh thì chỉ cho chú về cách thức lễ nghi hầu Thầy. Đối với mọi người dù lớn hay nhỏ đều phải tỏ ra kính trọng lễ độ. Không được nói những lời thô tục, mà phải nói những lời nhỏ nhẹ hòa ái khiêm cung. Nói chung, là phải gìn giữ đúng theo luật nghi của một người xuất gia.

Có những lúc, chú cảm thấy nhớ nhà, nhớ bạn tha thiết. Nhất là nhớ đến người cha của chú. Chú Huệ Minh như hiểu được tâm trạng của chú, nên thường lân la trò chuyện an ủi chú. Chú Huệ Tân nhỏ hơn chú Huệ Minh bốn tuổi. Chú Huệ Minh năm nay vừa tròn mười tám tuổi. Còn chú Huệ Tân thì được mười bốn tuổi. Tuổi tác của hai người cách nhau không xa lắm. Vì vậy mà chú Huệ Minh coi chú Huệ Tân như đứa em trai của mình. Hai người rất cởi mở thân thích với nhau. Cái gì Huệ Tân cũng thường hay tâm sự hỏi chú Huệ Minh. Bởi chú Huệ Minh rất vui tánh. Ngược lại, Huệ Tân thì rất sợ

thầy Huệ Văn. Vì thầy Huệ Văn rất nghiêm khắc. Mỗi khi thầy Huệ Văn kêu chú trả bài, thì chú rất sợ.

Có lần, thầy Huệ Văn kêu chú trả bài phẩm đầu của thần chú Lăng Nghiêm. Chú run sợ quynh lên liền tụng: "Nam mô tát đất tha tô rô bà già bà đá bò đá bà già bà già bắt đế án tế bà già... bà già ..." Chú đang ấp úng ngập ngừng, thầy Huệ Văn vừa mắc tức cười vừa tỏ ra nghiêm khắc bảo chú ngưng ngay. Trong khi đó, Huệ Minh đứng rình lén nghe, chú cũng không thể nín cười được. Chú ôm bụng cười lẩn ra, nhưng không dám cười lớn tiếng, vì sợ sư huynh Huệ Văn la rầy. Còn thầy Huệ Văn thì nghiêm sắc mặt lại nói: Đệ tụng cái gì mà có bà già bà đá, bà đá bà già rồi lại có bà già bắt đế trong đó nữa. Có phải đệ nhớ lại hồi còn ở nhà đi rong chơi bắt đế cho đá phải không? Thói quen bắt đế của đệ nó đã ăn sâu trong tiềm thức của đệ rồi. Bởi vậy, nên đệ mới nhớ lộn xộn hết. Tu là mình phải tập dẹp bỏ dần những cái thói quen xấu đó. Đệ có biết không? Từ nay về sau, đệ phải cố gắng học và phải nhớ từng chữ cho thật kỹ lưỡng, không được tụng bắt quàng lộn xộn nữa nghe chưa. Đệ mà trả bài như thế này, trước mặt Sư Phụ thì chắc chắn là đệ phải bị ăn đòn và quỳ hương.

- Dạ! đệ biết. Mong sư huynh tha lỗi, lần sau đệ không dám như thế này nữa.

Dứt lời, chú Huệ Minh liền nói xen vào, có lẽ tại sư huynh kêu Huệ Tân trả bài bất thần, nên chú mới nhớ lộn xộn như thế. Thật đê không thể nín cười được. Đê cũng xin lỗi sư huynh.

- Thôi! lỗi phải gì. Bây giờ, Huệ Tân vô trong chùa coi Sư Phụ có sai bảo làm việc gì không. Còn Huệ Minh, chú đi ra ngoài vườn cắt vài trái khế qua và nhổ vài cây cải bẹ xanh đem vô cho bà Bảy nấu canh.

- Dạ! đê xin tuân lệnh.

Có một hôm, vào giờ học, nhà sư hỏi chú Huệ Tân đã thuộc lòng bài nghi thức cúng dường ở quá đường chưa? Chú liền thưa:

- Dạ! bạch Sư Phụ đã thuộc.

- Vậy con hãy tụng cho thầy nghe thử.

- Chú tụng một hơi không dấp một chữ.

Chú Huệ Tân, sau lần trả bài tụng sai chú Lăng Nghiêm, đã bị thầy Huệ Văn la rầy và khuyên bảo, từ đó, chú rất chăm chỉ học hành. Cho nên hôm nay, khi Nhà Sư bảo chú trả bài nghi thức cúng dường, chú đều trả thuộc lòng vanh vách rất rành mạch. Hỏi tới bài nào, chú đều thuộc lòng bài đó.

Phải nói, chú là một đứa bé cũng rất thông minh. Không bao lâu, chú đều thuộc lòng hai thời khóa tụng. Ngoài việc chăm chỉ học hành ra, chú cũng được sư huynh Huệ Minh hướng dẫn chú làm những công việc lặt vặt trong chùa. Những gì chú Huệ Minh làm trước đây, nay Huệ Minh chỉ lại cho chú. Chẳng hạn như những buổi thọ trai quá đường, chú lãnh phần cúng "xuất sanh". Và buổi chiều thì cúng thí thực cô hồn.

Có lần chú Huệ Tân thắc mắc hỏi thầy Huệ Văn về ý nghĩa của bài kệ khi cúng "xuất sanh".

Chú hỏi: Thưa sư huynh, sư huynh có thể giải thích cho đệ biết qua ý nghĩa của bài kệ cúng xuất sanh được không?

- Được. Nhưng trước khi giải thích, sư huynh muốn đệ hãy đọc lại bài kệ đó cho sư huynh nghe.

- Dạ! Chú liền cất giọng tụng thuộc lòng lớn tiếng và có ca, có kệ:

Đại bàng kim sí điều
Khoáng dã quý thân chúng
La sát quý tử mẫu
Cam lồ tất sung mãn.
Án mục đế tóa ha (3 lần)

Bài kệ đó nguyên văn chữ Hán Việt là như thế. Nếu dịch nghĩa ra tiếng Việt, thì tạm dịch như thế này:

Chim đại bàng cánh vàng
Chúng quỷ thân hoang dã
Mẹ con quỷ La Sát
Cam lồ đều no đủ
Án mục để tóa ha (3 lần)

Đó là mình tạm dịch nghĩa của bài kệ đó thôi. Bây giờ, sư huynh sẽ giải thích về ý nghĩa từng câu của bài kệ đó. Đệ phải chăm chú lắng lòng nghe theo dõi. Lần sau, sư huynh hỏi lại phải nói cho thông suốt đó nhé.

- Dạ! đệ hết lòng theo dõi lắng nghe.

- Tốt lắm.

Đại bàng kim sí điều: nghĩa là con chim đại bàng có cánh vàng. Kim là vàng, sí là cánh, điều là chim. Con chim này, tiếng Phạn gọi là Ganruda, phiên âm là Ca lâu la, còn gọi là điều sí điều, một loại chim thần to lớn, hung dữ có lông màu vàng. Loại chim này chúng hay đi kiếm loài rồng để ăn thịt. Đó là nghiệp báo của chúng. Có lần, chim sí điều đuổi bắt rồng, rồng hoảng sợ ẩn trốn dưới tòa sen của đức Phật và nó xin Phật từ bi cứu mạng. Đức Phật dùng oai thần che chở rồng và đồng thời, Phật

giảng một bài pháp cho kim sí điều nghe, hầu để hóa giải oan gia nghiệp chướng truyền kiếp lâu đời của hai loài này. Đệ thấy hiện nay, thế giới loài người của chúng ta, cũng có những chủng tộc, họ nuôi hận thù truyền kiếp có dịp sát phạt bắn giết lẫn nhau, không biết đến bao giờ họ mới thực sự hóa giải chấm dứt hận thù. Ở đây, hai loài này may mắn là gặp được đức Phật, nên Phật mới hóa giải hận thù cho chúng. Sau khi nghe Phật giảng dạy, thì kim sí điều phát tâm quy y Tam bảo, trở thành một trong tám bộ chúng ủng hộ Phật pháp. Theo truyền thuyết, lúc đức Phật thuyết kinh Diệu Pháp Liên Hoa ở núi Linh Thứu, thì có rất nhiều loài chim này đến dự nghe.

Khoáng dã quỷ thần chúng: Quỷ thần, tiếng Phạn gọi là Tavika, phiên âm A thác bạt câu, Hán dịch là "lâm nhân". Loại quỷ thần này chúng thường cư trú ở những nơi đồng không mông quạnh, rừng rú hoang vắng, ưa ăn thịt uống máu chúng sanh. Về sau được đức Phật cảm hóa chúng, nên chúng từ bỏ nghiệp ác và sống nhờ vào sự cúng thí thực phẩm cho chúng hưởng dụng. Cho nên Phật dạy, người xuất gia mỗi khi thọ trai phải nhớ cúng thí cho chúng. Nếu không, thì chúng phải chịu đói khát khổ sở.

La sát quỷ tử mẫu: La sát tiếng Phạn gọi là Raksha, Hán dịch là khả quý, tức tạt quỷ, hộ giả.

Theo thần thoại Ấn Độ, La sát là loài ác quỷ. Nam La sát có hình thù đen thui xấu xí, tóc đỏ mắt xanh. Nữ La sát thì hình tướng xinh đẹp, quyến rũ. Loài này, chúng thích ăn thịt uống máu huyết tanh hôi. Chúng có thần thông thường phi hành trong hư không, đi nhanh trên mặt đất. La sát còn chỉ cho loài quỷ mang đầu trâu, ngựa coi việc trừng phạt ở địa ngục.

Quỷ tử mẫu: tiếng Phạn gọi là Hriti, Há lợi đế, Hán dịch là ái tử mẫu, quỷ mẹ của năm trăm quỷ con, là vợ của ác thần. Loài này, do sân hận nên phát lời thề độc là chuyên đi tìm ăn thịt trẻ sơ sinh trong thành Vương Xá, nên bị đọa thành Dược xoa. Đức Phật vì muốn độ chúng nên dùng thần thông giấu mất đứa con mà chúng yêu quý nhất. Bây giờ, quỷ mẹ thương nhớ con khóc la gào thét cầu khẩn van xin thảm thiết. Chúng khẩn cầu đức Phật cứu giúp cho. Đức Phật dạy, Bà có đến 500 đứa con nay chỉ mất có một đứa, sao Bà lại đau buồn khổ lụy đến như thế? Như vậy, Bà thử nghĩ, những bà mẹ ở trong thành Vương xá này, khi mất con thì họ sẽ đau buồn khổ sở bi lụy đến như thế nào?! Quỷ mẹ nghe Phật dạy, liền tỉnh ngộ cầu xin Phật sám hối và nguyện từ nay trở đi sẽ bảo hộ những phụ nữ sanh sản và các đứa trẻ sơ sinh cho mọi người được an lành.

Cam lồ tát sung mãn: Cam lồ (lộ) tiếng Phạn là Amrta, nghĩa là sương ngọt, chỉ cho thức ăn quý báu của chư thiên. Khi ăn vào thì sẽ được trường sanh bất tử. Hai chữ cam lồ còn tượng trưng cho ý nghĩa từ bi. Dùng chất cam lồ ngọt mát để tưới tắm xoa dịu những nỗi đau khổ cho chúng sanh. **Tát sung mãn**, nghĩa là tràn đầy. Lòng từ bi của chư Phật và Bồ tát lúc nào cũng tràn đầy khắp cả.

Tóm lại, ý nghĩa của bài kệ trên là nói lên tầm lòng từ bi vô lượng vô biên của đức Phật. Ngài đã dùng lòng từ bi (dụ như nước cam lồ) để hóa độ cho các loài hung dữ trở thành hiền hòa. Và những loài hung dữ này, sau khi đã được đức Phật hóa độ, chúng phát nguyện luôn ủng hộ Phật pháp, đồng thời, còn bảo hộ cho những bà mẹ và các trẻ em sơ sanh, như mẹ La sát chẳng hạn. Điều đó, cho chúng ta thấy rằng, chỉ có từ bi mới có thể hóa giải xóa tan mọi tranh chấp hận thù. Bởi hận thù làm sao diệt được hận thù? Nếu lấy oán mà báo oán thì oán kia ắt phải chất chồng. Đệ thấy, ngoài từ bi ra, thì không có một giải pháp nào khác mà có thể hóa giải được hận thù cả. Nhưng từ bi phải có trí huệ đi kèm. Nếu chỉ có từ bi không thôi cũng chưa đủ để hóa giải những hận thù nội tại và ngoại tại.

- Sư huynh nói nội tại và ngoại tại là thế nào?

- Nội tại là trong tâm thức của đệ, của huynh. Bởi hạt giống thù hận ai ai cũng sẵn có. Tùy theo sự huân tu của mỗi người mà nó có cường độ phát khởi nặng nhẹ khác nhau. Cường độ nặng thì nó có thể tàn hại phạm vi rất rộng lớn; còn nhẹ thì nó sát hại trong phạm vi nhỏ hẹp hơn. Ngoại tại là những hận thù gây nên chiến tranh bên ngoài. Họ bắn giết nhau gây nên những thảm cảnh máu đổ đầu rơi ngoài trận địa. Hoặc tranh chấp sát phạt giữa quốc gia này với quốc gia khác. Đó là những mối hận thù tranh chấp dai dẳng triền miên của các quốc gia vì quyền lợi hoặc vì kỳ thị chủng tộc. Nhưng suy cho cùng, thì nó cũng phát nguyên từ ở nơi tâm địa độc ác của con người mà ra.

Thầy Huệ Văn giải thích đến đây, thì chú Huệ Tân vui mừng, vì đã hiểu được phần nào qua ý nghĩa của bài kệ. Tuy nhiên, chú vẫn còn thắc mắc là tại sao Sư Phụ lại dùng đũa gấp bảy hạt cơm bỏ vào trong chung nước, rồi tay bắt ấn và miệng thầm đọc bài kệ:

Pháp lực bất tư nghì
Từ bi vô chướng ngại
Thất liệp biến thập phương
Phổ thí châu sa giới
Quý tử mẫu khoáng dã
Thần kim sí điều vương
Tất linh giai bảo mãn

Án độ lợi ích tóa ha (3 lần)

- Xin sư huynh có thể giải thích lý do tại sao phải gấp bảy hạt com? và tay bắt ấn và cái ấn đó là ấn gì? và ý nghĩa của bài kệ đó ra sao?

- Được. Sư huynh sẽ giải thích cho đệ hiểu, nhưng trước khi giải thích sư huynh muốn đệ hãy tụng thuộc lòng nghĩa của bài kệ mà sư huynh đã dạy cho đệ hôm trước.

- Dạ! Đệ sẽ tụng cho sư huynh nghe. Nếu có sai thì sư huynh sửa lại giùm.

Pháp lực không nghĩ bàn
Từ bi chẳng chướng ngại
Bảy hạt biến mười phương
Cho khắp vô lượng cõi
Mẹ con quý đồng nội
Cánh vàng vua thần diệu
Hết thấy đều no đủ.
Án độ lợi ích tóa ha.

- Đúng rồi. Đệ tụng không có sai. Đệ nhớ cũng khá đó. Bây giờ sư huynh sẽ giải thích đại khái cho đệ nghe nhe. Tại sao phải là bảy hạt? Con số bảy này trong nhà Phật thường dùng lắm. Như cúng thất cũng cúng bảy ngày, Phật ra đời cũng đi bảy bước v.v... Tuy nhiên, với con số bảy này có nhiều

thuyết nói khác nhau. Và người ta cho rằng, không ai có thể giải thích tường tận ý nghĩa của nó được cả. Tùy theo quan niệm nhận thức hiểu biết của mỗi người mà người ta giải thích mỗi cách có khác nhau. Con số này, không những trong nhà Phật hay thường đề cập đến, mà ngay cả các lĩnh vực học thuyết khác cũng đều có đề cập đến. Bởi nó là một con số linh thiêng màu nhiệm của vạn hữu vũ trụ. Trong nhà Phật có câu nói: "Pháp nhĩ như thị". Nó là thế ấy, xin đừng hỏi tại sao. Cũng như đừng hỏi tại sao lửa lại nóng và nước lại lạnh.

Còn cái ấn đó gọi là ấn cam lồ. Như trên đã nói cam lồ là tượng trưng cho từ bi.

Ý nghĩa của bài kệ trọng tâm cũng chỉ nói lên cái tâm lòng từ bi của Phật, Bồ Tát rộng lớn vô biên không có giới hạn. Khi gắp bảy hạt cơm, thì mình phải tập trung tâm ý, nghĩa là phải có chánh niệm để chú nguyện cho các loài đó. Mục đích là để cho chúng được hưởng dụng ăn no đầy đủ. Đó là pháp lực của Phật không thể nghĩ bàn. Vì có bảy hạt cơm mà bố thí châu biến pháp giới.

Một người tu hành, khi đã thể nhập sống trọn vẹn với bản tâm rồi, thì không thể dùng lời nói hay tâm lượng mà có thể suy nghĩ luận bàn đến được. Vì đó là cảnh giới ly ngôn, bật hết mọi dấu vết. Sau khi chứng ngộ, thì sẽ phát sanh vô số diệu dụng làm lợi

ích cho chúng sanh. Và những điều dụng này cũng không thể suy lường được. Điều này với trình độ hiểu biết thô thiên hạ liệt như của đệ, của huynh, thì làm sao mà có thể thấu hiểu? Minh có nói, thì cũng chỉ nói diễn tả trên mặt văn tự chữ nghĩa mà thôi. Chỉ có khi nào mình gắng công tu tập chúng đạt tới đó, thì mình mới có thể nhận hiểu thấu đáo. Bởi tất cả ngôn từ lý thuyết chỉ là những bánh vẽ, trò đùa, tất cả đều là những khái niệm danh ngôn giả lập. Chấp vào danh tự thì có khác gì là kẻ bắt bóng trong gương hay mò trăng dưới nước. Điều này trong Khởi Tín Luận thì gọi là "kê danh tự tướng" còn trong Duy Biểu học thì gọi là "biến kế sở chấp". Nghĩa là chấp chặt những gì do thức biến hiện, rồi so đo tính toán hơn thua, kỳ thật thì bản thân của các pháp chỉ là hư ảo huyễn hóa mà thôi.

Đối với người tu hành, ai tu tới đâu thì thâm nhận biết tới đó. Khác nào như người uống nước lạnh nóng tự biết. Làm sao sư huynh có thể diễn tả được mùi vị của sầu riêng? Đệ muốn biết mùi vị của nó như thế nào, thì chỉ có cách là đệ phải ăn mới biết được. Nãy giờ sư huynh nói triết lý với đệ hơi xa rồi đó. Làm cho đệ thêm rối lên. Thôi thì, đệ hiểu được chút nào thì hay chút đó. Huynh đệ mình sẽ có nhiều dịp để trao đổi học hỏi với nhau. Thời gian gần đây, sư huynh thấy đệ đã có cố gắng tìm hiểu học hỏi và có phần tiến bộ. Nhưng đệ không nên tự mãn, cần phải trau dồi học hỏi không ngừng.

Bởi biển học mênh mông không có bờ bến. Học hoài, học mãi, học không bao giờ cùng. Nhớ lại, ngày xưa, khi sư huynh mới vào chùa tu, trong chùa chỉ có sư huynh với Sư Phụ thôi. Sau đó, Sư Phụ mới nhận thêm chú Huệ Minh. Nhiều lúc có những thắc mắc mà sư huynh cũng không dám hỏi Sư Phụ. Đâu có được như đệ và Huệ Minh bây giờ. Cho nên cái gì sư huynh học hỏi được ở nơi Sư Phụ chỉ dạy, thì sư huynh sẵn sàng chỉ dạy giúp lại cho hai sư đệ. Đệ ráng cố gắng học đừng để phụ lòng Sư Phụ nhé!

- Dạ! đệ xin vâng lời sư huynh chỉ dạy.

- À! Thưa sư huynh đệ còn có một thắc mắc, đệ chưa hiểu rõ về năm phép quán tưởng. Vậy xin sư huynh giải thích giùm cho đệ hiểu.

- Được. Sư huynh sẽ giải thích cho đệ nghe, nhưng trước khi giải thích, sư huynh muốn đệ đọc lại năm phép quán tưởng.

- Đọc chữ và nghĩa luôn phải không sư huynh?

- Đúng vậy.

- Dạ! Được. Sư huynh nghe nhé, nếu đệ có sai sót thì sư huynh sửa lại.

Nguyên văn chữ Hán Việt là:

Nhứt kế công đa thiếu lượng bỉ lai xứ.
Nhị thốn đức hạnh toàn khuyết ứng cúng.
Tam phòng tâm ly quá đặng tham sân.
Tứ lương dược trị liệu hình khô.
Ngũ vị thành đạo nghiệp phương thọ thử thực.

Nghĩa là:

Một, kẻ công nhiều ít so chỗ kia đem đến.
Hai, xét đức hạnh của mình đủ hay thiếu mà thọ
của cúng dường.
Ba, ngừa tâm xa lìa các tội lỗi tham, sân, si là cội
gốc.
Bốn, chỉ là vị thuốc hay để chữa lành bệnh khô
gầy.
Năm, Vì thành đạo nghiệp nên thọ cơm này.

- Như Sư Phụ thường dạy chúng ta, người xuất gia
làm bất cứ điều gì cũng cần phải giữ chánh niệm.
Bởi chánh niệm trong đạo Phật rất là quan trọng.
Nếu chúng ta không có chánh niệm, tức thất niệm,
thì dễ gây ra những lỗi lầm sai quấy. Chánh niệm là
sự có mặt của mình ngay trong giây phút hiện tại.
Nghĩa là, mình nhận diện rất rõ những gì đang xảy
ra ở nơi chính mình và cảnh vật chung quanh mình.
Như đệ đi thì đệ biết rằng đệ đang đi. Khi ngồi
xuống đệ biết rõ rằng đệ đang ngồi xuống. Khi ăn

com cũng thế. Nghi thức thọ trai của người xuất gia, từ khi đến quá đường cho đến khi ăn xong, để thấy chư Tổ luôn luôn thức nhắc chúng ta phải gìn giữ chánh niệm cẩn trọng. Chư Tổ bày ra nghi thức này, một là để cho buổi thọ trai được trang trọng, hai là để cho mọi người ý thức từng cử chỉ động tác của mình trong khi thọ thực. Đó là luật nghi phép tắc ăn uống của người xuất gia. Từ tụng bài cúng dường, xuất sanh, xướng tăng bạt, nâng bát lên ngang mày tụng bài kệ và câu chú, đến tam đề và cuối cùng là năm phép quán tưởng. Tất cả đều thức nhắc mình phải ý thức trong chánh niệm.

Về phép quán thứ nhất, khi bung bát cơm lên, ta phải quán xét biết bao công lao mồ hôi khó nhọc của người nông phu. Họ làm lụng vất vả cực khổ chân lấm tay bùn hì hục ở ngoài đồng ruộng. Từ khi gieo mạ cho đến khi có được hạt lúa đem về nhà, trải qua biết bao nhiêu công lao khổ cực. Rồi đến công lao của những người làm bếp nấu nướng. Ta ngồi không, người ta làm đổ bao mồ hôi nước mắt mới có được hạt cơm và những thức ăn này. Vậy ta nữ lòng nào không nghĩ đến công lao của họ. Khi quán tưởng như thế, để ta thấy rằng cái giá trị của hạt cơm đánh đổi biết bao nhiêu công lao mồ hôi khó nhọc mới có. Do đó, khi ăn ta cần phải gìn giữ chánh niệm và cố gắng nỗ lực tu hành mới mong tiêu của Đàn na tín thí.

Đến phép quán thứ hai, ta lại càng thêm xấu hổ. Ta phải thành thật tự xét lại mình có được bao nhiêu đức hạnh. Đức hạnh có ra từ đâu? Bình nhật, nếu ta sống thả trôi buông lung phóng túng, không giữ giới, tham thiền, niệm Phật, tụng kinh và làm tất cả việc lành, phụng sự Tam bảo, thì thử hỏi, ta có xứng đáng thọ dụng những thức ăn này không? Dù ta có tu hành đạo cao đức trọng đến đâu đi nữa, thì ta cũng vẫn phải quán tưởng để nỗ lực tiến tu, như thế mới có thể tiêu của Đản na thí chủ. Thọ dụng càng nhiều, người cúng họ càng thêm lợi. Ngược lại, phước ta càng ngày càng kém, nếu ta không gắng sức tu hành, thì làm sao tránh khỏi cảnh mang lông đội sừng đền trả nợ cho Đản na thí chủ.

Đến phép quán thứ ba, ta càng thấy mình mang nhiều tội lỗi. Tội lỗi từ đâu có? Từ tâm ta mà ra. Tức từ cái tâm vọng tưởng, tạo bao nhiêu ác nghiệp. Vì mất chánh niệm, nên bao nhiêu thứ phiền não tham, sân, si dấy khởi lên. Tam độc này là nguồn gốc gây ra khổ đau cho chúng ta. Trừ nhân thì không có quả, ngăn ngừa cái tâm tham lam, vì ham ăn món ngon vật lạ. Và phải ngừa cái tâm sân hận vì món ăn sơ sài quá dở. Phép quán này, không những chỉ quán trong bữa ăn thôi, thiết nghĩ, ta còn cần phải luôn luôn quán xét thường xuyên để ngăn ngừa mọi thứ ham muốn khác. Có thể, thì rất ích lợi cho sự tu hành của chúng ta.

Đến phép quán thứ tư, ta cần nên chú ý thận trọng. Ta xem món ăn dù ngon hay dở, dù hợp khẩu vị hay không, tất cả đối với ta chỉ là vị thuốc để chữa lành bệnh khô gầy yếu đuối mà thôi. Ăn uống chỉ là vay mượn tứ đại bên ngoài để nuôi dưỡng bồi bổ tứ đại trong thân ta, cho được khỏe mạnh mà tấn tu đạo nghiệp. Nếu ta cố tâm tham đắm, thì đó là mắc phải cái chứng bệnh tham ăn. Mất ăn một miếng lộn gan lên đầu. Thật là xấu hổ!

Đến phép quán thứ năm, đối với người xuất gia thật là quan trọng. Phép quán này dạy ta nâng cao phẩm hạnh đời sống đạo đức, vượt qua những lối sống hưởng thụ thường tình của thế gian. Ngồi đây thọ dụng những hạt cơm này, những thức ăn công khó của biết bao người đây, ta chỉ có một mục đích duy nhất là tạm mượn nó để sớm thành tựu đạo nghiệp. Cái đạo nghiệp mà khi mình mới vào chùa, là mình đã mong muốn chóng được đạt thành. Nếu không đạt được mục tiêu này, thì than ôi! của tín thí dâng cúng làm sao tiêu dùng?! Cho nên mỗi khi thọ thực ta phải kính cẩn quán tưởng năm phép quán. Phải quán một cách sâu sắc, chớ không được làm cho có lệ. Sư huynh chỉ giải thích đại khái đơn sơ cho dễ nghe thôi, sau này có dịp sẽ tìm hiểu sâu sắc hơn.

Chú Huệ Tân nói tiếp :

- Thừa sư huynh, sư huynh có thể đọc lại hai bài phục nguyện mà đệ thường nghe sư huynh hay phục nguyện được không ?
- Được. Sư huynh đọc đệ nên ghi lại để sau này phục nguyện.
- Dạ. Đệ xin ghi lại.

Bài phục nguyện thứ nhất là :

*Áo ta mặc nhờ ơn người may dệt
Cơm ta ăn nhờ những kẻ cấy cày
Thức ăn thọ dụng hằng ngày
Gắng công tu niệm của này mới tiêu.*

Kỳ nguyện hiện tiền đại chúng Tam học trang nghiêm, cứu hữu tứ sanh cầu mong giải thoát, Phổ nguyện Đàn na tín thí, công quả tứ phương lợi lạc tăng ích phước điền, pháp giới chúng sinh tề thành Phật đạo.

Bài phục nguyện thứ hai là :

*Ơn thí chủ Đàn na ta ăn phải nhớ
Lời Tổ răn nhắc nhở cũng chớ có quên
Ơn Thầy ơn Tổ đáp đền
Ơn cha ơn mẹ trọn nên thân người
Gắng công tu học vẹn mười*

Chỉ thành niệm Phật trọn đời an vui.

Phần kỳ nguyện đệ cũng nguyện giống như trên.

Chú Huệ Tân ghi chép xong liền ngỏ lời cảm ơn thầy Huệ Văn và chú còn hứa là sẽ học thuộc lòng hai bài phục nguyện này.

Có lần, sau giờ lạy sám hối mệt mỏi, ba huynh đệ ra phía trước sân chùa để hóng mát cho khỏe. Hôm đó là đêm trăng mười bốn, trăng sáng lung linh huyền ảo tuyệt đẹp! Mỗi người tìm mỗi nơi thuận tiện ngồi xuống. Có mấy cái tảng đá nên thơ đã để sẵn chung quanh cội tùng. Ba huynh đệ ngồi trên ba cái tảng đá gần nhau. Đêm trăng trò chuyện đạo lý với nhau thì thật là thú vị thơ mộng không gì bằng. Sau khi ngồi yên, bảy giờ Huệ Minh liền cất tiếng hỏi chú tiểu đệ Huệ Tân:

- Này đệ, sao hôm đệ làm lễ xuất gia, huynh chỉ thấy có mỗi một mình ba đệ, vậy còn má của đệ ở đâu mà không tới? Còn anh em của đệ như thế nào? Và ông bà bên nội, bên ngoại của đệ ra sao? Đệ có thể kể sơ cho huynh và sư huynh Huệ Văn nghe được không?

- Dạ được chớ! Nhưng mà đệ không có nhớ hết. Đệ nhớ đâu thì đệ nói đó. Nếu như đệ kể không có đầu

đuôi, thì hai sư huynh cũng đừng có cười chọc quê đệ nhé!

- Được rồi, hai sư huynh không cười đệ đâu.

- Thật ra, đệ không còn mẹ. Đệ nghe ba của đệ kể lại là mẹ của đệ chết hồi lúc đệ vừa mới sanh ra. Nghe nói, mẹ của đệ bị băng huyết gì đó mà chết. Từ đó, ba của đệ ở vậy, người chăm sóc lo lắng cho đệ từ miếng ăn giấc ngủ. Ba cực khổ với đệ nhiều lắm! Người không muốn có thêm người mẹ kế. Bởi vậy, người ta nói, Ba của đệ là người làm thân gà trống nuôi con. Ba thật là vất vả cực khổ. Vì thế, nên đệ thương Ba của đệ nhiều lắm.

- Vậy còn các anh chị em của đệ ở đâu?

- Đệ chỉ có một người anh thôi. Nghe Ba của đệ kể lại, là anh của đệ đi lính đánh giặc chết ngoài mặt trận. Ba nói, Lúc hay tin người anh của đệ chết, má và ba rất đau buồn mất ăn mất ngủ. Nhất là má của đệ, nghe nói, bà rất là đau khổ! Còn người chị của đệ thì bị bệnh chết.

- Còn ông bà của đệ?

- Đệ chỉ còn có một bà nội. Năm nay bà đã già lắm rồi. Còn ông ngoại mới chết hồi năm ngoái.

- Nhưng sao đệ lại xin Ba của đệ đi tu vậy? Đệ không thương Ba của đệ sao?

- Đệ cũng không biết sao. Nhưng mỗi khi đệ thấy quý thầy thì đệ thích muốn đi tu như quý thầy. Lúc nào đệ cũng nghĩ đến Phật, đến chùa. Đệ nhớ, có hôm, đệ vào trong chùa, thấy mấy chú đệ mặc áo màu nâu, và nhất là đắp y vàng tụng kinh, đệ thích lắm. Đệ ao ước có một ngày nào đó đệ sẽ vào chùa tu làm đệ mặc bộ đồ nâu và đắp y vàng như mấy vị đó.

- Đệ xin Ba của đệ như thế nào? Và Ba của đệ biết được đệ muốn đi tu, ông có buồn trách gì không?

- Đệ nhớ có một hôm, đệ thấy Ba rất vui, không biết Ba vui về vấn đề gì. Nhân dịp đó, đệ liền đến bên Ba và thưa với Ba là xin Ba cho con đi vô chùa tu.

- Lúc đó thái độ của ông ra sao?

- Đang vui cười, ông liền nghiêm sắc mặt lại và hỏi đệ: "Tại sao hôm nay con có ý nghĩ kỳ hoặc vậy? Con có biết đi tu như thế nào không? Con có chịu nổi cái nếp sống kham khổ ở trong chùa không? Con có ăn chay trường được không? Từ hồi nào tới giờ, con sống với Ba con chưa từng biết ăn chay một ngày, con liệu con có ăn chay nổi không? Và

rồi đối với những bè bạn mà con chơi thân thì sao? Nếu con trả lời những câu hỏi của Ba được, thì Ba sẽ cho con đi tu".

- Đệ trả lời sao?

- Đệ nói, những gì Ba nói, tất cả con đều có thể chịu đựng được hết. Tại vì đó là điều con muốn, con thích. Không có ai bắt buộc. Cái gì con muốn con thích, thì dù cho có gặp khó khăn đến đâu con cũng có thể khắc phục chịu đựng vượt qua được. Con chỉ lo sợ cho Ba, khi Ba già yếu ở nhà một mình, sớm hôm không có ai cận kề săn sóc phụng dưỡng cho Ba đó thôi!

- Đệ nói thế, ông ta nói sao?

- Ông nói. Được! nếu như con có tâm huyết mạnh như vậy, thì Ba sẵn sàng cho con đi. Ba nói, phần của Ba con khỏi phải lo. Vì tuổi của Ba chưa phải là già lắm. Ba vẫn còn mạnh khỏe và vẫn còn đi làm công kia việc nọ được. Nhưng đi tu, đâu có phải là con không còn nghĩ gì đến Ba, khi Ba bệnh đau con vẫn có thể chăm sóc cho Ba được mà. Đâu có phải đi tu là đoạn tuyệt tình cha con đâu!

Nghe Ba nói thế, đệ rất yên tâm. Đệ không còn lo lắng gì nữa. Đệ nghĩ mình đi tu sau này cũng có thể trả hiếu cho Ba được. Ngày Ba già yếu hay đau

bệnh, thì đệ cũng có thể cận kề săn sóc cho Ba, đâu có sao. Phải không sư huynh?

- Phải. Nhưng đệ có nghĩ đến khi vào chùa sẽ cực khổ thức khuya dậy sớm công phu bái sám và còn phải học kinh kệ nữa không?

- Đệ đâu có biết ở trong chùa sống ra sao. Đệ chỉ nghĩ là mình tu hành thì sẽ không còn bị đau khổ nữa. Đệ thấy một đứa bạn cùng trang tuổi với đệ, nó chết một cách rất là thâm thảm tội nghiệp!

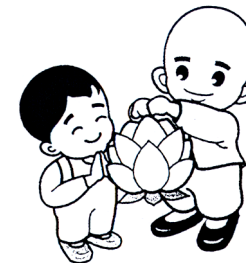
- Nó chết như thế nào mà đệ nói thâm thảm?

- Đệ còn nhớ, hôm đó, nó đi ra ngoài đồng thả diều rồi đi kiếm bắt dế. Bỗng có một trái cà nông hay u bi gì đó rớt xuống nỏ bên cạnh nó, nó chết tại chỗ và tan xác luôn. Nhìn thấy thi thể của nó tan nát ai cũng xót thương rùng mình ghê sợ!...

Nãy giờ, thầy Huệ Văn ngồi yên lặng để lắng nghe hai sư em của mình hỏi đáp nhau. Thầy lắng nghe trong chánh niệm. Nhờ có chánh niệm, nên thầy biết rất rõ nỗi khổ đau của người sư em mình. Đó là một sự mất mát rất lớn. Thầy cũng là người mất mẹ, nên thầy thấu hiểu tâm trạng của những kẻ mồ côi cha hoặc mồ côi mẹ. Trên đời, người nào điếm phúc lắm mới còn đủ cả cha lẫn mẹ. Thầy trầm ngâm suy tư nỗi khổ đau của con người. Đi tìm

nguồn vui trong cái khổ. Nếu không có cái khổ thì không thể tìm ra được cái vui. Tuy trong nỗi khổ mệt mỏi lớn lao đó, nhưng cả ba huynh đệ còn có một điểm phúc rất lớn là đã chọn cho mình một hướng đi trong sáng lành mạnh, một con đường trở về. Trở về với chánh pháp và trước hết là trở về với chính bản thân mình. Trở về để nhận diện thật rõ ở nơi thân tâm mình. Tất cả đều là sự sống màu nhiệm, nếu mình thật sự có mặt từng giây phút với chính mình. Người xuất gia là phải tìm cho ra cái chân thật ở nơi chính mình. Chỉ có con đường khéo biết nhận diện và chuyển hóa đó, thì mới mong chấm dứt được con đường sanh tử khổ đau mà thôi.

Sau những giây phút trầm mặc suy tư, thầy Huệ Văn liền đứng lên và kêu hai sư em của mình mau đi về phòng ngủ. Vì khuya còn phải thức dậy sớm để công phu. Thế là cả ba đều đi chậm rãi lặng lẽ trở về phòng...



HƯỚNG ĐI

T hời gian trôi qua thật nhanh. Thoáng đó đã hết một năm. Chú Huệ Tân nhớ lại, mới ngày nào, chú vào chùa cạo tóc xuất gia mà nay đã tròn một năm rồi. Chú ngồi một mình để ôn nhớ lại những ngày qua. Từ khi vào chùa chú đã được Nhà Sư và hai sư huynh của chú chỉ dạy cho chú rất nhiều. Nhớ những lúc Sư Phụ kêu trả bài trong lớp, chú luôn phập phồng hồi hộp sợ hãi. Vì sợ trả bài không thuộc, thì sẽ bị Sư Phụ rầy la quở phạt. Bây giờ, thì chú cảm thấy không còn lo âu sợ hãi như trước nữa. Bởi những bài Kinh, Chú và những luật nghi thường trì tụng nay chú đã thuộc lòng hết rồi. Khi chú mới bắt đầu học chữ Hán, chú thấy rất là khó khăn. Tuy nhiên, chú nhờ có hai sư huynh luôn chỉ dạy, nên chú học cũng nhanh.

Quyển sách chữ Hán đầu tiên mà chú học đó là quyển tập Tam Thiên Tự. Đây là quyển sách gồm có ba ngàn chữ. Như chữ thiên là trời, địa là đất, cử là cất, tồn là còn v.v... Nghĩa là học chữ đâu thì nghĩa ở đó, Chữ nào nghĩa nấy. Chú học chữ nào thì phải viết và nhớ thuộc lòng chữ đó. Thầy Huệ Văn bắt chú mỗi ngày phải học thuộc lòng mười chữ. Tối nào chú cũng phải đến phòng thầy Huệ Văn trả bài rồi mới được đi ngủ. Nhờ vậy, không bao lâu chú đã học gần hết ba ngàn chữ. Tuy nhiên, trước khi học sách này, thì thầy Huệ Văn đã dạy

cho chú học thuộc lòng 214 bộ. Hôm nào thầy Huệ Văn đi vắng, thì chú Huệ Minh dạy cho chú học bộ sách chữ Hán dành cho những người mới học. Nhà Sư giao chú cho hai huynh đệ luôn nhắc nhở chỉ dạy. Bởi thầy Huệ Văn và chú Huệ Minh cũng khá giỏi chữ Hán. Nhà Sư cho hai người học trực tiếp các bộ kinh bằng chữ Hán. Như các kinh: Tứ Thập Nhị Chương, Di Giáo, Bát Đại Nhân Giác, Thập Thiện v.v...

Nhà Sư rất nghiêm khắc về việc học hành. Đối với các thời khóa tụng niệm khuya tối, không ai được vắng mặt. Chỉ trừ những lúc bệnh đau thoi. Từ ngày chú Huệ Tân xuất gia, thì việc thỉnh đại hồng chung khuya, tối, Nhà Sư giao cho chú. Chú thế cho bà Bảy. Vì bà Bảy đã già yếu và thường hay bị bệnh đau. Bởi sau một cơn đau nằm điều trị ở bệnh viện, từ đó trở đi sức khỏe của bà ngày càng giảm sút dần. Cho nên Nhà Sư cho phép bà ngồi niệm Phật ở trong phòng. Tuy hay đau yếu, nhưng bà cũng tinh tấn niệm Phật. Nhà Sư chỉ cho bà cách thức niệm Phật công cứ. Bà phát nguyện niệm Phật mỗi ngày là mười chám, tức mười ngàn câu hiệu Phật. Cứ mỗi chám là một ngàn câu. Từ ngày bà vào chùa đến nay, lúc nào bà cũng mang xâu chuỗi trường vào cổ. Cho nên xâu chuỗi đó đối với bà thân thiết còn hơn là một người bạn chí thân. Bà rất quý xâu chuỗi đó. Ngoài việc bà niệm Phật theo thời khóa công cứ ra, còn lại những thời gian khác

bà cũng luôn niệm Phật. Bởi đó là một thói quen của bà. Cách niệm Phật này gọi là lịch duyên đối cảnh niệm Phật. Nghĩa là khi đi, đứng, nằm, ngồi hoặc là đi bộ dạo cảnh v.v... thì bà đều niệm Phật. Việc lần chuỗi niệm Phật, chỉ trừ những lúc nấu ăn ở nhà bếp, hoặc khi làm những công việc lật vật khác, thì bà mới không có lần chuỗi.

Có lần bà hỏi thầy Huệ Văn về cách niệm Phật trong khi đang làm công việc. Bà nói: có lần Sư Phụ dạy, người niệm Phật không luận thời gian và nơi chốn, ở đâu, làm gì mình cũng có thể niệm Phật được hết. Thưa thầy, như con đang xắt gọt xào nấu ở nhà bếp mà con chỉ nhớ vào câu hiệu Phật để niệm thôi, không chú ý gì đến công việc mình đang làm, như vậy dễ gây ra tai hại lắm. Như có lần con đang xào đồ ăn lúc đó con chỉ nhớ niệm Phật mà không nhớ gì mình đang xào cả, lát sau đồ ăn bị cháy khét. Có lúc khi đang lật rau, con cũng áp dụng niệm Phật như vậy, không để ý gì đến lá sâu nên bỏ tâm bậy hết. Thầy còn nhớ có lần Sư Phụ la con sao nấu canh bỏ muối mặn thế, vì lúc đó con chỉ nhớ niệm Phật mà không nhớ đến việc nêm nếm, thành thử mới bị Sư Phụ la rầy như vậy. Thế thì, xin thầy có thể chỉ cho con những lúc làm việc như vậy mình có nên niệm Phật hay không? Nếu không thì mình phải làm sao cho đúng?

Thầy Huệ Văn nhìn bà với đôi mắt thương kính và cảm thông cho người trọng tuổi. Người trọng tuổi tuy có lòng tinh cần niệm Phật, nhưng hay quên. Thầy Huệ Văn nhắc lại lời dạy của Nhà Sư cho bà nhớ. Thầy nói, bà chỉ nhớ lời dạy của Sư Phụ phần đầu mà quên phần sau.

- Không chờ nói hết, bà liền vội hỏi: phần sau là phần gì?

- Sư Phụ dạy: khi mình làm công việc thì mình phải chú tâm vào công việc mình đang làm không nên để tâm xao lãng nhớ đến chuyện khác. Đó là mình đang thực tập chánh niệm. Mà chánh niệm là sáng suốt không có mê mờ, như vậy là mình cũng đang niệm Phật rồi. Thay vì mình tập trung tư tưởng vào danh hiệu Phật để niệm, thì mình chỉ nhớ đến công việc mình đang làm cả hai cũng đều giữ cho mình có được chánh niệm thôi. Chỉ khác là một đằng nhớ danh hiệu Phật; một đằng nhớ đến công việc mình đang làm. Hiểu như vậy, thì mới không bị trở ngại và mới không gây ra tai hại hư việc. Điều quan trọng là mình có chánh niệm hay không. Nếu như mình đang niệm Phật mà để tâm nhớ nghĩ lung tung, chuyện này chuyện nọ, thì lúc đó là thất niệm, là tạp niệm, đâu còn là niệm Phật nữa. Như vậy, khi bà đang làm công việc như vắt gọt, chiên xào hay rửa chén v.v... thì bà nên chú tâm vào công việc mình đang làm. Tuyệt đối lúc đó không nên

nghĩ tưởng lãng xăng những chuyện vớ vẩn không đâu khác. Vì khi nghĩ chuyện khác là mình bị phân tâm và như thế là mình mất chánh niệm. Chánh niệm là mình chỉ biết hay nhớ những việc đang xảy ra trong giây phút hiện tại thôi. Đó là bà khéo biết vừa làm công việc mà cũng vừa giữ được chánh niệm.

Thầy nói tiếp: "pháp môn niệm Phật điều quan trọng là phải tâm niệm, chớ không phải chỉ có miệng niệm suông. Có người chỉ dùng miệng niệm mà không dùng tâm niệm. Niệm như thế, thì có khác gì là cái máy niệm Phật. Bởi niệm Phật là cốt để dứt trừ phiền não và đồng thời cũng là để cầu nguyện vãng sanh về Cực lạc. Thế nên, khi niệm Phật phải có tấm lòng tha thiết và phải chú tâm vào câu hiệu Phật mà mình đang niệm. Niệm Phật là nhớ Phật, không nhớ Phật mà nhớ đến chuyện đâu đâu, như vậy làm sao tương ưng với niệm Phật? Sư Phụ dạy là khi mình niệm Phật không gấp cũng không hờn, không nhanh cũng không chậm, quan trọng là phải tịnh niệm nói luôn và niệm cho rành rẽ. Khi niệm Phật tối kỵ nhất là mắc vào hai chứng bệnh: "tán loạn và hôn trầm". Đây là hai chứng bệnh nặng nhứt mà người tu hành thường hay mắc phải.

Thầy Huệ Văn nói đến đây, thì bà Bảy không ngần ngại thú nhận là bà ít bị bệnh hôn trầm mà thường

hay bị cái bệnh tán loạn. Mỗi khi lần chuỗi niệm Phật thì bà nghĩ nhớ lung tung. Những chuyện xảy ra lâu mau mới cũ gì bà cũng nhớ hết. Thầy Huệ Văn an ủi khuyên bà, việc đó không ai tránh khỏi. Sư Phụ thường dạy, niệm Phật khi vọng tưởng đầy khởi mình đừng có sợ vọng tưởng mà chỉ sợ là mình không nhận rõ mặt mũi của nó đó thôi. Chỉ cần mình quán chiếu nhận diện thật rõ thì vọng tưởng sẽ tan biến ngay. Bởi chúng là những thứ hư ảo chợt có chợt không đâu có thật. Nếu mình thiết thiết chú tâm vào câu hiệu Phật thì vọng tưởng sẽ không có cơ hội phát khởi. Bà ráng cố gắng nhiếp tâm niệm Phật như thế lâu ngày thì, vọng tưởng sẽ bớt dần và tâm bà sẽ được thuần thực, an lạc. Nói đến đây, bỗng nghe tiếng gọi của Nhà Sư, thầy Huệ Văn liền chào từ giã bà Bảy vào trong chùa. Còn bà Bảy cảm ơn thầy Huệ Văn rồi cũng đi vào trong nhà bếp.

... Mấy tháng qua, bỗng nhiên người ta thấy vắng thầy Huệ Văn. Hỏi ra, mới biết là thầy Huệ Văn đã vào học đường. Nhà Sư cho thầy đi học ở thành phố. Nhờ thầy có trình độ giáo lý khá, nhất là giỏi chữ Hán, nên thầy đã thi đậu vào lớp trung đẳng Phật học chuyên khoa. Thời gian của khóa học được ấn định là ba năm. Mỗi năm học đều có hai kỳ thi. Một kỳ vào giữa năm và một kỳ cuối năm. Nếu cuối năm thi đậu, thì mới được lên lớp. Sau ba năm học, tăng sinh muốn tiếp tục học nữa thì phải

qua một kỳ thi tốt nghiệp trung đẳng và rồi lên cao đẳng. Đây là trường chuyên đào tạo tăng tài để tiếp nối sự nghiệp hoằng truyền chánh pháp của đức Như Lai.

Khi Thầy Huệ Văn đi rồi, thì ở chùa còn lại hai chú Huệ Minh và Huệ Tân. Riêng chú Huệ Minh năm nay vừa đúng tuổi thọ đại giới. Theo luật Phật dạy, thì một vị Sa di muốn thọ giới Tỳ Kheo thì phải đúng 20 tuổi đời và phải năm lòng hai thời khóa tụng cũng như giới luật và oai nghi. Nhà Sư bảo chú Huệ Minh học ôn lại mười giới luật Sa di và quyển Tỳ ni nhật dụng yếu lược. Tất cả những bài kệ và những câu chú cần phải nhớ thuộc lòng. Chú Huệ Tân cùng học chung với chú Huệ Minh. Chú Huệ Tân cũng sáng dạ thông minh không thua gì chú Huệ Minh.

Mỗi tối, sau giờ Tịnh Độ cả hai đều phải học. Nhà Sư trụ trì đêm nào cũng dạy, chỉ trừ những lúc bị đau yếu hay bận công việc đi xa thì Nhà Sư mới không có dạy. Nhờ thế, mà hai chú học rất khá. Những lúc ôn bài ở ngoài vườn hai chú rất nhớ đến thầy Huệ Văn. Bà Bảy cũng thường hay nhắc đến. Bà nhớ lại, trước đây, có những điều gì mà bà chưa hiểu rõ thì bà thường hay thưa hỏi với Thầy Huệ Văn. Vì vậy, kể từ khi thầy Huệ Văn lên thành phố học, trong chùa ai cũng nhớ tới thầy. Tỉnh thoảng Phật tử đến chùa cũng hay thăm hỏi về thầy Huệ

Văn. Vì thầy là người rất được mọi người cảm mến. Một người vừa có đạo hạnh lại vừa thông minh học giỏi. Đối với Nhà Sư thầy rất kính trọng như một người cha tinh thần và người cha thể xác. Bởi khi thầy mới xuất gia vào chùa chỉ có hai thầy trò sớm hôm hủ hỉ bên nhau. Nhà Sư thì luôn quan tâm chỉ dạy mọi thứ cho thầy. Từ việc học giáo lý, luật nghi cho đến cung cách oai nghi thái độ hành xử của một người tu. Nhứt nhứt Nhà Sư đều chỉ dạy cặn kẽ. Bởi Nhà Sư rất kỳ vọng ở nơi người đệ tử của mình. Sau này, có thể làm nên cho đạo pháp. Nhà Sư thường nói, vai trò trọng trách của người xuất gia rất trọng đại. Người xuất gia phải nằm lòng câu: "Tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự". Sứ mệnh của người xuất gia là phải thay Phật tuyên dương chánh pháp. Muốn thế, thì người xuất gia cần phải hạnh giải tương ưng. Nghĩa là phải siêng năng trau dồi Tam vô lậu học: "Giới, Định, Huệ". Đây là ba môn học căn bản làm nền cho việc giải thoát. Một người tu mà thiếu một trong ba môn học này, thì sẽ không thể nào thành tựu được đạo quả. Bởi thế, Nhà Sư luôn quan tâm rèn luyện hun đúc tinh thần tu học cho người đệ tử đầu tiên của mình.

Ngay từ buổi đầu khi mới xuất gia Nhà Sư biết thầy Huệ Văn là người rất có chí khí. Thầy đã chịu khó thức khuya dậy sớm và siêng năng cần mẫn học hành. Dù chỉ có hai thầy trò sống trong một ngôi chùa vắng vẻ cô tịch, nhưng thầy Huệ Văn không

khi nào tỏ ra buồn nản. Tuy còn trẻ nhưng thầy rất thích cảnh trí thanh vắng yên tĩnh. Thầy nằm lòng câu nói của Tổ Qui Sơn: "Muốn gọi tâm nuôi đức thì phải ẩn tích mai danh, muốn uẩn tố tinh thần thì phải xa nơi huyên náo". Qua lời dạy này, thầy chiêm nghiệm lại những ngày tháng ở nơi cảnh già lam lan nhã này quả thật thầy cảm thấy không phiền toái và rất thích hợp cho sự học hỏi tu hành. Thầy thường đọc những mẫu chuyện nói về cuộc đời hành trạng của chư Tổ, phần nhiều là các Ngài hay ở những nơi thâm sơn cùng cốc, những nơi vắng vẻ tĩnh mịch. Ngày xưa, các bậc Tổ Sư, chư Tôn thiên đức các Ngài thường cất am tranh ở trong rừng sâu núi thẳm. Đời sống tu hành của các Ngài rất là đạm bạc thanh nhàn đạo hạnh cao thâm. Phần lớn, những vị tu hành đắc đạo đều ở cảnh núi non thanh vắng. Thầy rất thích cảnh trí thiên nhiên. Cảnh u tịch thanh vắng cũng dễ làm cho lòng người lắng dịu. Rừng cây, khóm trúc, gió thổi, chim kêu, nước chảy, suối reo, mây bay, trăng đẹp, hoa nở... đều là những cảnh vật thiên nhiên làm cho lòng người cảm thấy tươi mát lắng dịu an thoát nhẹ nhàng hơn. Trong Chứng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia Huyền Giác, trong đó có một bài thơ diễn tả cảnh trí thiên nhiên mà thầy rất thích:

Nhập thâm sơn trụ lan nhã
Sâm ngâm u thúy trường tông hạ
Ưu du tĩnh tọa dã tăng gia

Khuých tịch an cư thật tiêu sái

Tạm dịch:

Núi non thanh vắng trụ thanh nhàn
Cội tùng sẫm uất mái tranh am
Tăng quê tĩnh tọa niềm an thoát
Lặng lẽ êm đềm vui lắm thay!

Có lần, sau giờ đi thiền hành, thầy lặng lẽ đến ngồi bên gốc cây tùng, nhìn cảnh vật xung quanh, bất giác cảm hứng thầy liền ghi lại một bài thơ diễn tả cảnh trí thiên nhiên.

*Thiên nhiên cảnh trí rất nên thơ
Nắng ấm trời trong chẳng bụi mờ
Gió mát chim kêu lòng thanh thoát
Nước hồ yên tịnh trí buông to
Việc đời gác lại bên đồi núi
Phật đạo tâm gìn lắng đục nhờ
Tây cảnh sen vàng tâm nguyện ước
Di Đà chuyên niệm trọn ước mơ.*

Nhớ lại, những lúc Nhà Sư đi vắng, thầy cũng vẫn chu toàn trách nhiệm những gì mà Nhà Sư giao phó. Thầy là người chịu khó trong công việc và hăng say trong việc nghiên tầm học hỏi giáo lý. Ngoài việc nghiên tầm học hỏi kinh điển ra, thầy còn để tâm nghiên cứu về những sách vở ngoài đời

như về văn học, lịch sử, khoa học, y học v.v... Vì là một sinh viên y khoa, nên thầy cũng thích thú đọc sách về ngành y. Chính nhờ siêng năng trong việc nghiên cứu học hỏi như thế, nên khi vào học đường thầy học rất giỏi. Thầy rất được thầy bạn mến thương.

Kể từ ngày thầy Huệ Văn lên thành phố học đến nay thấm thoát thời gian trôi qua gần tròn một năm. Kỳ nghỉ hè vừa qua, thầy Huệ Văn có về thăm Thầy Tổ và hai sư đệ cùng bà Bảy. Thấy thầy về ai nấy cũng vui mừng ra mặt hỏi thăm lia lịa. Nhất là chú Huệ Minh và chú Huệ Tân. Chú Huệ Tân thích được quà tặng. Vì mỗi lần đi xa về, thầy Huệ Văn thường hay mua quà tặng cho mọi người. Vì là vị đệ tử đầu tiên của Nhà Sư trụ trì, nên thầy Huệ Văn lúc nào cũng làm gương mẫu cho các sư đệ. Khi về tới chùa việc đầu tiên là thầy mặc y hậu chỉnh tề đến đánh lễ Nhà Sư và sau đó thầy mới trình bày thăm hỏi. Lúc nào thầy cũng giữ lễ nghĩa trong đạo thầy trò như thế. Sau đó, thầy mới xin phép Nhà Sư lên chánh điện để đánh lễ Tam Bảo. Đây là thói quen của thầy từ khi mới bước chân vào chùa. Tôn sư trọng đạo là điều mà lúc nào thầy cũng hằng để tâm. Thầy thường nói với hai sư đệ của mình: "Một chữ cũng là Thầy mà nửa chữ cũng là Thầy". (Nhứt tự vi sư, bán tự vi sư). Bởi thế mà hai chú Huệ Minh và Huệ Tân rất kính nể sư huynh của mình. Thầy Huệ Văn rất yêu thương hai sư đệ của mình.

Vì từ ngày thầy đi vắng, chú Huệ Minh phải thay thầy để lo hầu Sư Phụ.

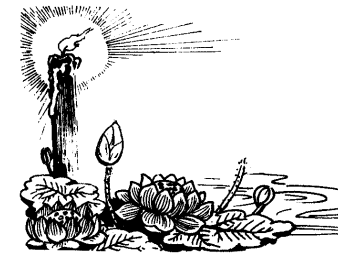
Có lần, trong lúc hầu Thầy, chú Huệ Minh đã được Nhà Sư kể cho chú nghe một câu chuyện về thuở thiếu thời của Nhà Sư. Vừa để tách trà xuống Nhà Sư liền nói: Con có biết không lúc thầy mới xuất gia vào chùa, năm đó, thầy mới được 10 tuổi. Mẹ của thầy mất sớm. Năm đó thầy mới vừa tròn 3 tuổi. Thầy được bà nội chăm sóc rất kỹ, còn Cha thầy thì đi làm việc ở phương xa. Thời buổi chiến tranh loạn lạc, việc đi lại rất khó khăn. Cho nên thỉnh thoảng Cha thầy mới về thăm gia đình. Thầy nghe bà nội kể lại, ông nội của thầy đã mất từ lúc Cha thầy còn nhỏ. Vì lúc đang chạy giặc ông nội thầy ngã bệnh. Trong lúc đó chiến tranh khói lửa mịt mù, việc tìm thầy chạy chữa thuốc men không phải dễ dàng. Thuốc men thì không có, chỉ uống ba thứ thuốc Nam sơ sài, cho nên bệnh ông nội càng ngày càng nặng thêm. Cuối cùng, ông mất trong một căn nhà ở đậu của một người bà con. Năm thầy lên chín tuổi, trong một chuyến đi công tác, Cha thầy không may đã bị trúng đạn tử vong. Thế là, thầy đã trở thành một đứa trẻ mồ côi mất cả mẹ lẫn cha năm lên chín tuổi. Bây giờ một tay bà nội của thầy phải lo chăm sóc. Bà rất cực khổ. Năm thầy được mười tuổi, thì bà nội cho thầy vào chùa. Vị trụ trì của ngôi chùa đó lại là người bà con bên nội của thầy. Vị thầy đó cũng trọng tuổi. Từ đó, thầy sống bên cạnh Sư Ông của con và một vài huynh

đệ khác. Sư Ông của con rất nghiêm khắc trong việc học hành. Thầy học theo cách gia giáo. Ban đầu Sư Ông cho thầy học chữ Hán. Còn chữ Việt thì thầy đến một ngôi trường làng gần chùa để học. Sau khi tốt nghiệp trung học ở ngoài đời, Sư Ông mới cho thầy vào trường Phật học. Nhờ thầy khá chữ Hán và hiểu chút đỉnh về giáo lý, nhất là những kinh điển cơ bản đều nằm lòng, nên khi vào học đường thầy học tiến bộ khá nhanh. Kỳ thi nào cũng được Ban Giám Đốc khen thưởng.

Bởi thầy là người mồ côi cha mẹ, nên thầy rất thương những ai lâm vào hoàn cảnh bất hạnh như thầy. Cho nên lần đầu, thầy vào trong cô nhi viện làm chút việc từ thiện giúp cho các trẻ mồ côi, khi đó, con đến xin thầy đi tu là thầy nhận liền. Thầy dẫn con về chùa sống với thầy và với sư huynh Huệ Văn của con. Nhà Sư nói đến đây, chú Huệ Minh không cầm được nước mắt. Hai dòng lệ tuôn chảy xuống đôi gò má non trẻ của chú. Vì chú nhớ lại khoảng đời mồ côi của chú được Nhà Sư thương đem về chùa dạy dỗ. Chú không ngờ vị Sư Phụ của mình cũng có một hoàn cảnh lắm đau thương cùng cảnh ngộ bất hạnh như mình. Nhớ đến sư huynh Huệ Văn, tuy có được may mắn là học hành đàng hoàng, nhưng vì nỗi buồn mẹ chết mà vào chùa tu học. Nay đã trở thành một tăng sinh ưu tú xuất sắc của nhà trường. Tất cả đều nhờ công ơn của Sư Phụ

gia công dạy dỗ. Thật là một công ơn quá lớn lao không sao sánh kể.

Nhà sư nhìn thấy chú xúc động rơi lệ, nên Nhà Sư cũng ngưng câu chuyện lại và lúc đó có khách đến nên Nhà Sư bảo chú ra sau vườn quét dọn...



CHỊU ĐỤNG

T rận bão lớn vừa qua làm cho cây cối xơ xác tiêu điều và nhà cửa đều bị sập đổ tiêu tan gây thiệt hại nặng nề. Một vài ngôi nhà lá cũ kỹ nằm dưới chân đồi nay không còn nữa. Có những căn nhà bị sập đổ cột, kèo, rui, lá... nằm thành đống chồng chất lên nhau. Đồ đạc phần nhiều đều bị tiêu hủy. May mắn là không có ai bị thương tích nặng hay tử vong. Cây cối xung quanh chùa, có cây thì bị gãy tét nhánh; có cây thì bị tróc gốc nằm rải rác đó đây phơi bày ngổn ngang.

Cái giàn bầu và những cây chà tre cắm sâu dưới đất để cho mấy dây khổ qua leo lên, nay đều bị sập xuống và tiêu tan. Mấy liếp rau cải cũng bị hư dập. Chú Huệ Minh đi cắt mấy trái bầu còn non để đem vô cho bà Bảy nấu canh. Hai chú Huệ Minh và Huệ Tân cùng một vài cậu thanh niên trai trẻ trong làng đến chùa phụ thu dọn lại khu vườn và làm gọn lại những cây cối bị ngã. Hôm đó, trời giông to gió lớn mưa bão sấm sét, hai chú Huệ Minh và Huệ Tân đều lo sợ chùa bị hư sập. Còn bà Bảy thì ngồi tay lờn chuỗi miêng niệm Phật lâm râm như để thăm cầu nguyện. Mỗi người đều thăm lo lắng và mang tâm tư ý nghĩ khác nhau.

Trong khi đó, Nhà Sư trụ trì ngồi trầm ngâm, như đang tư lự nghĩ đến những ngôi nhà cũ kỹ xiêu vẹo,

mái tranh vách lá của những người dân nghèo khổ lam lũ một nắng hai sương lặn lội kiếm ăn từng ngày, giờ đây đã bị cơn bão tàn quét nhà cửa đã bị sập đổ tan nát, hoa màu ruộng vườn cũng bị thiệt hại nặng nề. Rồi đây cuộc sống của họ sẽ không biết ra sao? Thiên tai luôn đe dọa đến sự sống của con người. Nghĩ đến tình cảnh của họ phải sống nheo nhóc trong cảnh màn trời chiếu đất, bữa đói, bữa no, trẻ con đói khát, bệnh tật không thuốc men, thì than ôi! thật là nảo nuột chua xót chạnh lòng! Lòng từ bi của người tu hành trước hoàn cảnh tang thương đó, thử hỏi không chua xót chạnh lòng sao được? Làm sao có thể ngoảnh mặt làm ngo? Tất nhiên, là phải tìm phương cách cứu giúp cho họ trong cơn đói khát hoạn nạn ngặt nghèo này.

Nghĩ thế, Nhà Sư liền đứng ra hô hào vận động kêu gọi lòng hảo tâm thiện nguyện của mọi người. Trước hết, Nhà Sư mời một vài người có đạo tâm họp lại để lập thành một Ban Cứu Trợ. Một số người hưởng ứng tham gia vào trong Ban này. Họ mở rộng chiến dịch cứu trợ bằng cách đi lạc quyên từng nhà. Họ cùng nhau lặn lội xuống phố để quyên tiền và đồ đạc. Tin đồn lan xa mọi người hưởng ứng phát tâm đóng góp. Có được một số tài vật, họ liền mang ra ủy lạo phân phát cho những nạn nhân. Họ cùng nhau phụ giúp cho một số dân làng xây dựng lại nhà cửa và rồi tạo công ăn việc làm cho họ. Nhờ thế, mà họ đã vượt qua được cái

tai nạn thảm khốc ác liệt này. Họ bày tỏ nỗi lòng biết ân đối với Nhà Sư và những người đứng ra vận động trong phong trào lạc quyên cứu trợ cho họ.

Sau cuộc cứu trợ đó, tiếng tăm của Nhà Sư vang xa và đã được nhiều người biết đến. Nhất là những dân làng ở các vùng phụ cận, họ về chùa ngày càng đông hơn. Những nạn nhân thiên tai họ tỏ ra mang ơn Nhà Sư rất nhiều. Nếu không có sự giúp đỡ và kêu gọi của Nhà Sư, thì không biết đời sống của họ sẽ ra sao? Ai có lâm vào hoàn cảnh hoạn nạn đau thương ngút ngàn này, thì mới có thể thấu hiểu được tâm trạng của họ. Đói khát, bệnh đau, nhà cửa không có, tài sản tiêu hao, bao năm trời làm lụng vất vả, dành dụm từng đồng, từng cắc không dám tiêu xài, thế mà hôm nay đành phải cam chịu trắng tay không còn gì cả! Còn cảnh đau khổ nào hơn! nhất là đối với các trẻ con, bệnh tật nằm lây lất, đói khát kêu la. Một tình cảnh thật vô cùng bi đát thương tâm! Đã nghèo lại thêm mắc phải cái eo tai nạn thật là khổ khổ. Cảm thông cho hoàn cảnh đau khổ ngút ngàn này, thầy Huệ Văn có sáng tác bài thơ nói lên cái hậu quả của thiên tai luôn gây ra biết bao thiệt hại cho nhơn loại. Bài thơ với tựa đề là:

Thiên Tai Khổ Nạn

*Gió chiều mang hơi cay
Thiên tai khổ nạn hoài*

*Bao nhà tan cửa nát
Người chết chẳng ai hay*

*Gió chiều mang hơi cay
Bao kẻ sống đọa đày
Cảnh màn trời chiếu đất
Quần áo chẳng còn thay*

*Gió chiều mang hơi cay
Bao cảnh khổ nạn dày
Bệnh tật nằm lây lất
Đói khát khổ trần ai!*

*Gió chiều mang hơi cay
Nhìn không rõ hình hài
Thân cần người hốc hác
Nhận không biết là ai*

*Gió chiều mang hơi cay
Thiên tai ách nạn hoài
Cảnh đất bằng dẫy sóng
Bao kẻ sống lạc loài*

*Gió chiều mang hơi cay
Đồng ruộng không người cày
Nước dâng tràn ngập hết
Người chết nằm phơi thây*

Gió chiều mang hơi cay

*Bao tiếng khóc đêm dài
Rên la năm giã chết
Bao giờ hết nạn tai?!!!*

Sau tai nạn này, họ cảm thấy cuộc đời thật là mỏng manh vô thường giả tạm khác nào như một giấc chiêm bao!

Đâu có ai biết trước được những gì sẽ xảy ra. Mới hôm qua cuộc sống của họ còn êm ấm hạnh phúc, bỗng phút chốc lâm vào cảnh nhà tan cửa nát, không còn manh áo để che thân. Quả cuộc đời này tràn đầy đau khổ. Có thân đã là khổ rồi, ấy thế mà còn phải chịu bao nhiêu thứ khổ lụy khác đè nặng, vì những hoàn cảnh chung quanh gây nên. Hết nhơn tai rồi đến thiên tai họa hại. Chiến tranh cũng đã làm cho người ta đau khổ quá nhiều. Có cuộc chiến tranh nào mà không tàn phá thiêu hủy, gây nên cảnh chết chóc tang thương?! Mạng sống của con người như đứng trên bờ vực thẳm giữa sống và chết. Do ý thức như thế, nên họ thức tỉnh tu hành nhiều hơn. Quả đúng với câu nói của người xưa: "Nhơn vô hoạn họa bất hồi đầu". Con người nếu không gặp hoạn nạn thì không ai chịu hồi đầu thức tỉnh tu hành, làm lành lánh dữ. Nếu đời sống của con người luôn gặp vận may, hanh thông suôn sẻ, ước gì được nấy, chắc là không ai nghĩ gì đến sự tu hành. Bởi tu làm chi cho tốn công hao hơi nhọc sức.

... Bằng đi một thời gian, người ta ít thấy Nhà Sư lui tới chăm sóc ở khu vườn kiểng. Mỗi lần đi ngang qua vườn kiểng người ta hay chú ý đến những cây kiểng rất có giá trị mà Nhà Sư thường hay chăm sóc cắt tỉa. Bởi Nhà Sư là người rất khéo tay và có óc nghệ thuật thẩm mỹ. Có những cây bonsai cắt tỉa uốn cong lên xuống rất đẹp. Ai trông thấy cũng phải trầm trồ khen ngợi. Chơi kiểng cũng là một cái thú vui, nhưng phải biết cách chăm sóc cho có nghệ thuật. Nhất là đối với những người trọng tuổi, họ thường tìm cho mình những thú vui tiêu khiển nhẹ nhàng để di dưỡng tinh thần. Tuy nhiên, không phải ai lớn tuổi cũng thích tìm cho mình cái thú vui chơi kiểng hết đâu. Có thể có những người họ đi tìm cho mình những cái thú vui riêng khác. Như đánh cờ tướng, uống trà hoặc cà phê ở những nơi quán xá chỗ họp mặt bạn bè để tán gẫu, bình luận sự đời. Đây là hạng người mà họ chuyên tìm hiểu chuyện thiên hạ sự để rồi đem ra bình phẩm thị phi phù phiếm.

Nói chung, những người già hay tìm cho mình những thú vui riêng để quên lãng thời gian. Tuy nhiên, có những thú vui đem lại nhiều lợi ích cho đời sống tâm linh. Ngược lại, cũng có những thú vui mang tác hại cho thể xác và tinh thần. Như có người đam mê hút xách, bài bạc rượu chè, cái thú đam mê say sưa này không sớm thì chầy gia đình của họ cũng sẽ tán gia bại sản mất hết hạnh phúc.

Người xưa nói: "Đó là thú vui chỉ mở đường cho đau khổ" quả đúng như vậy. Vui đó rồi khổ đó. Cười đó rồi khóc đó. Biết bao nhiêu người đi tìm cái thú vui này, nhưng vui đâu thì không thấy mà chỉ thấy toàn là đau khổ nhà tan cửa nát, vợ chồng con cái ly tán, kẻ một nơi người một ngã. Đó là hậu quả của cái thú đam mê lao đầu vào cửa tử. Các bậc Cổ Đức thường răn dạy nhắc nhở người ta bằng câu nói ngắn gọn: "Cờ bạc là bác thằng bần". Xưa nay, có ai chơi bài bạc mà làm giàu đâu? Từ chết tới bị thương thì có.

Trở lại vấn đề trên, sở dĩ người ta ít thấy Nhà Sư lai vãng ở khu vườn kiếng là vì chứng bệnh cũ của Nhà Sư bị tái phát nặng. Một chứng bệnh nan y mà Nhà Sư đã phải chịu đựng trong suốt mấy mươi năm qua. Đó là chứng bệnh phong thấp các khớp xương đều bị đau nhức. Bề ngoài thì Nhà Sư tỏ ra như không có gì, nhưng kỳ thật bên trong thì Nhà Sư luôn phải kiên nhẫn chịu đựng. Chứng bệnh này mỗi khi thời tiết trở lạnh, thì Nhà Sư đau nhức rất khó chịu và đi lại rất khó khăn. Trong lúc Nhà Sư nằm điều dưỡng, thì hai chú Huệ Minh và Huệ Tân thường xuyên thay phiên nhau ở bên cạnh Sư Phụ của mình. Hai chú hết lòng lo lắng chăm sóc cho Nhà Sư. Bà Bảy cũng vậy. Tội nghiệp, lúc nào bà cũng ân cần hỏi thăm và lo cho Nhà Sư trong vấn đề ăn uống. Khi hay tin Thầy trở bệnh nặng, thầy

Huệ Văn cũng xin phép Ban Giám Đốc ở nhà trường để về thăm Sư Phụ.

Một hôm, nhân có đủ mặt mọi người, Nhà Sư liền bảo chú Huệ Minh điu nhà sư đến cái ghé trường kỹ. Đây là bộ ghé xưa cũ kỹ mà Nhà Sư thường hay ngồi uống trà hoặc xem kinh. Bộ ghé này, ngoài Nhà Sư ra, không một ai dám ngồi. Ngoại trừ những vị khách đặc biệt như các bậc Tôn Túc cao đức chẳng hạn. Sau khi Nhà Sư ngồi xuống ghé, chú Huệ Tân liền mang trà đến và trình trọng rót trà mời Nhà Sư dùng. Nhà Sư vừa dùng trà vừa dạy bảo thức nhắc các vị đệ tử của mình. Nhà Sư ôn tồn nói: Qua trận bão vừa rồi, các con thấy dân làng họ phải chịu đựng rất là đau khổ. Hôm nay, thầy muốn cho các con cần phải hiểu rõ hai chữ "Chịu Đựng". Chịu đựng là nghĩa của hai chữ nhẫn nhục. Nhưng hai chữ nhẫn nhục của chữ Hán, ý nghĩa của nó không hay bằng hai chữ chịu đựng của tiếng Việt. Chữ "Chịu" có nghĩa là chấp nhận. Còn chữ "Đựng" có nghĩa là ôm lấy.

Khi có việc gì khó khăn mà người ta không thể làm được, thì họ nói đành phải chịu vậy. Hoặc nói: thằng đó mất dạy quá, tôi nói nó không nghe thôi đành chịu. Nghĩa là đành phải chấp nhận. Như vừa rồi có một cậu thanh niên nào đó la lối om sòm, thầy nghe Huệ Minh nói với Huệ Tân, rằng, huynh không chịu nổi thái độ la lối om sòm của anh ta.

Như vậy, Những điều gì khó khăn mà mình không làm được hoặc những gì xảy ra mà mình không thể khắc phục được, thì chỉ có cách can rãng chịu đựng chấp nhận mà thôi. Đó là nghĩa của chữ "Chịu" theo nghĩa bình diện thông thường của thế gian. Người ta chỉ chịu đựng ở một mức độ nào đó thôi. Khi không còn chịu đựng được nữa thì nó sẽ nổ tung làm cho mình và người phải chịu nhiều đau khổ. Bởi do đè nén ức chế lâu ngày nên sự việc mới xảy ra như thế.

Chữ Chịu này, đối với những người thế gian thật khó có thể vượt qua, vì họ không biết cách thực tập. Còn đối với người tu chúng ta, nhất là người xuất gia, các con cũng phải thực tập lắm mới được. Mình phải thực tập mở rộng trái tim rộng lớn như trái tim của chư Phật và Bồ tát. Có thế thì mình mới dễ dàng chấp nhận được cả tánh tốt lẫn tánh xấu của con người, Như tánh tình của người nào đó khó ưa, khó chơi, mà mình vẫn có thể chấp nhận không có gì cảm thấy bực bội, khó chịu cả. Các con thấy, chữ chịu đâu có mang ý nghĩa tầm thường đâu. Nó mang một ý nghĩa rất rộng lớn, đòi hỏi người đó phải có một tâm lòng rộng lớn mới được. Đó là thầy nói sơ qua về nghĩa của chữ chịu.

Bây giờ thầy giải thích cho các con nghe về ý nghĩa của chữ "Đựng". Đựng có nghĩa là chứa đựng. Chữ này là một hình dung từ nói lên cái dung lượng

nghĩa là cái để đựng chứa. Một vật nhỏ như cái ly, cái tách thì sức dung chứa của nó nhỏ. Còn một vật lớn thì sức dung chứa của nó lớn. Đó là nói về cái sức dung chứa trọng lượng bên ngoài. Vật càng to lớn chừng nào thì nó chứa đựng càng nhiều chừng nấy. Đối với tâm thức của các con cũng vậy. Tinh thần, tuy nó không có hình tướng như một vật chất cụ thể, nhưng nó cũng có một sức dung chứa tùy theo cái tâm địa nhỏ lớn. Nếu tâm địa càng nhỏ hẹp chừng nào thì sức chứa càng nhỏ hẹp chừng đó. Nếu nỗi khổ niềm đau của mình lớn quá, mà cái tâm chứa đựng của mình nhỏ quá, thì làm sao chứa hết? Vậy mình cần phải có cái tâm rộng lớn hơn mới có thể chứa hết những nỗi khổ niềm đau. Cái tâm chứa càng lớn chừng nào, thì các con có nhiều an lạc hạnh phúc chừng nấy. Con thấy vật để chứa thì nhỏ, còn cái cần chứa thì nhiều, như vậy thì làm sao tương xứng được. Tất nhiên là cái bị chứa sẽ tràn ra ngoài.

Các vị Bồ tát khác với chúng ta là khác hơn ở chỗ chứa. Tâm của các Ngài có một sức chứa quá rộng lớn. Rộng đến đời không có giới hạn. Vì vậy, nên các Ngài có quá nhiều hạnh phúc. Bởi cái tâm chứa của các Ngài không còn phân biệt hay dở, xấu tốt, phải trái, thù bạn, thương ghét v.v... nghĩa là vượt ra ngoài những cặp đối đãi nhị nguyên. Do đó, nên các Ngài không có cái tâm thù xả, lấy cái này bỏ cái kia, ghét người này, thương người nọ. Còn thấy

có hai, tức còn thấy có sự khác biệt. Tâm địa của mình vì nhỏ hẹp nên mình không có được cái hạnh phúc chơn thật như các Ngài. Đối với mình, cái gì mình ưa, mình thích, mình thương, thì mình mới chấp nhận, mới chứa. Bằng ngược lại, thì mình không chấp nhận và không chứa. Bởi thế mà mình mãi chịu đau khổ không có được cái hạnh phúc lớn như các Ngài.

Bao nhiêu năm kinh nghiệm trong việc tu hành, thầy thấy có người tu lâu ở trong đạo mà họ vẫn không có hạnh phúc. Vì họ không biết mở rộng trái tim. Càng sống ích kỷ chỉ nghĩ riêng cho mình chừng nào thì càng đau khổ nhiều chừng nấy. Ngược lại, có người họ không cần phải mang cái nhãn hiệu tôn giáo hay tên tuổi nào hết, họ chỉ cần có trái tim rộng lớn khéo biết bao dung tha thứ, không cố chấp với bất cứ điều gì, dù điều đó là điều tốt hay điều xấu. Họ chỉ thực tập mở rộng cõi lòng chấp nhận và dung chứa, thì đời sống của họ sẽ giảm đi đau khổ rất nhiều. Đức Phật là người đã mở rộng trái tim hoàn toàn, cho nên Ngài mới có được tràn đầy hạnh phúc. Các vị Bồ tát tuy không hạnh phúc bằng Phật, nhưng các Ngài có hạnh phúc lớn hơn chúng ta quá nhiều. Các con chỉ cần tập sống với hai chữ này, thì các con sẽ có hạnh phúc ngay. Hạnh phúc hay đau khổ không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm thức của các con. Điều đó các con có biết không?

- Dạ biết. Thầy Huệ Văn hỏi tiếp:

- Bạch Sư Phụ, có phương pháp nào mình thực tập được như vậy không?

- Có. Như có lần thầy nói cho các con biết. Các con muốn mở rộng cõi lòng, không phải chỉ nói mở rộng là nó mở rộng được. Bởi cái tập khí (thói quen) lâu đời lâu kiếp của chúng sinh là ích kỷ là chấp ngã. Chỉ biết có mình thôi. Sống vì mình mà chết cũng vì mình. Nói là thương người, giúp người nhưng thực tế thì cũng chỉ vì mình mà thôi. Mình nói, mình yêu thương người đó, nhưng kỳ thật là mình chỉ biết yêu thương mình. Nếu thực sự thương người, thì khi người đó ra đi thì đừng có bịn rịn khóc than hãy để cho người ta ra đi được bình an. Đàng này không, hễ người đó ngáp ngáp sắp sửa lìa khỏi cõi đời thì mình kêu réo khóc la inh ỏi thảm thiết chỉ muốn họ ở lại với mình. Vì mắt họ mình cảm thấy bơ vơ lạc lõng không ai bảo vệ che chở giúp đỡ cho mình. Như vậy, con thấy vì người hay vì mình?

- Dạ. Thừa chỉ vì mình thôi.

- Nếu không vì mình, thì mình nên vui mà cầu chúc cho người đó ra đi được toại nguyện của họ. Đó mới thật là thương họ.

Trở lại câu hỏi của con, con muốn mở rộng trái tim như trái tim của Bồ Tát Quan Thế Âm, thì trước tiên, con cần thực tập cho mình có được hơi thở chánh niệm. Có chánh niệm thì con mới có cái nhìn sâu sắc vào sự vật. Cái nhìn đi sâu vào thiền quán không thấy có mình và người riêng biệt. Nhờ có chánh niệm và thiền quán như thế, các con mới có được tình thương rộng lớn. Các con không còn thấy cái đáng ưa hay không đáng ưa, cái đáng ghét hay không đáng ghét. Mà con chỉ thấy vạn vật không ngoài mình. Vì sự sống của mình là sự sống của tất cả muôn loài. Các con nên biết, trên đời này không có vật gì độc lập mà có thể sinh tồn được. Nhỏ như hạt bụi hay lớn như quả địa cầu cũng nằm trong phạm trù của lý duyên sinh cả. Đã do duyên sinh thì đâu có cái gì ngoài mình. Nếu sự sống mà không có những tác dụng ảnh hưởng qua lại thì sao thành sự sống? Về vấn đề này, như có lần thầy cũng đã giảng giải cho các con nghe rồi. Có cái nhìn sâu sắc như thế thì các con mới có tình thương rộng lớn. Tâm của Phật thì mở rộng như thái hư và Phật ôm cả thái hư vào lòng. Bản tâm của mình cũng rộng lớn như thái hư. Nhưng tại vì mình chưa có thực tập thiết thiết để mở rộng đó thôi. Chớ không phải cái đó mình không sẵn có. Tuy sẵn có, nhưng mình bị các thứ vô minh phiền não che ngăn nên nó không hiển hiện đó thôi. Khi nào vô minh phiền não không còn thì Phật tánh sẽ hiện bày. Chư

Phật, Bồ Tát, và các vị Tổ sư, các Ngài cũng đều có sẵn cái bản tâm như mình, nhưng các Ngài khác hơn mình là ở chỗ các Ngài đã khéo biết mở rộng và sống hòa nhập với vạn hữu vũ trụ đó thôi.

Nói gần và thực tế hơn, là khi các con có bệnh, các con không nên có ý nghĩ buồn trách ai cả. Vì bệnh không ai đem cái đó lại cho mình. Các con chỉ cần đối diện chấp nhận bệnh là một sự thật và rồi các con phải ôm lấy cái bệnh đó. Coi bệnh như là một người bạn thân của các con cùng lớn lên với các con trong một môi trường sống. Thử hỏi, từ nhỏ đến lớn, từ trẻ đến già có mấy ai không bệnh? Vì lúc nhỏ nhờ mình có bệnh nên mình mới có những con vi trùng chống bệnh. Như vậy không phải bệnh là bạn thân của mình sao? Như có lần thầy nói với các con là trong Luận Bảo Vương Tam Muội có câu: “Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không bệnh hoạn, vì không bệnh hoạn thì dục vọng dễ sanh”. Dù các con không muốn chấp nhận ôm lấy nó, thì nó vẫn có mặt hiện hữu với các con. Thay vì sợ hãi chạy trốn, thì mình nên tỏ ra thân thiết và an ủi xoa dịu nó. Đó là những cơn đau nhức làm mình bực bội khó chịu, mình chỉ cần nhận diện sâu sắc về cơn đau, và rồi mình hãy tự an ủi hóa giải nó. Đó là các con khéo biết áp dụng tinh thần của hai chữ chịu đựng rồi.

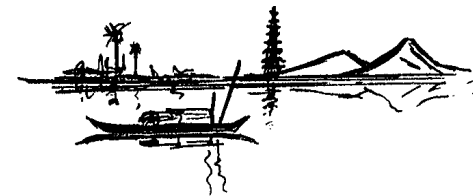
Ở đời này, các con thấy đâu có cái gì hoàn toàn vừa ý mình hết. Nếu cái gì cũng vừa ý mình hết thì đâu còn có khổ nữa. Các con thấy có nhiều gia đình vì thiếu thực tập kiên nhẫn chịu đựng, nên họ dễ dàng gây ra sự đổ vỡ. Bởi cái gì họ cũng muốn hơn người khác và họ muốn người khác phải làm theo ý của họ. Chính vì cái ý niệm độc tài, độc đoán đó, mà có biết bao gia đình phải đổ vỡ chia ly tan nát. Vì không ai chịu tìm hiểu, thông cảm và nhường nhịn nhau. Và cũng không ai muốn chịu đựng những cái mà mình không hài lòng. Như trường hợp, một đứa con trai đem bạn gái về sống chung trong nhà, nhưng khổ nổi, người bạn gái đó lại có những thái độ bất kính, thất lễ, nghịch ngợm, cứng đầu, ương ngạnh, gàn bướng với cha mẹ của người bạn trai. Thái độ đó không thể nào cha mẹ của người bạn trai kia chấp nhận chịu đựng tha thứ nổi. Không chịu đựng nổi thì chỉ còn có nước là phải đuổi chúng nó đi thôi. Đuổi thì chúng đi, chúng đâu có lo lắng nghĩ ngợi gì đến hậu quả sau này. Chúng chỉ muốn làm cho thỏa mãn cái lòng tự ái, tự trọng và sự ham muốn khát vọng của chúng thôi. Chúng không cần biết đến sự buồn lo gì của cha mẹ. Thế là cha mẹ đành phải mất đứa con trai của mình. Vì nó nghe theo người tình bạn gái của nó hơn. Nó chạy theo tiếng gọi của tình yêu, vì tình yêu có một hấp lực sức mạnh rất lớn.

Trong trường hợp này, nếu cha mẹ không muốn mất đứa con trai của mình, thì họ nên mở rộng cõi lòng bao dung tha thứ và chịu khó tìm hiểu rõ nguyên nhân và thông cảm cho tánh tình của tuổi trẻ, phải kiên nhẫn tìm cách sửa đổi hóa giải, thì hậu quả có thể chuyển đổi khác đi. Hoặc giả nếu như chúng nó muốn dọn ra ngoài có đời sống tự lập, thì làm cha mẹ mình cũng nên phân tích lợi hại về mặt tài chính chi tiêu và những vật dụng cần thiết khi chúng nó dọn đi. Nếu sau khi phân tích giải bày cân nhắc lợi hại cặn kẽ mà chúng nó vẫn cương quyết dọn đi, thì cha mẹ chỉ còn có cách là đành phải chấp nhận và tìm cách hỗ trợ giúp cho chúng nó vui mà thôi. Cha mẹ không nên buồn phiền và vì mình mà chận đứng đời sống tự lập của chúng nó. Có nhiều người, vì thiếu thực tập mở rộng cõi lòng bao dung tha thứ, chỉ biết ích kỷ nghĩ cho riêng mình, nên rầy la chửi bới mắng nhiếc con cái đủ điều, cuối cùng họ phải lãnh lấy cái hậu quả là mất con.

Việc đòi hay việc đạo cũng thế. Điều cần yếu là các con muốn được an ổn hạnh phúc, lợi mình, lợi người, thì các con cần phải thực tập đức tánh “Chịu Đựng” cho thật sâu sắc. Nghĩa là các con nên có tấm lòng rộng lượng thương yêu đối với tất cả muôn loài. Đó là các con khéo biết thể hiện cái “Ân Đức”. Ân đức là một trong ba đức. Như có lần thầy nói, các con cần phải cố gắng tu tập ở nơi ba đức.

Đức đầu tiên là Trí đức. Có trí tuệ chiếu soi thì các con mới có thể nhận diện và chuyển hóa các thứ vô minh phiền não. Đó là Đoạn đức. Khi vô minh phiền não không có thì các con mới có được cái lượng bao dung tha thứ rộng lớn. Đức tánh hỷ xả bao dung rộng lớn không có giới hạn này, chính đó là Ân đức. Đây là cách chịu đựng mang tính siêu xuất thế gian. Chỉ cần mở rộng cái lượng bao dung hỷ xả này thì cuộc đời của các con sẽ có được tràn đầy hạnh phúc.

Thầy chỉ nêu ra một trong nhiều trường hợp mà mình phải chịu đựng trong tinh thần bao dung và hỷ xả. Có thế, thì cuộc sống mới đem lại cho người ta có thêm nhiều hạnh phúc. Hạnh phúc không ở đâu xa, mà nó chỉ ở trong trái tim của các con, của mọi người mà thôi. Thầy mong bài học “Chịu Đựng” này các con phải cố gắng thực tập và phải thực tập một cách sâu sắc theo gương hạnh của chư Phật Tổ đã làm. Có thế, thì các con sẽ được nhiều lợi lạc ngay trong đời sống thực tế này vậy.



CÒN VÀ MẤT

Thời gian thấm thoát trôi qua, mới đó mà thầy Huệ Văn đã trải qua hai năm học. Chỉ còn một năm nữa là thầy sẽ tốt nghiệp mãn khóa cấp Trung đẳng Phật học. Khóa học này nhà trường quy định thời gian là ba năm. Sau đó, nếu tăng sinh nào muốn học tiếp thì phải thi vào lớp Cao đẳng Phật học. Chương trình của lớp Cao đẳng Phật học cộng chung là tám năm, học xong bốn năm đầu tăng sinh sẽ được cấp phát văn bằng cử nhân Phật học. Và sau đó là hai năm cao học, còn lại hai năm cuối cùng, tăng sinh sẽ hoàn tất luận án tiến sĩ. Với chương trình học như thế, nên Nhà Sư trụ trì luôn khuyến khích thầy Huệ Văn bằng mọi giá phải cố gắng học cho xong chương trình ở cấp bậc Cao đẳng, tức phải hoàn tất luận án tiến sĩ Phật học. Nhờ có Sư Phụ hỗ trợ khuyến khích, nên thầy Huệ Văn cương quyết phải đeo đuổi học cho xong chương trình Cao đẳng Phật học.

Tết năm nào nhà trường cũng cho các tăng sinh về quê nghỉ hè ăn Tết một tháng. Nghĩa là qua rằm tháng giêng tăng sinh mới trở lại trường nhập học. Vì đó là dịp để cho các tăng sinh về chùa nghỉ ngơi tịnh dưỡng cho khỏe, đồng thời cũng phụ giúp công việc chùa với Thầy Tổ. Mặt khác là để cho tăng sinh có thời gian ôn lại những bài vở đã học, hoặc đi du ngoạn lãm cảnh ở một vài nơi thắng

cảnh cho thư thả tâm hồn. Bởi những ngày miệt mài học hỏi ở nhà trường, tất nhiên, đầu óc của họ rất căng thẳng và mệt mỏi.

Vị trí của ngôi chùa vì nằm trên đồi cao có nhiều cây cao tán lá sum suê xanh mát, không gian rộng lớn nên sáng nào mọi người cũng đều ra ngoài trời hít thở không khí tươi mát trong lành. Có những buổi chiều đẹp trời, sau giờ thọ thực, ba huynh đệ thường hay rủ nhau lên đồi để ngắm cảnh mặt trời lặn. Đó là những buổi chiều tàn êm ả hoàng hôn lặng lẽ buông xuống bao phủ khắp cả ngọn đồi. Cảnh vật như chìm sâu lặn vào trong bóng tối. Mỗi lần ngắm cảnh hoàng hôn, chiều buồn, thầy Huệ Văn không sao quên được ngày mẹ của thầy mất. Mẹ của thầy từ biệt cõi đời vĩnh viễn ra đi cũng trong một buổi chiều tàn. Khi đó, mọi cảnh vật đều lặng chìm trong màn đêm, để lại một khoảng không gian thật lạnh lùng buồn tẻ. Có một buổi chiều thầy ngồi một mình trên ngọn đồi đưa mắt nhìn về phía chân trời xa xăm, mây mờ ảm đạm, bất giác hình ảnh của mẹ thầy lại hiện về rõ nét trong tâm khảm của thầy. Một hình ảnh trước khi nhắm mắt lìa trần, mẹ thầy vẫn cố gượng gạo mở to đôi mắt trong cơn hấp hối để nhìn thầy lần cuối. Thầy đã cảm nhận được những gì mẹ thầy muốn nói qua ánh mắt trìu mến yêu thương của người mẹ hiền. Vì vậy, trong lúc ngồi buồn nhớ mẹ, thầy có cảm tác một bài thơ nói về cảnh hoàng hôn khi mặt trời đã tắt. Như bài

thơ mà thầy đã đưa cho chú Huệ Minh trong những ngày đầu khi chú Huệ Minh đến chùa tu học. Vì cùng cảnh ngộ nên hai người dễ thông cảm và chia sẻ nhau hơn. Hôm nay, tuy thời gian cách xa, nhưng để tưởng nhớ lại một buổi hoàng hôn nào đó mà chính thầy Huệ Văn đã viết lên những vần thơ bằng những giọt lệ thương tâm khóc thầm trong tủi hận! Bài thơ này, chú Huệ Minh đã đọc nhiều lần nên thuộc lòng như cháo.

*Hoàng hôn buông xuống đất trời
Phủ che vạn vật khắp nơi một màu
Vàng hồng le lói đôi cao
Nắng vàng yếu ớt một màu thê lương
Ngàn cây thảm cỏ bên đường
Đứng buồn ủ rũ hứng sương bạc đầu
Chiều buồn ảm đạm cỏ sâu
Mây hồng rắng đỏ vòng cầu tóc tang
Giật mình trong cảnh bàng hoàng
Đất trời đã vẽ ngàn trang lụy buồn
Nặng lòng nước mắt trào tuôn
Mẹ đi biển biệt in tuồng mây bay
Ngẩn người chết lặng chiều nay
Lòng buồn nhớ mẹ ai hay hôn hoàng.*

Chú Huệ Minh đọc bài thơ mà lòng của chú chứa chan đầy nỗi đau thương buồn tủi trong lòng. Bởi chú cũng mồ côi cha mẹ từ thuở nhỏ. Chú đã mất đi tình yêu thương nồng ấm của cha mẹ. Trong khi

đó, chú Huệ Tân cũng tủi lòng rơi lệ. Vì chú cũng đã mất mẹ. Bầu trời hôm nay tuy còn đó nhưng nắng vàng đã tắt hẳn rồi! Vàng thái dương không còn soi sáng nữa. Cả ba người như cùng một tâm trạng đau thương, cứ lặng lẽ lùi thui đi từng bước nặng trĩu lên dốc, xuống dốc, đến bờ suối đá quen thuộc khi nào không hay. Đây là một cái suối nước trong, ngày đêm nước chảy róc rách quanh năm.

Nhớ lại, có hôm ba huynh đệ đi dọc theo con suối nằm uốn khúc quanh co sâu vào trong rừng rậm thật là thú vị. Nhất là những buổi trưa hè nóng bức mà ở ngoài rừng cây, nghe tiếng gió thổi vi vu rì rào thật mát mẻ và thích thú. Bởi vừa ngắm cảnh thiên nhiên lại vừa hóng mát nghe nhạc thiên nhiên thì còn gì thơ mộng bằng!

Có lần, ba huynh đệ trong lúc đi dạo quanh đồi, thầy Huệ Văn bảo chú Huệ Minh và Huệ Tân đến bên cạnh cây thông to ngồi hóng mát nghỉ chân. Mỗi người tìm cho mình một chỗ ngồi thích hợp. Thầy Huệ Văn ngược mắt nhìn lên ngọn thông cao và rồi nhìn chung quanh toàn cảnh trí tươi đẹp của ngọn đồi. Nơi đâu cũng toàn là cây lá hoa rừng. Bỗng có một vài con chim chích chòe từ đâu bay đến đậu trên cành cây kêu vang ríu rít. Nghe tiếng chim kêu, Chú Huệ Minh đưa mắt nhìn lên thấy chúng đang chuyền nhảy tung tăng ca hát líu lo, chú liền nói:

- Mấy con chim này sướng thiệt, chúng được tự do bay nhảy muốn bay hay đậu đâu tùy ý thích không có gì ràng buộc chúng nó cả. Ngẫm lại, người ta đâu có được tự do như mấy con chim này phải không sư huynh?

Nghe Huệ Minh hỏi, thầy Huệ Văn liền nói:

- Này đệ! nhìn thấy chúng bay nhảy thì có tự do sướng thiệt đó, nhưng đệ đừng quên rằng, đằng sau chúng còn có nhiều người sẵn bắn rình rập để sát hại chúng nó. Cho nên, đừng thấy chúng bay nhảy như vậy mà chúng ta cho rằng, chúng thực sự là có tự do hạnh phúc. Nếu thực sự tự do, thì chúng đâu có phập phồng lo âu sợ hãi người ta theo đuổi rình rập để giết chúng. Thấy bên ngoài thì dường như chúng nó có tự do hạnh phúc lắm, nhưng kỳ thật bên trong thì chúng cũng vẫn nơm nớp lo sợ hãi hùng. Như vậy, thì chúng làm gì mà có được tự do hạnh phúc thực sự chứ?

Thầy Huệ Văn vừa nói đến đây, thì chú Huệ Tân liền hỏi:

- Thưa sư huynh trên đời này chỉ có ông Phật mới thực sự là có tự do giải thoát hoàn toàn, còn lại không có ai được như vậy hết phải không sư huynh?

- Đúng vậy. Chỉ có đức Phật mới là Người có tự do giải thoát hoàn toàn thôi.

Chú Huệ Minh liền hỏi:

- Tại sao Ngài được như vậy?

- Vì đức Phật đã dứt sạch hết vô minh phiền não.

Chú Huệ Tân hỏi:

- Còn các vị Bồ tát thì sao?

- Các vị Bồ tát cũng được tự do, tự tại giải thoát, nhưng các Ngài chưa được hoàn toàn như Phật.

- Tại sao?

- Vì các Ngài chưa dứt hết vô minh phiền não tức là các Ngài vẫn còn chút ít vi tế vô minh. Sự đoạn hoặc chứng chơn của các Ngài, còn tùy theo trình độ tu chứng sâu cạn mà có những đẳng cấp khác nhau. Bởi Bồ tát có nhiều hạng bậc không đồng. Vấn đề này không thể nói một giây lát mà các em có thể hiểu hết được. Huynh nghĩ, sau này khi các em có dịp vào học đường thì chừng đó các em học sẽ hiểu nhiều hơn.

Ba huynh đệ luận bàn đối đáp đến đây, nhìn lên cây không còn thấy bóng dáng của các con chim khi nãy. Thấy vậy, thầy Huệ Văn mới nói:

- Đó các em có thấy không, sự còn mất ở đời nó giống như những con chim này. Mới thấy đó rồi lại bay mất. Tuy nhiên, nó chỉ không còn ở đây chớ không phải là nó mất hẳn luôn. Có thể là nó sẽ đậu chuyền nhảy ở một nơi khác.

Chú Huệ Minh nói, tuần trước đệ có nghe Sư Phụ giảng về việc "Còn" và "Mất" ở đời, nhưng lúc đó đệ hơi buồn ngủ nên đệ không hiểu rõ hết những gì mà Sư Phụ đã giảng. Đó là lỗi của đệ. Vậy bây giờ, sư huynh có thể nói rõ hơn về vấn đề này cho hai em nghe có được không?

- Được. Sư huynh sẵn sàng nói cho hai em nghe. Tuy nhiên, huynh không thể nào giảng rõ kỹ càng như Sư Phụ được. Thầy Huệ Văn nói tiếp:

- Lần sau, nếu hai em có nghe Sư Phụ giảng dạy, thì phải cố gắng lắng lòng chú tâm theo dõi để nghe. Tuyệt đối, hai em không được ngủ gục hay tỏ vẻ chảnh mắng thờ ơ lơ là, đó là lỗi nặng lắm hai em có biết không. Nếu vậy, thì uổng công Sư Phụ giảng dạy và hai em cũng không thu thập được gì. Cho nên, nếu lần sau tái phạm như thế, thì Sư Phụ sẽ phạt hai em quỳ hương đó nghe chưa.

- Dạ! nghe.

Chú Huệ Minh nói, em chỉ lỡ một lần thôi từ nay về sau em không bao giờ dám tái phạm lỗi lầm như thế nữa đâu. Sư huynh yên tâm. Bây giờ sư huynh nói cho hai em nghe đi.

Thầy Huệ Văn đưa mắt nhìn cảnh vật chung quanh và rồi nhìn vào đôi mắt trong sáng chứa đựng sự hồn nhiên ngây thơ trong trắng và không kém thông minh của hai em mình, rồi thầy từ từ chậm rãi nói:

- Phật dạy, trên đời này không có gì tồn tại lâu dài. Tất cả đều chịu chung một định luật vô thường chi phối. Nhưng ở đời, người ta chỉ thích muốn cái còn, cái có, cái tốt, cái đẹp... chớ đâu có ai muốn cái mất, cái xấu, cái hư bao giờ. Tuy nhiên, người ta quên rằng, cái có, cái còn, chỉ là những thứ giả trá tạm bợ không thật. Nó chỉ tồn tại trong một thời gian nào đó thôi. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương có bài thơ Nguyễn Cầu cũng nói về ý nghĩa còn và mất này.

*Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở nọ sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước xa xôi dặm về
Trông ra bến hoặc bờ mê*

*Nghìn thu nửa chớp bốn bề một phương
Ta van cát bụi bên đường
Dù như dù sạch đờng vương gót này
Để ta tròn một kiếp say
Cao xanh liều một cánh tay núu trời
Nói chi thua được với đời
Quản chi những tiếng ma cười đêm thâu
Tâm hương đốt nén linh cầu
Nhớ quê dằng dặc ta câu đó thôi
Đêm nào ta trở về ngôi
Hồn thơ sẽ hết luân hồi thế gian
Một khi đã nín cung đàn
Kể chi còn mất hơi tàn thanh âm.*

Cũng theo ý nghĩa Còn và Mất này, các em có còn nhớ bài thơ mà Sư Phụ đã giảng dạy cho mấy huynh đệ mình đó không?

Chú Huệ Tân liền nói:

- Dạ, em còn nhớ rất rõ. Để em đọc cho hai sư huynh cùng nghe nghe. Bài thơ Sư Phụ giảng có tựa đề là “Về Nhà”. Có đúng không sư huynh?
- Đúng vậy. Thầy Huệ Văn trả lời.

*Lang thang mây độ luân hồi
Trải bao kiếp sống mây trôi chiều buồn
Biển đời nước mắt trào tuôn*

*Đùa vui theo sóng quên nguồn suối trong
Làm thân chiếc lá giữa dòng
Nào hay lá rụng cội tòng giữa đêm
Trời xanh én lượn êm đêm
Ngàn sao lấp lánh vẫn yên bầu trời
Thuyền chèo bạc nước mù khơi
Tìm về bến cũ thành thoi an nhàn
Việc đời trả lại trần gian
Một mình lặng bước thênh thang về nhà.*

Nghe xong. Thầy Huệ Văn nói tiếp:

- Để sư huynh kể cho hai em nghe một vài mẫu chuyện ngắn về cái còn và cái mất.

Trong một ngôi chùa nọ, có một vị sư trụ trì trọng tuổi. Trong chùa ngoài vị sư trụ trì ra, còn có một chú tiểu thị giả để vị sư sai làm những công việc lật vật. Hai thầy trò đang sống trong cảnh êm đềm dưới mái chùa đầy âm cúng. Bỗng một hôm, có một chú thanh niên trang tuổi như Huệ Minh, đến xin xuất gia với vị sư già. Chú kể lẽ hoàn cảnh mồ côi không cha, không mẹ, không người thân thích, mất hết chỗ tựa nương, năn nỉ than khóc ỉ ôi, chú cầu xin vị sư cho chú được thế phát xuất gia. Động lòng từ bi trắc ẩn của kẻ tu hành, vị sư không thể từ chối, nên cho chú ta xuất gia. Lúc đầu, chú tỏ ra rất ngoan ngoãn chăm chỉ tu hành, làm việc theo những gì thầy dạy bảo. Trải qua thời gian tuy

không lâu, nhưng vị sư thấy người học trò của mình cũng đáng tin cậy. Từ đó, vị sư giao chìa khóa chùa và thậm chí còn đưa chìa khóa thùng phước sương cho chú cất giữ. Thế là, chú đã đạt được điều mong muốn của chú rồi.

Một hôm, có một vị thí chủ đến thỉnh vị sư trụ trì tới tư gia cúng thất cho người mẹ mới mất, sư trụ trì đi cùng với chú tiểu, để chú thanh niên này ở lại giữ chùa. Đây là một cơ hội ngàn vàng đối với chú. Thế là, chú gom hết những đồ đạc quý giá kể cả tiền bạc trong thùng phước sương, chú đều vét sạch sành sanh không còn gì hết. Lấy xong, chú cao bay xa chạy bật tằm bật tích. Khi vị sư trụ trì trở về, thì ôi thôi! nhìn lại đồ đạc không có cánh mà bay không còn thứ gì cả. Nhưng đối với người tu hành, thì sự mất mát đó cũng không đến nỗi thương tiếc bi lụy như người đời. Tuy cũng có một chút thoáng buồn, nhưng sau đó nhớ lời Phật dạy về lý vô thường huyền mộng thì không có gì phải luyến tiếc. Tuy nhiên, vị sư chỉ buồn cho mình là thiếu sáng suốt vì quá tin tưởng một người mà mình chưa biết rõ lai lịch gốc gác. Đó là có từ bi nhưng thiếu trí tuệ. Những Phật tử hay tin đó liền đến chùa thăm hỏi, vị sư chỉ mỉm cười và chỉ biết dùng lời phân trần khuyên giải họ.

Sư nói: ở đời này không có ai muốn mình mất đi bất cứ thứ gì, dù đó là một vật rất nhỏ, khi người ta

đã yêu thích rồi không ai lại muốn mất. Người ta muốn cái gì của mình tạo ra là phải bền bỉ còn hoài. Khi mất đi một món đồ quý giá thì người ta mất ăn, mất ngủ, thật là đau khổ biết ngần nào! Nhưng người ta quên rằng, trên đời này không có vật gì tồn tại ở trong tay mình hoài. Bản thân mình còn không giữ được, thì thử hỏi những vật ngoài mình làm sao giữ được? Ấy thế mà, không ai muốn mình chết và cũng không ai muốn người thân của mình phải ra đi. Được thì vui, mất thì buồn. Sum họp thì vui, chia ly thì buồn. Bởi con người vốn dĩ đã quá ích kỷ, cái gì cũng muốn gồm thâu về mình. Nghĩa là không muốn mất mát bất cứ thứ gì. Mãi sống trong sự còn, mất, thắng, bại, hơn, thua, mà người ta luôn nom nớp lo sợ. Từ lo sợ rồi sanh ra ưu phiền, từ ưu phiền sanh ra bệnh hoạn. Cứ mãi sống trong vòng luân quản như thế, mà người ta quên đi bản thân mình. Người ta không ngờ rằng, do mất đồ mà Nhà Sư đã thuyết giảng một bài pháp vô thường có, không thật là hữu ích. Nhờ đó mà mọi người đến nghe cũng thức tỉnh phần nào.

Chú Huệ Minh định hỏi một câu về sự còn và mất ở sự tu hành, nhưng thầy Huệ Văn lại kể tiếp một câu chuyện nữa cũng nói lên sự mất còn. Chuyện kể rằng, có một ngôi chùa làng, trong chùa có vài vị tăng đang tu học. Bên cạnh chùa có một miếng đất khá lớn, khoảng độ một mẫu. Chư tăng trong chùa nhờ miếng đất này mà trồng trọt nhiều thứ

hoa màu thực phẩm để chi dụng, nhất là khoai mì. Một hôm, ngoài trời tối đen như mực, khoảng giữa đêm trời lại đổ cơn mưa to. Lúc đó trong chùa mọi người đều đang an giấc. Đâu có ai ngờ rằng, trong đêm hôm mưa to gió lớn mà lại có kẻ đi ăn trộm khoai mì. Sáng ra, một vị sư trẻ ra vườn liền phát hiện đêm hôm có kẻ trộm khoai. Vị sư liền chạy vào chùa báo cho Nhà Sư trụ trì biết. Thế là cả chùa đều chạy ra xem, coi khoai bị mất nhiều ít. Thấy thế, mọi người đều ồn lên thậm chí có người còn nặng lời quở trách. Trong khi đó Nhà Sư trụ trì không nói một lời nào, ngài thân nhiên âm thầm lặng lẽ trở vào trong chùa. Mọi người đều ngạc nhiên qua thái độ thân nhiên lạnh lùng của Nhà Sư. Tuy vậy, không ai dám nói hay than phiền điều gì cả.

Chiều lại, Nhà Sư họp chư tăng để nói về việc mất trộm khoai đêm hôm. Bảy giờ, Nhà Sư mới lên tiếng hỏi một vị tăng lớn tuổi trong số các vị tăng hiện diện. Nhà Sư hỏi, theo thầy, thì chúng ta nên làm gì khi đã bị mất trộm như thế?

- Phải rình bắt cho được chúng nó và rồi đánh cho chúng nó một trận toi bời, để chúng nó bỏ cái tật gian tham đi ăn trộm đồ đạc của người ta.

Nhà Sư yên lặng không nói. Nhà Sư quay sang hỏi một vị tăng khác.

- Theo ông, thì mình nên làm gì?

- Mình nên rình bắt cho được chúng nó rồi giao bọn chúng cho công an xử phạt trị tội.

Nhà Sư cũng lặng lẽ không nói lời nào. Nhà Sư hỏi tiếp một vị tăng khác. Đây là một vị tăng trẻ tuổi nhất trong số các vị tăng.

- Theo người, thì phải làm gì? hành động như thế nào đối với kẻ trộm?

- Dạ thưa, mình nên tìm cách giúp đỡ cho kẻ ăn trộm.

- Tại sao? Nhà Sư hỏi.

- Vì gia cảnh của họ nghèo đói túng thiếu nên họ mới đi ăn trộm khoai của mình. Biết đâu, họ còn có các đứa con nhỏ dại, chúng nó đang bị bệnh hoạn đau ốm chi đó, túng thế ở bước đường cùng, nên họ mới liều lĩnh hành động bất nhân thất đức như vậy. Nếu mình đánh đập hay bắt nhốt họ, thì chỉ chuốc thêm thù oán và cũng không giải quyết được gì cho họ. Chi bằng mình nên tìm cách giúp họ trong cơn túng thiếu nghèo đói, cho họ một số tiền để họ có một số vốn làm ăn, hoặc tạo cho họ có một công ăn việc làm nào đó để cho họ kiếm sống. Có vậy, thì họ mới không còn sanh tâm đi ăn trộm đào tường khoét vách của thiên hạ nữa.

Nãy giờ, Nhà Sư trụ trì lắng nghe sự phân giải của một vị tăng trẻ, ông thâm nghĩ cái chú này giải bày tình lý rất rõ ràng. Tuy chú còn trẻ tuổi mà lý giải rất phân minh và có nhân từ đức hạnh của một người tu hành. Nhà Sư gật đầu và khen thâm.

Bấy giờ Nhà Sư hỏi những vị khác, theo ý các vị thì ý kiến của chú này có nên làm như vậy không? Mọi người như đã hiểu ý Nhà Sư không ai dám chống đối cãi lại. Vì giải quyết một việc hợp tình hợp lý thì làm sao có thể chống đối được. Đó là một cách giải quyết khôn khéo và hết sức thông minh.

Thầy Huệ Văn kể đến đây, thì chú Huệ Minh nói:

- Đúng là thông minh không luận tuổi tác. Mình là người xuất gia tu hành, ít ra mình cũng phải có tấm lòng rộng lượng bao dung tha thứ. Thân này còn chẳng ra gì sá chi mấy củ khoai mì.

Chú Huệ Tân nói xen vào:

- Theo sư huynh thì cho đó là một cách giải quyết hay nhất. Nhưng theo đệ nghĩ, thì làm sao mình biết được kẻ trộm mà giúp đỡ cho họ chớ.

Chú Huệ Minh nói:

- Dễ thôi, mình cứ theo dõi bọn chúng thì sẽ biết. Chuyện đó đâu có khó gì. Bởi họ thừa biết, ăn trộm của người đời thì họ còn bị đánh đập thậm chí còn bị giết chết, chớ còn ăn trộm của nhà chùa, chả lẽ mấy ông thầy tu hành đầy lòng từ bi vị tha nhân ái, mà lại đi đánh đập giết chết họ hay sao? Đâu có ai tàn nhẫn như thế. Như vậy, thì cứ tiếp tục mà hành nghề đạo chích, cứ tiếp tục đào móc có gì phải lo sợ. Chú Huệ Minh nói đến đây, thầy Huệ Văn tỏ ra đồng ý và khen phải. Đồng thời thầy cũng kết luận câu chuyện. Các em thấy cách xử lý của vị tăng trẻ tuổi này thật là hay.

Chú Huệ Tân liền hỏi:

- Sư huynh nói hay mà hay ở chỗ nào?

- Hay ở chỗ tuy là nhà chùa bị mất khoai, nhưng không mất cái đạo lý tình nghĩa của một người tu hành. Xử sự giữa tình và lý rất rõ rệt. Lý là giúp cho họ có công ăn việc làm hoặc giúp cho họ có số tiền vốn làm ăn. Về tình thì họ mang ân sâu nặng với mình và họ không bao giờ biết oán trách hay hiềm thù với mình. Đó là thể hiện vừa tình người mà cũng vừa tình đạo.

Đến đây, chú Huệ Minh liền trở lại chuyện mất còn ở một khía cạnh sâu hơn, tức nói về mất còn ở nội tâm, không phải mất còn ở bên ngoài.

Chú hỏi thầy Huệ Văn:

- Sư huynh có thể cho biết thêm về sự mất còn ở nội tâm như thế nào không?

- Sự mất còn ở nội tâm thì nó sâu sắc khó hiểu hơn, bởi nó không có hình tướng như sự còn hay mất cụ thể ở bên ngoài.

- Sâu sắc như thế nào?

- Những thứ phiền não buồn, giận, thương, ghét, lo sợ v.v... trong tâm mình, mình không thấy nhưng nó vẫn có tác dụng hiện ra tướng trạng bên ngoài. Như lúc đệ giận thì không ai biết được cái giận của đệ ra sao, nhưng người ta thấy được cái mặt bậm trợn hay tay chân múa may quay cuồng hung hăng, thì người ta biết là đệ đang nổi cơn thịnh nộ nóng giận dữ dội. Nhưng cái nóng giận đó, do có duyên nên nó mới sanh khởi. Như người nào đó làm trái ý nghịch lòng đệ mà đệ không vừa ý thì liền đó đệ nổi giận ngay. Vậy thì cái giận này do duyên mà sanh khởi nên nó không có thật, khi có khi không. Khi không có thì người ta tưởng đâu là nó mất, kỳ thật thì nó chỉ ẩn tàng sâu kín trong tiềm thức chứ không có thật mất. Đơn cử một thứ phiền não, còn những thứ phiền não khác cũng thế. Đệ vận dụng công phu tu hành cho đến khi nào những thứ phiền não này không còn nữa, thì chừng đó cái tánh

không giận, nói chung là tánh "KHÔNG" của vạn pháp sẽ hiện bày. Như sóng không còn, thì toàn thể mặt biển yên lặng hiện ra. Thế thì, mất là mất cái giả không thật, chớ cái chơn tánh thì làm sao mất được? Tuy nhiên, cái không mất này, vì không có hình tướng nó vượt ra ngoài đối đãi nhị nguyên, nên chúng ta không thấy được. Như đèn thấy đèn tuy có đút bóng không cháy, nhưng điện nào có mất đi đâu. Tuy điện không mất nhưng bảo đèn chỉ ra cái tướng trạng của điện như thế nào, thì thử hỏi làm sao đèn có thể chỉ được. Tuy không chỉ ra được mà nó vẫn hiện hữu. Chính cái chỗ này mà trong kinh thường nói cái tánh vi diệu hay diệu pháp là vậy đó. Như đức Phật Ngài đã hết vô minh phiền não nhưng cái bản tánh viên giác của Ngài đâu có mất. Nói mất hay còn là nói trong phạm vi đối đãi, còn cái thực thể vượt ngoài đối đãi thì không thể nói còn hay mất gì cả. Chính vì thế, sư huynh mới nói nó sâu sắc là vậy. Vô minh và Phật tánh tuy cả hai đồng thời có, nhưng vô minh thì vô thủy mà hữu chung, còn Phật tánh thì vô thủy vô chung. Cái có hình tướng thì mất còn cái không hình tướng thì không bao giờ bị hoại diệt. Cho nên trong kinh Pháp Hoa gọi cái tánh thể này là "Như Lai Thọ Lượng" (mạng sống lâu dài vượt ngoài thời gian không sanh không diệt). Còn trong Kinh Lăng Nghiêm thì gọi là "Thường trụ chơn tâm, tánh tịnh minh thể".

Chú Huệ Minh nãy giờ lắng nghe sự giải thích cặn kẽ của sư huynh Huệ Văn, mà lòng cảm phục sự hiểu biết sâu sắc của sư huynh mình. Thật đáng cho mình học hỏi.

Chú Huệ Tân tuy không hiểu nhiều, nhưng cũng lãnh hội được chút ít qua sự giải bày còn và mất từ cái thô bên ngoài cho đến cái còn và mất của cái vi tế bên trong.

Ba huynh đệ luận bàn đối đáp đến đây, bỗng nghe âm thanh của ba tiếng keng từ trong chùa vọng lại, đó là báo hiệu giờ Tịnh độ tối sắp bắt đầu. Ba tiếng keng đó là do bà Bảy đánh, vì trước khi đi, thầy Huệ Văn có dặn bà Bảy tới giờ đánh keng giùm. Nghe tiếng keng báo hiệu, ba người đều lần mò theo con đường mòn quen thuộc trở vô chùa để chuẩn bị cho giờ Tịnh độ tối...



SƯƠNG MAI

Sáng nay, sương giăng trắng xóa khắp cả khu đồi. Cảnh vật đều chìm trong màn sương mù dày đặc bao phủ. Như thường lệ, sau thời công phu khuya, tất cả huynh đệ đều ra phía trước sân chùa để tập thể dục. Đây là điều luật bắt buộc đã ghi vào trong Thanh Quy. Ai cũng biết Nhà Sư trụ trì rất nghiêm khắc về giới luật. Những động tác thể dục này đều do thầy Huệ Văn trước đây đã hướng dẫn. Nay tuy không có mặt thầy, nhưng những buổi thể dục và các thời khóa lễ vẫn phải duy trì đều đặn. Sau giờ thể dục, chú Huệ Tân đến nhà trụ tiếp tay phụ lực cùng với bà Bảy để chuẩn bị cho giờ tiêu thực sáng.

Hôm nay, người ta thấy trong chùa lại có thêm hai chú tiểu cạo đầu chưa chóp. Hai chú tuổi tác xấp xỉ ngang nhau. Một chú mười tuổi còn chú kia mười một tuổi. Chú mười một tuổi có pháp danh là Huệ Tiến. Còn chú mười tuổi pháp danh là Huệ Đạo. Trông hai chú có vẻ ngây thơ hiền từ rất dễ thương mến. Có người nói, không biết con nhà ai mà có duyên lành với Phật pháp rất sớm. Mới chừng ấy tuổi mà đã cạo tóc xuất gia vào chùa tu học rồi. Thật con nhà ai mà có phước quá! Có con đi tu sớm như vậy, chắc là ba mẹ của các chú cũng là những người hiền lương nhân đức lắm. Chỉ có cây lành mới sanh ra trái ngọt thôi. Họ còn nói, xuất gia

tu hành đâu phải là chuyện dễ. Nhất là tuổi đời còn quá trẻ như các chú này, làm sao chịu đựng được cái nếp sống thức khuya dậy sớm, công phu bái sám ở trong chôn Già lam yên tĩnh. Nội cái ăn chay trường không thôi cũng là đã khó khăn lắm rồi, nói chi đến những chuyện gì khác. Nếu các chú không có căn tu sâu dày ở đời trước thì làm sao đời này mà có thể ăn chay trường cho được? Người lớn còn ăn không nổi nói chi đến mấy chú nhỏ. Tuổi còn trẻ như các chú thì ham rong chơi, thích giao du với bè bạn, lại thêm thèm ăn thịt cá và có bao giờ muốn rời xa cha mẹ sớm đâu. Thế mà, hai chú này lại vào chùa tu được thật không phải là chuyện thường. Chắc là cũng có tiền duyên kiếp trước chi đây nên nay các chú mới chịu khổ cực ở chùa tu như thế. Sự luận bàn của họ cũng không phải là vô lý.

Trong chùa, vì có thêm đạo chúng tu học nên những sinh hoạt thường ngày như có phần đổi khác. Nhà Sư trụ trì phân chia phận sự mỗi người một việc. Đây là nơi theo Thanh Quy của Tổ Bách Trượng ngày xưa. Tổ chủ trương: “Nhứt nhựt bất tác nhứt nhựt bất thực”. Nghĩa là một ngày không làm thì một ngày không ăn. Và người chịu trách nhiệm trông coi hướng dẫn chỉ dạy trực tiếp cho các chú tu học là thầy Huệ Minh. Vì thầy Huệ Minh đã đăng đàn thọ giới cụ túc, tức giới luật của Tỳ kheo cách nay vài tháng. Vì vậy, nên thầy được

Nhà Sư giao cho trách nhiệm là phải hướng dẫn các chú trong công tác và tu học.

Hai chú tiểu, vì tuổi còn nhỏ nên chỉ làm những công việc lật vật phụ với chú Huệ Tân. Nhưng chủ yếu vẫn là phải học tập kinh điển. Thầy Huệ Minh chỉ dẫn cho các chú về những lễ nghi thường thức trong chùa. Trước tiên, là phải học những nghi thức cúng quá đường và hai thời khóa lễ sớm chiều. Nghĩa là những gì mà trước đây thầy Huệ Minh học hỏi nay thầy dạy lại cho các chú. Đó là mệnh lệnh của Nhà Sư trụ trì.

Riêng chú Huệ Tân sau thời gian ở chùa tu học, khép mình trong Thanh Quy nên giờ đây trông chú có vẻ nghiêm trang chững chạc hơn trước nhiều. Tuy còn trẻ tuổi, nhưng chú có một tác phong đạo đức thật đáng kính. Đối với mọi người chú luôn luôn biểu lộ thái độ khiêm nhường kính trọng và lễ phép. Nhờ có đức tánh khiêm cung lễ độ đó, mà chú rất được nhiều người mến thương. Những Phật tử thường hay tới lui chùa lúc nào họ cũng tỏ ra thương mến quý trọng chú. Vì thấy chú vừa có đức hạnh lại vừa thông minh học giỏi. Hai thời khóa tụng và một vài nghi thức khác ở trong chùa chú đều thuộc lòng. Tuy còn trẻ, nhưng chú có giọng tụng kinh rất hay. Nhiệm vụ của chú hằng ngày là làm thị giả cho Nhà Sư. Trước khi làm thị giả chú đã được thầy Huệ Văn huấn luyện dạy cho chú về

những luật nghi và phép tắc hầu thầy rất kỹ càng. Chú nhớ rất rõ về 24 oai nghi trong quyển Sa Di Luật Giải. Vì là Sa di nên chú phải học nằm lòng mười giới luật của Sa di và 24 thiên oai nghi. Ngoài ra, chú còn phải học những bài kệ và những câu chú trong quyển Tỳ ni nhật dụng yếu lược do Thiên sư Độc Thê biên tập. Sách này gồm có khoảng 50 bài kệ dành để dạy cho các thiền sinh thực tập, nuôi dưỡng ý thức và có được chánh niệm. Cần nói thêm sách này một số bài kệ là do tác giả sáng chế và một số bài kệ khác là ngài trích ra từ trong Kinh Hoa Nghiêm. Do đó, nên những phép tắc luật nghi của Sa di chú đều phải học cho thông thuộc. Chính vì thế nên chú rất được Nhà Sư thương mến. Đồng thời cũng nhờ gần gũi bên Sư Phụ, nên chú cũng học hỏi được rất nhiều điều hay ho mới lạ.

Đối với thầy Huệ Văn, lúc nào chú cũng kính trọng. Bởi thầy Huệ Văn cũng thương chú lắm. Thầy Huệ Minh cũng rất là thương chú. Khi thầy Huệ Minh chưa thọ đại giới thì hai huynh đệ thường hay đùa giỡn thân thiết với nhau. Nhưng từ ngày thầy Huệ Minh thọ đại giới thì hai huynh đệ có hơi ngăn cách đôi chút. Bởi Sa di lúc nào cũng phải kính trọng vị Tỳ kheo. Đó là y cứ theo giới luật Phật dạy. Ngoài tình huynh đệ trong đạo ra, họ còn xem nhau như tình anh em ruột thịt. Bởi cùng cảnh ngộ nên họ rất dễ thông cảm và thương yêu

quý kính nhau hơn. Sau khi thầy Huệ Văn đi học, thầy Huệ Minh thay sư huynh của mình mà hướng dẫn chỉ dạy cho chú Huệ Tân. Những lúc nghỉ hè, thầy Huệ Văn thường hay về chùa thăm Thầy Tổ và quý huynh đệ.

Mấy hôm nay, thầy Huệ Minh và chú Huệ Tân rất trông sư huynh của mình. Bởi thầy Huệ Văn có gửi thư về báo tin là thầy đã thi tốt nghiệp mãn khóa của lớp Trung đẳng Phật học chuyên khoa vừa xong. Lẽ ra thì thầy về sớm, nhưng vì muốn ở nán lại để xem biết kết quả. Kết quả là thầy đã được đậu và sau ba tháng nghỉ hè sẽ thi vào lớp cao đẳng. Được tin này cả chùa ai nấy đều rất vui mừng. Có lẽ người vui mừng nhất phải nói là Nhà Sư trụ trì. Bởi bao năm dạy dỗ người đã bỏ ra rất nhiều công sức để uốn nắn đào tạo cho vị đệ tử của mình. Nay nhận được tin này thử hỏi ngài không vui mừng sao được? Tuy nhiên, Nhà Sư không bao giờ bộc lộ sự vui mừng đó cho mọi người biết. Bởi ngài là người lúc nào cũng tỏ ra trầm ngâm tế nhị, thâm trầm và kín đáo.

Trong niềm vui chung đó, Nhà Sư vẫn luôn khuyến khích cho các đệ tử của mình phải luôn tinh cần gắng sức trên bước đường tu học. Nhà Sư thường nói, sự tu học nó đòi hỏi người tu phải trang bị cho mình có thêm ý chí vững chắc và luôn kiên nhẫn trước mọi nghịch cảnh gian lao thử thách. Cổ Đức

thường nói: “Lửa thử vàng, gian nan thử sức”. Trên đời không có ai thành công sự nghiệp mà không phải trải qua những gian lao thử thách. Dù sự nghiệp thế gian hay sự nghiệp trong đạo cũng thế.

Trở lại vấn đề, khi nhận được tin mừng đó, Bà Bảy và cô sáu Diệu Tâm liền đi chợ mua đồ về để nấu thiết đãi ăn mừng thầy Huệ Văn thi đậu. Cô sáu Diệu Tâm nhờ bà Bảy hướng dẫn vào trong chùa làm công quả. Bà Bảy giới thiệu cô với Nhà Sư và đã được Nhà Sư hoan hỷ chấp nhận. Sau thời gian ở chùa làm công quả, cô xin phép Nhà Sư cho cô được thế phát quy y. Lời thỉnh cầu của cô đã được Nhà Sư hứa khả. Nhà Sư cho cô pháp danh là Diệu Tâm. Cô đã quy y cạo đầu theo lời nguyện vái của cô. Tính từ ngày đó đến nay đã trải qua gần nửa năm. Tuổi của cô khoảng sáu mươi, dáng người hơi gầy và thấp nhỏ. Bà Bảy lớn hơn cô khoảng hơn mười tuổi. Nhà Sư trụ trì cho hai người ở chung một gian phòng.

Từ ngày có cô Diệu Tâm đến chùa phụ việc, bà Bảy cảm thấy bớt lo và vui hơn. Vì đã có người bầu bạn sớm hôm hủ hỉ. Trước đây mỗi lần bà bị bệnh đau thì phải nhờ đến thím Năm ở xóm dưới cạo gió và giác hơi giùm. Bây giờ thì đã có cô Diệu Tâm giúp cho bà rồi. Do đó, nên bà cũng rất yên tâm phần nào. Bà không còn phải lo lắng như trước kia nữa. Hoàn cảnh của cô Diệu Tâm cũng rất là

thương tâm đau khổ. Lần đầu tiên, khi gặp bà Bảy, cô đã bày tỏ tất cả nỗi lòng hoàn cảnh đau khổ ngút ngàn của mình cho bà Bảy nghe. Nghe qua, Bà Bảy cũng chạnh lòng thương xót và cảm thông cho tình cảnh của cô. Bởi hai con người có cùng một tâm trạng và một hoàn cảnh giống nhau nên họ cũng dễ thương yêu và cảm thông nhau hơn.

Chuẩn bị cơm nước đâu đó xong xuôi thì thầy Huệ Văn cũng vừa về tới. Mọi người mừng rỡ đến chào hỏi. Thầy Huệ Minh và các chú đều vui vẻ chấp tay kính cẩn chào vị sư huynh của mình. Thầy Huệ Văn đưa hành lý xách tay cho chú Huệ Tân. Thấy hai chú tiểu Huệ Tiến và Huệ Đạo cạo đầu chưa chóp trông rất dễ thương, nên thầy Huệ Văn xoa đầu hai chú và nói: “Hai em cố gắng nghe lời dạy bảo của Sư Phụ và các sư huynh để cố gắng học hỏi nhiều nhe chưa”!

Hai chú tiểu đồng dạ và rồi đi theo sau chú Huệ Tân. Thầy Huệ Văn đi thẳng đến phòng của Nhà Sư để chào hỏi và đánh lễ vị Sư Phụ khả kính của mình. Sau vài lời bày tỏ tâm tình, thầy Huệ Văn xin phép Nhà Sư đến lễ Tổ, và lên chánh điện lạy Phật. Xong rồi, thầy lặng lẽ về lại căn phòng của thầy. Trong khi đó bà Bảy và cô Sáu Diệu Tâm đã chuẩn bị sẵn sàng thức ăn. Dọn cơm xong, mọi người vui vẻ dùng bữa trong thâm tình thầy trò huynh đệ...

Cái nắng oi bức nóng nực của mùa hè làm cho con người cảm thấy thật khó chịu. Tuy trời đã ngả về chiều, nhưng hơi nóng vẫn còn kéo dài. Thầy Huệ Văn cùng với các sư đệ của mình đồng ra ngoài vườn để hóng mát. Khu vườn có nhiều loại rau trái mà thầy trò đã bỏ nhiều công sức canh tác. Đến giàn mướp hương lá xanh tươi mướt và có nhiều bông trái lớn nhỏ. Thầy Huệ Minh như có dịp khoe với sư huynh của mình:

- Sư huynh biết không, giàn mướp hương này đệ trồng rất là sai trái. Mỗi lần ra làm vườn, Sư Phụ hay để ý nhìn giàn mướp của đệ và khen đệ có tay trồng trọt và khéo chăm sóc. Mọi người vừa nói vừa đi vui cười hỷ hả. Các huynh đệ dạo qua một vòng, thầy Huệ Văn cảm thấy rất vui. Vì sau nhiều ngày xa cách vắng bóng ở khu vườn này, nay trở về nhìn lại cảnh vật chung quanh như gọi lại cho thầy nhiều kỷ niệm êm đẹp ở nơi đây.

Thầy nhớ lại, có lần thầy thắc mắc hỏi Nhà Sư về những bài kệ mà Nhà Sư bảo thầy phải học thuộc lòng. Vì vâng lời dạy của Sư Phụ nên bài kệ nào thầy cũng đều cố gắng học thuộc. Tuy nhiên, thuộc lòng thì thuộc, nhưng nghĩa lý thâm sâu của bài kệ thì thầy cũng chưa hiểu rõ lắm. Do đó, có lần trong lúc làm vườn, xong rồi, Nhà Sư đến một tảng đá ngồi nghỉ hóng mát cho khỏe, lúc đó thầy đến bên cạnh Nhà Sư liền hỏi:

- Kính bạch Sư Phụ, hôm trước Sư Phụ có dạy con bảo con phải học thuộc lòng bài kệ của Thiên Sư Vạn Hạnh, nhưng con suy nghĩ hoài mà không hiểu nghĩa lý thâm sâu của bài kệ đó. Vậy, kính mong Sư Phụ từ bi giải thích rõ ra cho con được hiểu. Nhà Sư bảo:

- Đâu con tụng bài kệ đó lại cho thầy nghe thử.

Nghe Sư Phụ bảo không cần phải suy nghĩ thầy liền đọc thuộc lòng:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thạnh suy như lộ thảo đầu phô.*

Thầy vừa tụng xong, Nhà Sư liền nói:

- Con có biết tại sao thầy chỉ bảo cho con học thuộc lòng mà không giải thích cho con hiểu không?

- Dạ thưa, có phải vì lúc đó con chưa đủ trình độ để nhận hiểu.

- Đúng vậy. Thầy để cho con có thêm thời gian để tư duy về nghĩa lý của bài kệ, khi nào con cảm thấy muốn hiểu rõ nghĩa lý của nó, chừng đó hỏi thầy thì thầy mới giảng giải cho con nghe. Thầy làm

như vậy, để cho con thấy rằng, cái gì mà mình nghe dễ quá thì cũng dễ mau quên. Bởi vậy, người học đạo cần phải vận dụng trí huệ để tư duy thiền quán. Bây giờ, thầy giảng sơ qua về ý nghĩa của bài kệ đó cho con hiểu. Khi thầy giảng con phải hết lòng chú tâm lắng nghe cho thật kỹ.

- Dạ, con sẽ hết lòng lắng nghe Sư Phụ giảng dạy.

- Tốt lắm. Câu đầu của bài kệ, Thiền Sư ví cái thân tứ đại của chúng ta đang mang đây nó giống như một lần điện chớp trên nền trời, lóe lên rồi chớp tắt. Bởi do hai luồng điện âm dương chạm vào nhau nên nó tạo thành một tiếng nổ vang rền như sấm mà người ta thường gọi là sấm sét. Một lần điện xẹt lên chớp nhoáng rồi liền tắt hẳn. Ý Ngài muốn chỉ cho chúng ta thấy, cái thân này nó mỏng manh vô thường sinh diệt cũng giống như lần điện chớp nhoáng kia, vừa thấy là đã mất. Con thấy, ở đời người ta cứ nghĩ cái thân này sống được bảy tám mươi năm cho là lâu dài, thật ra nó chỉ là một nháy mắt thoáng qua thôi. Như nay đây tuổi của thầy đã già nua nhìn lại thời gian qua in như là một chớp mắt. Đời người ngắn ngủi có khác chi là một giấc mộng, hay như một luồng điện nhoáng qua rồi mất. Con nên nhớ có bốn điều khi qua rồi mình không thể nào tìm lại được. Bốn điều đó là:

1. Thời gian. Thời gian trôi qua vùn vụt như tên bắn. Hôm nay con không thể nào tìm lại được ngày hôm qua. Bởi vậy, con cần phải trân quý thời gian để gắng lo nỗ lực chuyên tâm tu hành.

2. Lời nói. Lời nói qua khỏi cửa miệng con rồi, con không thể nào lấy lại được. Người xưa có nói: “Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy”. Nghĩa là một lời đã thốt ra bốn con ngựa đuổi theo không kịp. Thế nên, trong lúc hành xử con cần phải cẩn thận ở nơi lời nói.

3. Nước đổ. Một ly nước khi mà con đã đổ xuống đất rồi, thì không bao giờ còn lấy lại được nữa.

4. Cơ hội. Trong cuộc sống hằng ngày khi mình gặp cơ hội tốt đến với mình, thì mình nên nắm bắt liền. Bởi khi cơ hội qua rồi thì mình không thể nắm bắt lại được nữa. Bây giờ đây con còn trẻ là cơ hội rất tốt để cho con trau dồi học hỏi kinh nghiệm thêm, đừng để đến khi lớn tuổi già nua rồi thì cơ hội không còn nữa đâu. Cho nên, việc gì làm được hôm nay, chớ nên để đến ngày mai mới làm.

Đó là thầy nói để cho con hiểu thêm về những cái đã qua rồi không thể lấy lại được. Bây giờ thầy trở lại giảng tiếp ý nghĩa của bài kệ. Đời người khác nào như những hạt sương mai đọng trên đầu ngọn cỏ. Chợt có liền không. Thấy đó rồi mất đó. Chính

vì nhận được cái lý vô thường sinh diệt nhanh chóng này mà Tổ Quy Sơn mới than:

"Vô thường lão, bệnh, bất dữ như kỳ, triệu tồn tịch vong, sát na dị thể. Thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô, ngạn thọ tỉnh đằng, khởi năng trường cứu. Niệm niệm tấn tốc, nhứt sát na gian, chuyển tức, tức thị lai sanh, hà nãi yển nhiên không quá".

Đó là thầy nói cho con nghe bằng cái âm Hán Việt, giờ đây thầy dịch nghĩa bằng tiếng Việt cho con hiểu. "Vô thường già bệnh, nó không hẹn với người. Sớm còn tối mất, giây phút qua đời khác. Ví như sương mùa xuân, móc ban mai phút chốc liền không, khác nào như cây trên bờ, dây miệng giếng, đâu đặng lâu dài. Mỗi niệm, mỗi niệm mau chóng. Trong một sát na trở hơi thở chuyển qua đời sau. Đã thế nữa nào ngồi yên để cho thời gian luống trôi qua không chút hối tiếc".

Con thấy, những bậc đạt đạo, các Ngài thấy kiếp sống của con người vô thường nhanh chóng lắm. Khác nào như những con phù du sớm sanh ra chiều lại chết.

*Đời người trăm tuổi có bao lâu
Sớm chẳng tâm tu để bạc đầu
Rãng rụng mắt lò tinh khí kém*

*Tội dày phước mỏng nghiệp trồng sâu
Trước lo bồi đức gieo nhân tốt
Sau kết thành duyên hưởng quả mau
Hương thiện thuyên từ mau trở lái
Dần dà cái chết biết chừng đâu!*

Con còn nhớ, có lần sau giờ Tịnh độ tối, thầy bảo các con đến nghe thầy dạy đôi điều về pháp hạnh của người xuất gia. Lúc đó, thầy cũng có đọc bài thơ của Ngài Tuệ Trung Thượng Sĩ:

*Kiếp sống con người tợ phù ôu
Thọ yếu trời người chớ vọng cầu
Bóng ngã nương đâu chiều sắp đến
Thân như bèo liểu tạm qua thu
Phan Lang thuở nợ còn xanh tóc
Lữ Vọng ngày nay đã bạc đầu
Cuồn cuộn việc đời trôi chẳng đoái
Vàng ô gác núi nước trôi xuôi.*

Đến câu thứ hai của bài kệ Ngài nói: “Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô”. Đây là nói về cái lý vô thường của thời tiết và vạn vật. Thời tiết thì có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông luôn luôn xoay vần biến chuyển đổi thay. Mùa xuân thì trăm hoa đua nở cây lá xanh tươi, nhưng đến mùa thu thì hoa lá héo úa tàn phai, rơi rụng. Con người và cảnh vật đều chịu chung một định luật vô thường chi phối không có một vật nào thoát khỏi. Khi con nhận hiểu được lý

vô thường sinh diệt của vạn pháp, thì con sẽ không còn bám chấp vào bất cứ thứ gì. Từ đó, con sẽ nhìn cuộc đời có những điều mới lạ hơn và cuộc sống của con cũng có nhiều thay đổi hơn. Bởi con biết rằng, tất cả đều là giả tạm, sống gỏi thác về, thì có gì phải bận tâm tham chấp buồn lo sợ hãi.

Vì vậy, nên hai câu kệ Ngài nói: “Nhậm vận thanh suy vô bố úy, thanh suy như lộ thảo đầu phô”. Khi trang bị cho mình có cách nhìn đời như thế, thì dù cho cuộc đời này có thanh hay suy, có thành hay bại, có được hay mất, Ngài khuyên chúng ta cũng đừng có lo âu sợ hãi. Bởi việc thanh suy, thành bại, còn mất... đó là từng cặp đối đãi diễn ra trong bầu trời tâm thức khái niệm của chúng ta. Ở đời, con thấy có ai muốn mình bị đau khổ, suy vong, thất bại bao giờ đâu, ai cũng muốn cho mình được hanh thông, an vui, hạnh phúc, hưng thịnh, thành công trong mọi công việc. Nhưng con ơi! Cái muốn của mình mà tất cả đều được như ý của mình hết, thì cõi đời này đâu còn có khổ đau hệ lụy nữa. Tất cả đều trở thành là cõi Cực lạc huỳnh kim hết rồi.

Có điều này thầy cũng muốn nhắc nhở cho con nhớ: “Cuộc sống của chúng ta tất cả đều theo duyên, duyên còn thì sống, duyên tan thì mất. Sự còn mất, thanh suy, thành bại, vui khổ, hợp tan v.v... ở đời tất cả đều tùy duyên, không có cái gì là mình hay cái của mình cả”. Bởi thế, nên Ngài thức

nhắc chúng ta phải coi sự thanh suy hưng vong ở đời bằng cái nhìn tuệ giác sắc bén. Phải thấy tất cả chỉ là những hạt sương mai phô bày trên đầu ngọn cỏ chột có liền không. Còn mắt như trở bàn tay. Đã thế, thì có gì mà phải tranh chấp cầu xé đấu đá hơn thua với nhau. Vì tất cả cũng chỉ là bọt biển đang trôi bèo bồng trong dòng sông sanh tử. Đã là bọt biển thì nào có lâu dài. Ôn Như Hầu đã chẳng than: “Nghĩ thân phù thế mà đau, bọt trong bể khổ bèo đầu bến mê”. Ông cũng đã từng gậm nhấm những mùi danh lợi thăng trầm đến đổi lưỡi phải tê và tràn đầy cay đắng khổ lụy. Trải qua con đường đau khổ không có lối thoát.

Âm vang dạy dỗ của Sư Phụ ngày nào bỗng dưng nay nó hiện rõ trong dòng tâm thức suy tưởng của thầy. Trong lúc thầy đang miên man suy nghĩ, bất chợt, nghe tiếng kêu lớn của sư đệ Huệ Minh gọi chú Huệ Tân, thầy mới giật mình tỉnh thức trở về với hiện thực. Cái giật mình của thầy là thầy biết mình đang bị mất chánh niệm. Thầy đang thả hồn phiêu lưu rong chơi trong quá khứ. Tuy nhiên, thầy nghĩ rằng, nếu đem cái quá khứ đó mà làm bài học kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai, thì cũng không có gì là lỗi làm cả. Đó là điều mà thầy đã học hỏi được ở nơi nhà trường. Chú Huệ Tân nghe thầy Huệ Minh kêu liền lên tiếng và vội vã đến bên thầy Huệ Minh. Thầy Huệ Minh nói:

- Sư đệ coi cây cải này mới có mấy hôm mà nó đã lớn tươi tốt như thế này. Và cái liếp rau của đệ trông nó cũng lên xanh um tươi tốt. Chú Huệ Tân nói:

- Cái gì nó cũng theo thời gian mà lớn lên. Đúng như lời Sư Phụ dạy hôm trước là vạn vật đều phải trải qua một chu kỳ của quá trình: “sinh, trụ, di, diệt hay thành, trụ, hoại không”. Thầy Huệ Văn nghe chú Huệ Tân nói thế liền khen:

- Sư đệ Huệ Tân nay đã khá tiến bộ rồi đó. Sự nhận thức của sư đệ đối với vạn vật quả đúng như vậy. Song có điều mình phải hiểu thêm, Phật dạy vạn vật đều vô thường sinh diệt, đó là đúng về mặt cảnh giác thức nhắc người ta đừng có cố chấp vào sự vật, và phải nhận rõ đúng với lẽ thật trong sự biến chuyển vô thường của nó. Tuy nhiên, nếu chỉ hiểu và dừng lại ở mặt vô thường không thôi, thì chúng ta sẽ nhìn cuộc đời trở nên bi quan chán nản và không còn đủ sức vươn lên để phát huy tiềm năng lực dụng dồi dào của sự sống. Nếu nhìn về mặt lạc quan, thì ta nên cảm ơn vô thường, vì nhờ có vô thường mà cuộc đời luôn có sự đổi mới và cuộc sống mới có được hanh thông tiến bộ.

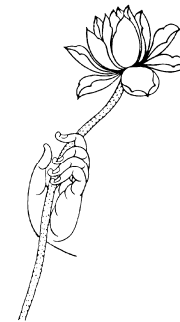
Thầy Huệ Minh nói xen vào:

- Đúng vậy. Nếu không nhờ vô thường thì quý huynh đệ của mình đâu có được như ngày hôm nay. Nhất là sư huynh Huệ Văn đó. Ngày xưa, kiến thức của sư huynh đâu phải như ngày nay. Nhờ vô thường đổi thay mà sư huynh mới có được cái cơ may là vào học đường. Như vậy, thời gian nếu mình khéo biết lợi dụng nó để tu học, hành thiện, thì sẽ đem lại lợi lạc cho bản thân và xã hội rất nhiều. Ngược lại, nếu xuôi theo dòng thời gian mà làm việc xấu ác thì sẽ có hại cho bản thân, gia đình và xã hội rất nhiều.

- Tự nãy giờ hai chú tiêu: Huệ Tiến và Huệ Đạo lắng nghe mấy sư huynh của mình trò chuyện đối đáp với nhau. Tuy các chú không hiểu được gì nhưng cũng cảm thấy rất vui, vì hôm nay đã được theo bên cạnh các sư huynh lớn của mình. Tuy nhiên, các chú vẫn quen theo lối trẻ con đùa giỡn chạy nhảy tung tăng chung quanh khu vườn. Các chú chạy nhảy nô đùa đuổi bắt với nhau thật là hồn nhiên ngây thơ. Có tuổi trẻ nào mà lại không như vậy. Thầy Huệ Minh đã được Sư Phụ giao cho trách nhiệm trông nom chỉ dạy các chú, nên thấy vậy thầy la rầy các chú không nên chạy nhảy đùa giỡn nữa. Và thầy gọi các chú đến cho sư huynh Huệ Văn bảo. Vì thầy Huệ Minh sợ Nhà Sư trông thấy thế sẽ la rầy trách phạt.

Mấy huynh đệ vừa ngắm cảnh dạo vườn vừa trò chuyện trao đổi với nhau thật lý thú vui vẻ, bỗng nghe tiếng gọi của Nhà Sư từ bên kia khu vườn vọng lại, tất cả đều lặng lẽ đi theo lối mòn để đến gặp vị Sư Phụ của mình...

Nắng chiều đã tắt, bên kia ngọn đồi tiếng chim kêu lên ríu rít như chúng gọi nhau bay về tổ ấm. Hoàng hôn buông xuống bao phủ cả ngọn đồi, mấy thầy trò cũng lặng bước lần theo con đường mòn dẫn vào trong chùa êm ả...



MỤC LỤC

Cây Tùng	3
Làm Vườn	22
Hạt Giống	35
Bên Giường Bệnh	47
Cành Mai	62
Hoa Vô Ưu	82
Bên Giòng Suối	97
Trà Đạo	115
Tình Huỳnh Đệ	133
Hướng Đi	164
Chịu Đựng	178
Còn và Mất	195
Sương Mai	214

PHƯƠNG DANH AN TỔNG
‘Chuyện Thiền Môn’

Sư cô Phước Trường	40	Diệu Lương	20
Sư cô Phước Hải	50	Chí Phước & C. Đức	50
Sư cô Phước Thanh	50	Mỹ Phước	20
Sư cô Phước Bình	100	Thanh Thê	20
Sư cô Phước Thọ	50	Thanh Nhơn	10
Sư cô Phước Hương	50	Diệu Châu 2	50
Sư cô Phước Niệm	50	Diệu Hương 3	10
Sư cô Phước Lễ	50	Hạnh Đắc	30
Sư cô Phước Chí	50	Thiện Minh	50
Sư cô Phước Tâm	50	Nguyễn Thuận	50
Emmy Phùng	50	Pháp Nghĩa	20
Quincy	25	Nguyễn Lộc	20
Lan Anh	100	Nguyễn Diệp	20
Lan Chi	200	Yên Triệu	30
Lan Phương	100	Lộc Trần	30
Đỗ Hữu Danh	100	Diệu Phước 2	10
Diệu Trâm	100	Thông Ngọc	30
Gia đình Diệu Đào	500	Hoa Lộc	20
Chúc Minh	200	Diệu Đạt 1	5
Hạnh Huyền	50	Tùng Triệu	30
Phạm Văn Đệ	25	Chân Tâm Đạo	20
Diệu Trâm	100	Diệu Hiền 2	20
Nguyễn Liên	50	Chơn Thanh	20
Tâm Thanh Tịnh	100	Diệu Hải 1	10
Lê Thị Hạnh Tiến	50	Quảng Đài	20
Nhật Tươi	1000	Hạnh Phúc	20
Quang Diệu	100	Diệu Đắc	50
Minh Thiệt	60	Tâm Chiếu	50
Chiếu Hoằng	30	Diệu Huệ 1	50
Minh Nhơn	50	Phương Liên	100
Minh Quang	10	Phương Độ	100
Diệu Lạc 3	20	Chân Mỹ Lộc	40
Hạnh Thông	50	Diệu Thông	10

Diệu Như 2	50	Diệu Hạnh	20
Tâm Thanh	50	Diệu Huệ 2	20
Tâm Bảo	15	Diệu Lạc	20
Tịnh Từ	20	Tâm An Hỷ	20
Diệu Hoàng	20	Chân Mỹ Thu	10
Truyền Kinh	30	Hạnh Giác	10
Diệu Quang 4	30	Minh Đức	10
Tâm Liên	50	Quang Hương	20
Tâm Hải	50	Viên Nhụy	20
Hà Ngọc	50	Hà Thị Kim Dung	20
Huệ Ân	50	Đồng Giới	20
Tâm Tướng	30	Thanh Liên	10
Ẩn danh	20	Quang Nghiêm	50
Đức Tuệ	10	Giang Như	20
Từ Phụng	100	Phong & Trinh	20
Huệ Tịnh	30	Nguyễn Phương	50
Niên Hòa	50	Thanh Châu	20
Từ Hương	50	Tín Chánh	20
Đức Vân	50	Diệu Liên 2	10
Viên Thật	50	Viên Hội	20
Viên Hiệp	50	Diệu Âm Huệ Viễn	50
Diệu Quang 1	20	Viên Như	50
Phước Ngọc	20	Viên Mỹ	20
Thanh Huyền	20	Viên Minh	20
Diệu Hương 2	30	Peter	20
Diệu Dụng	20	Huệ Phương hồi hương	
Như Hương	30	Đoàn Ngọc Nhân	
Tâm Đắc	20	Pd. Quý Thiện	50
Tâm Diệu	10	Diệu Hiền 2	30
Viên Phụng	10	Tâm Tiên	50
Duyên Bình	50	Viên Hiền	50
Tắc Hương	50	Viên Hảo	20
Lệ Tâm	20	Chơn Thọ	20
Hoa Quang	10	Diệu Nguyệt 1	20
Nguyên Dung	10	Diệu Bạch	20
Nguyên Sơn	10	Chơn Hiền Đạo	20

Diệu Hiền 2	20	Diệu Huệ & M.Quang	20
Tâm Thể	30	Tâm Thật	10
Nguyên Lạc	10	Viên Ngộ	5
Diệu Lượng	20	Diệu Hậu	10
Quảng Lộc	20	Tâm Hiệp	10
Tâm Viên	30	Diệu Hồng	10
Diệu Hòa	30	Thọ Nhựt	10
Viên Mậu	20	Tâm Thanh	10
Tâm Chánh	50	Pháp Âm	10
Tâm Thiện	50	Diệu Ngọc	10
Tâm Khiết	50	Đức Ngọc	10
Nhân Chí	20	Diệu Tính	10
Diệu Nguyên 2	30	Ngọc Sanh	5
Thanh Linh	20	Diệu Tánh	10
Diệu Tuyết	100	Chúc Nhuận & D. Ngọc	20
Nguyệt Phước	10	Diệu Phúc	20
Chơn Trì	50	Tâm Thanh	10
Diệu Nhân	20	Ngọc Hồng	20
Tâm Nguyên 1	30	Trần T. Bích Ngọc	10
Như Mai	30	Tịnh Thủy	10
Diệu Đức	20	Hoàng Quý	10
Quang Hiệp	10	Diệu Thiện	50
Quang Liễu	10	Minh Đạt & Tâm Huệ	100
Tâm Quảng	20	Hội hương cầu siêu hl. Ng.	
Tịnh Phương	50	T. Ngâu pd Chúc Trần	100
Minh Hoàng	30	Phan T. Kim Chi	150
Lệ Nhân	40	Tâm Hoa (<i>Noumea</i>)	30
Diệu Từ	20	Phổ Thành (<i>Noumea</i>)	30
Diệu Quang 5	100	Viên Chí (<i>Noumea</i>)	30
Linh Diệu	20	Viên Tường (<i>Noumea</i>)	30
Hạnh Hải	50	Tâm Hương (<i>Noumea</i>)	30
Diệu Phủ	10	Tâm Hợp (<i>Noumea</i>)	30
Phương Từ	100	Tâm Chơn (<i>Noumea</i>)	30
Huệ Lạc	30	Viên Đạt (<i>Noumea</i>)	30
Diệu Hạnh	50	Diệu Huệ (<i>Noumea</i>)	30
Huệ Trí	5	Minh Ngộ (<i>Noumea</i>)	30

HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm Phật Tịnh Độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có người thấy nghe
Đều phát lòng Bồ Đề
Hết một báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc
Nam mô A Di Đà

DELICATION OF MERIT

May the merit and virtue
Accrued from this work
Adorn the Buddha's Pure Land
Repay the four great kindnesses above
And relieve the suffering of
Those on the three paths below
May those who see or hear of these efforts
Generate Bodhi-Mind
Spend their lives devoted to the Buddha Dharma
The Pure of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha

CHUYỆN THIỀN MÔN

Biên soạn: Thích Phước Thái

Ấn hành lần thứ nhất 1500 quyển

Chùa Quang Minh

2014

SÁCH ẨM TỔNG ĐỂ BIỂU TẶNG
KHÔNG ĐƯỢC BÁN

The book is strictly for free distribution, it is not for sale

Printed by: ALL-VILLA PRINT

Tel: 02 9724 7012